

**DANH SÁCH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN  
HẾT HIỆU LỰC HOẶC KHÔNG CÒN GIÁ TRỊ  
(Cập nhật đến ngày 31/7/2017)**

**Một số điểm lưu ý:**

1- Danh sách sau đây bao gồm các Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị của các kiểm toán viên hành nghề tại doanh nghiệp kiểm toán thuộc các trường hợp quy định tại Điều 8 Thông tư 2012/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012.

2- Các Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán sau đây không còn giá trị để ký báo cáo kiểm toán và báo cáo kết quả công tác soát xét kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị.

3- Danh sách này được cập nhật thường xuyên và công khai định kỳ, đề nghị tra cứu trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính: **[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)**

| Số TT | Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán | Cấp lần | Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán |               | Tên kiểm toán viên | Giới tính | Năm sinh | Quê quán/ Quốc tịch | Tên Công ty                           | Thời hạn Giấy chứng nhận hết hiệu lực/ không còn giá trị |          | Lý do                                    |
|-------|------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------|--------------------|-----------|----------|---------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------|
|       |                                                |         | Ngày bắt đầu                                         | Ngày kết thúc |                    |           |          |                     |                                       | Bắt đầu                                                  | Kết thúc |                                          |
| 1     | 0758-2013-001-1                                | 01      | 26/07/2013                                           | 31/12/2017    | Đặng Văn Khải      | Nam       | 1978     | Hải Dương           | <b>Công ty TNHH Deloitte Việt Nam</b> | 16/10/2013                                               | Vô hạn   | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 16/10/2013 |
| 2     | 2078-2013-001-1                                | 01      | 26/07/2013                                           | 31/12/2017    | Trần Thúy Hồng Anh | Nữ        | 1984     | Đà Nẵng             |                                       | 07/09/2013                                               | Vô hạn   | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 07/09/2013 |
| 3     | 2203-2013-001-1                                | 01      | 26/07/2013                                           | 31/12/2017    | Bùi Thị Thu Hiền   | Nữ        | 1983     | Thanh Hóa           |                                       | 03/09/2013                                               | Vô hạn   | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 03/09/2013 |
| 4     | 2378-2013-001-1                                | 01      | 11/10/2013                                           | 31/12/2017    | Vũ Như Thành       | Nam       | 1983     | Hà Nam              |                                       | 02/11/2013                                               | Vô hạn   | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 02/11/2013 |

|    |                 |    |            |            |                     |     |      |                   |
|----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-------------------|
| 5  | 2287-2013-001-1 | 01 | 11/10/2013 | 31/12/2017 | Trương Thị Mai Loan | Nữ  | 1985 | Hà Nội            |
| 6  | 1204-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Vũ Đại Trọng  | Nam | 1980 | TP. Hồ Chí Minh   |
| 7  | 2191-2013-001-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Cảnh Tâm         | Nam | 1983 | Nghệ An           |
| 8  | 2005-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Xuân Dương       | Nam | 1983 | Hải Dương         |
| 9  | 2501-2014-001-1 | 01 | 21/02/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Mạnh Hùng    | Nam | 1984 | Hà Nội            |
| 10 | 0797-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Duy Cường      | Nam | 1975 | Thái Nguyên       |
| 11 | 2585-2013-001-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Việt Anh     | Nam | 1982 | Hà Nội            |
| 12 | 2474-2013-001-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Tú Anh   | Nữ  | 1984 | Nghệ An           |
| 13 | 2393-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Hồng Dương       | Nam | 1986 | Hà Nội            |
| 14 | 2686-2013-001-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Ngọc Hân | Nữ  | 1983 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 15 | 1529-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thị Lợi        | Nữ  | 1979 | Kiên Giang        |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 01/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/11/2013 |
| 31/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 31/12/2013 |
| 25/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/04/2014 |
| 15/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2014 |
| 06/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 06/09/2014 |
| 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 15/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2014 |
| 10/10/2014 | Vô hạn | Ngừng đăng ký hành nghề từ 10/10/2014    |
| 15/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2014 |
| 07/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/11/2014 |

|    |                 |    |            |            |                         |     |      |                 |
|----|-----------------|----|------------|------------|-------------------------|-----|------|-----------------|
| 16 | 1130-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Văn Kiên          | Nam | 1980 | Cao Bằng        |
| 17 | 2603-2013-001-1 | 01 | 15/11/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thị Thu Trang       | Nữ  | 1985 | Hải Phòng       |
| 18 | 2061-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Thanh Phương      | Nam | 1982 | TP. Hồ Chí Minh |
| 19 | 2547-2013-001-1 | 01 | 15/11/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Việt Anh          | Nam | 1983 | Nghệ An         |
| 20 | 0029-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Anh Hùng         | Nam | 1971 | Hà Nội          |
| 21 | 2953-2014-001-1 | 01 | 11/09/2014 | 31/12/2018 | Dương Hải Nam           | Nam | 1986 | Nghệ An         |
| 22 | 2727-2014-001-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Lê Trung Chính          | Nam | 1986 | Quảng Bình      |
| 23 | 2967-2014-001-1 | 01 | 13/08/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Phương Thành | Nữ  | 1986 | Hải Phòng       |
| 24 | 2561-2013-001-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thị Hương           | Nữ  | 1983 | Thanh Hóa       |
| 25 | 2102-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Vũ Thanh Lâm     | Nữ  | 1985 | Bình Thuận      |

|            |            |                                                    |
|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 29/11/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/11/2014           |
| 10/03/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 10/03/2015           |
| 15/03/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/03/2015           |
| 06/04/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 06/04/2015           |
| 15/04/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/04/2015           |
| 25/05/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/05/2015           |
| 05/06/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/06/2015           |
| 18/06/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 18/06/2015 đến 31/12/2015 |
| 15/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2014           |
| 17/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 17/07/2015           |

|    |                 |    |            |            |                         |     |      |           |
|----|-----------------|----|------------|------------|-------------------------|-----|------|-----------|
| 26 | 3002-2014-001-1 | 01 | 13/08/2014 | 31/12/2018 | Đinh Tiến Long          | Nam | 1982 | Hưng Yên  |
| 27 | 2990-2014-001-1 | 01 | 13/08/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Đình Huy         | Nam | 1985 | Hà Nội    |
| 28 | 0771-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lã Toàn Thắng           | Nam | 1973 | Thái Bình |
| 29 | 3090-2014-001-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Đào Thị Xuân Hải        | Nữ  | 1985 | Hà Tĩnh   |
| 30 | 2260-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Thành Xuân Thủy         | Nam | 1984 | Hà Nội    |
| 31 | 0049-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Chí Nguyễn           | Nam | 1970 | Quảng Trị |
| 32 | 0145-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Nam               | Nam | 1974 | Hưng Yên  |
| 33 | 0401-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Văn Tân            | Nam | 1975 | Bến Tre   |
| 34 | 2967-2014-001-1 | 01 | 13/08/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Phương Thành | Nữ  | 1986 | Hải Phòng |
| 35 | 2445-2015-001-1 | 02 | 06/01/2015 | 31/12/2017 | Bùi Thế Anh             | Nam | 1984 | Ninh Bình |
| 36 | 1960-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Ngọc Hà        | Nữ  | 1983 | Hải Phòng |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 29/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/08/2015 |
| 29/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/09/2015 |
| 30/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2015 |
| 18/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/01/2016 |
| 16/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/04/2016 |
| 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |
| 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |
| 20/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/08/2016 |
| 19/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/10/2016 |
| 01/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2016 |
| 31/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2016 |

|    |                 |    |            |            |                      |     |      |            |
|----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|------------|
| 37 | 3081-2015-001-1 | 01 | 19/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Phương Dung   | Nữ  | 1987 | Thái Bình  |
| 38 | 0897-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Mai Hương         | Nữ  | 1979 | Nam Định   |
| 39 | 2543-2014-001-1 | 01 | 15/01/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Thanh Vân | Nữ  | 1983 | Thanh Hóa  |
| 40 | 2337-2014-001-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Đức Hưng      | Nam | 1982 | Thái Bình  |
| 41 | 3833-2016-001-1 | 01 | 10/10/2016 | 31/12/2020 | Lê Thị Thùy Linh     | Nữ  | 1989 | Quảng Bình |
| 42 | 3593-2016-001-1 | 01 | 10/10/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Mai Trang | Nữ  | 1986 | Thái Bình  |
| 43 | 1178-2013-001-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Văn Đình Khuê        | Nam | 1980 | Bình Định  |
| 44 | 1119-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Mạnh Hùng     | Nam | 1980 | Yên Bái    |
| 45 | 1911-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Xuân Châu         | Nam | 1984 | Thanh Hóa  |
| 46 | 2052-2013-002-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Thành   | Nam | 1983 | Bắc Ninh   |
| 47 | 1972-002-13-1   | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Đổng Thị Đức Hải     | Nữ  | 1983 | Quảng Ngãi |

**Công ty TNHH  
Hãng Kiểm toán  
AASC**

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 07/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/01/2017 |
| 26/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/01/2017 |
| 21/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/04/2017 |
| 02/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/06/2017 |
| 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017 |
| 24/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/06/2017 |
| 15/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2017 |
| 01/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2014 |
| 22/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/08/2014 |
| 15/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2014 |
| 02/02/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/02/2015 |

|    |                 |    |            |            |                    |     |      |            |
|----|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|------------|
| 48 | 1913-002-13-1   | 01 | 26/11/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Thị Thu Hiền | Nữ  | 1984 | Thanh Hóa  |
| 49 | 0054-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tự Lập      | Nam | 1947 | Thanh Hóa  |
| 50 | 2877-2015-002-1 | 01 | 14/01/2015 | 31/12/2019 | Lê Thị Mai Anh     | Nữ  | 1984 | Hà Nội     |
| 51 | 2939-2015-002-1 | 01 | 14/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Trọng Huyền | Nam | 1986 | Phú Thọ    |
| 52 | 2899-2015-002-1 | 01 | 19/01/2015 | 31/12/2019 | Trịnh Thanh Hà     | Nam | 1987 | Thanh Hóa  |
| 53 | 2282-2013-002-1 | 01 | 05/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Đình Hải     | Nam | 1985 | Bắc Giang  |
| 54 | 2903-2015-002-1 | 01 | 14/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Ngọc Sơn    | Nam | 1987 | Nghệ An    |
| 55 | 1939-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Hương Trà   | Nữ  | 1984 | Ninh Bình  |
| 56 | 3323-2015-002-1 | 01 | 19/10/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Tiến Thịnh  | Nam | 1984 | Thanh Hóa  |
| 57 | 1628-2013-002-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Đức Minh        | Nam | 1982 | Thanh Hóa  |
| 58 | 1092-2013-002-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thái    | Nữ  | 1959 | Quảng Ninh |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 02/02/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/02/2015 |
| 31/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2015 |
| 04/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/05/2015 |
| 04/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/05/2015 |
| 04/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/05/2015 |
| 20/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/07/2015 |
| 03/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 03/08/2015 |
| 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015 |
| 14/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/12/2015 |
| 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |
| 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |

|    |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |
|----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|
| 59 | 1918-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thanh Hương   | Nữ  | 1984 | Hà Nội          |
| 60 | 1624-2013-002-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đình Thăng    | Nam | 1983 | Nghệ An         |
| 61 | 0644-2014-002-1 | 01 | 29/10/2014 | 31/12/2018 | Đàm Trung Kiên       | Nam | 1976 | Vĩnh Phúc       |
| 62 | 2275-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Minh Huyền  | Nữ  | 1984 | Hà Nội          |
| 63 | 3425-2015-002-1 | 01 | 14/12/2015 | 31/12/2019 | Ngô Thị Thanh Thương | Nữ  | 1986 | Quảng Ninh      |
| 64 | 3178-2015-002-1 | 01 | 14/12/2015 | 31/12/2019 | Trần Minh Đức        | Nam | 1987 | Ninh Bình       |
| 65 | 2786-2015-002-1 | 01 | 14/01/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thị Thanh Hiền  | Nữ  | 1984 | TP. Hồ Chí Minh |
| 66 | 1612-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thanh Nhân      | Nữ  | 1983 | Hà Nội          |
| 67 | 0285-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quốc Dũng     | Nam | 1970 | Nghệ An         |
| 68 | 2280-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Ngô Thị Hương        | Nữ  | 1982 | Bắc Giang       |
| 69 | 3297-2015-002-1 | 01 | 19/10/2015 | 31/12/2019 | Trần Đoàn Khánh      | Nam | 1987 | Nghệ An         |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 22/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/02/2016 |
| 29/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/02/2016 |
| 29/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/02/2016 |
| 25/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/04/2016 |
| 28/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/06/2016 |
| 31/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2016 |
| 14/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/09/2016 |
| 14/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/09/2016 |
| 23/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 23/11/2016 |
| 14/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/01/2017 |
| 14/03/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/03/2017 |

|    |                 |    |            |            |                       |     |      |            |
|----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|------------|
| 70 | 2304-2013-002-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thanh Tùng       | Nam | 1985 | Hưng Yên   |
| 71 | 0286-2013-002-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Thanh Giang  | Nữ  | 1975 | Hà Nội     |
| 72 | 3777-2016-002-1 | 01 | 05/10/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Mạnh Chiến     | Nam | 1989 | Phú Thọ    |
| 73 | 3659-2016-002-1 | 01 | 04/11/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Nga        | Nữ  | 1989 | Hà Nội     |
| 74 | 3561-2016-002-1 | 01 | 04/11/2016 | 31/12/2020 | Dương Thái Hòa        | Nam | 1987 | Đồng Nai   |
| 75 | 3644-2016-002-1 | 01 | 04/11/2016 | 31/12/2020 | Phạm Ngọc Hà          | Nam | 1989 | Quảng Bình |
| 76 | 2890-2015-002-1 | 01 | 14/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Hoàng Ngân | Nữ  | 1987 | Hải Phòng  |
| 77 | 0225-2013-003-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thế Vinh         | Nam | 1962 | Hà Nội     |

|            |            |                                                                                                |
|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01/03/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/03/2017                                                       |
| 01/02/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/02/2017                                                       |
| 22/05/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/05/2017                                                       |
| 14/05/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/05/2017                                                       |
| 30/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2017                                                       |
| 14/07/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/07/2017                                                       |
| 14/07/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/07/2017                                                       |
| 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014/Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán 2014 |

|    |                 |    |            |            |                    |     |      |           |                                                          |            |            |                                                                                                |
|----|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|-----------|----------------------------------------------------------|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 78 | 1299-2013-003-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Hồng Ngọc | Nữ  | 1970 | Cần Thơ   | <b>Công ty Tư vấn Luật và Kiểm toán Hoàng Gia (SCCT)</b> | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014/Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán 2014 |
| 79 | 0224-2013-003-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trọng Toán  | Nam | 1963 | Hà Nội    |                                                          | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014/Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán 2014 |
| 80 | 1600-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Thanh Hà    | Nữ  | 1981 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam</b>           | 16/08/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 16/08/2013                                                       |
| 81 | 2180-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Võ Thị Phương Thảo | Nữ  | 1983 | Quảng Trị |                                                          | 11/10/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/10/2013                                                       |
| 82 | 0842-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Xuân Vinh      | Nam | 1976 | Phú Yên   |                                                          | 16/10/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/10/2013                                                       |
| 83 | 2221-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Hoàng Khánh An  | Nữ  | 1985 | Hà Tĩnh   |                                                          | 29/11/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/11/2013                                                       |
| 84 | 2192-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Đinh Văn Tùng      | Nam | 1983 | Đà Nẵng   |                                                          | 29/11/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/11/2013                                                       |
| 85 | 1574-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Võ Quốc Khánh      | Nam | 1980 | Bình Định |                                                          | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014                                             |

|    |                 |    |            |            |                           |     |      |            |
|----|-----------------|----|------------|------------|---------------------------|-----|------|------------|
| 86 | 0763-2013-004-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Phương Nga         | Nữ  | 1976 | Ninh Bình  |
| 87 | 2613-2013-004-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thành Luân         | Nam | 1985 | Đồng Tháp  |
| 88 | 0868-2013-004-1 | 01 | 14/10/2013 | 31/12/2017 | Narciso Toling Torres Jr. | Nam | 1969 | Philippine |
| 89 | 2588-2013-004-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Hoài             | Nữ  | 1985 | Nghệ An    |
| 90 | 2931-2014-004-1 | 01 | 11/07/2014 | 31/12/2018 | Văn Thị Hải Hà            | Nữ  | 1986 | Hà Nam     |
| 91 | 1331-2014-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Minh Tiến        | Nữ  | 1976 | Thái Bình  |
| 92 | 2798-2014-004-1 | 01 | 18/07/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thành Linh         | Nam | 1986 | Quảng Ngãi |
| 93 | 1103-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Chí Cương          | Nam | 1980 | Hà Nội     |
| 94 | 2707-2013-004-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Phùng Trọng Hải           | Nam | 1984 | Vĩnh Phúc  |
| 95 | 1971-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Văn Tuấn               | Nam | 1982 | Thanh Hóa  |

|            |            |                                                    |
|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 |
| 20/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/06/2014           |
| 30/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2014           |
| 29/08/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/08/2014           |
| 30/09/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2014           |
| 30/09/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2014           |
| 10/10/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 10/10/2014           |
| 28/11/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/11/2014           |
| 09/01/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 09/01/2015           |
| 28/02/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/02/2015           |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|------------|
| 96  | 2714-2013-004-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Đinh Phú Anh Vũ      | Nam | 1981 | Cần Thơ    |
| 97  | 2267-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Tô Phụng Vũ          | Nữ  | 1980 | Trung Quốc |
| 98  | 2462-2014-004-1 | 01 | 11/07/2014 | 31/12/2018 | Đào Nguyên Thuận     | Nam | 1985 | Hưng Yên   |
| 99  | 0923-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Võ Xuân Minh         | Nữ  | 1979 | Hà Tĩnh    |
| 100 | 2222-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Võ Ngọc Thúy An      | Nữ  | 1982 | Bình Dương |
| 101 | 1938-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Trung   | Nam | 1983 | Nghệ An    |
| 102 | 3419-2015-004-1 | 01 | 18/06/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Hữu Thanh     | Nam | 1984 | Hải Dương  |
| 103 | 0048-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Mai Viết Hùng Trăn   | Nam | 1971 | Cần Thơ    |
| 104 | 1691-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lã Quý Hiển          | Nam | 1977 | Thái Bình  |
| 105 | 3173-2015-004-1 | 01 | 07/07/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Vũ Dũng       | Nam | 1983 | Hà Nội     |
| 106 | 3479-2015-004-1 | 01 | 18/06/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Minh Hồng | Nữ  | 1987 | Thái Bình  |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 15/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/04/2015 |
| 29/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/04/2015 |
| 05/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/06/2015 |
| 30/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2015 |
| 16/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/10/2015 |
| 31/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2015 |
| 31/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2015 |
| 16/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/12/2015 |
| 01/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016 |
| 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |
| 13/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/11/2015 |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|----------------|
| 107 | 3016-2014-004-1 | 01 | 18/07/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thụy Ái        | Nữ  | 1984 | Quảng Ngãi     |
| 108 | 2389-2016-004-1 | 03 | 10/03/2016 | 31/12/2017 | Bùi Thành Việt        | Nam | 1983 | Vĩnh Phúc      |
| 109 | 3389-2015-004-1 | 01 | 18/06/2015 | 31/12/2019 | Trần Lâm Châu         | Nam | 1985 | Hà Nội         |
| 110 | 3844-2016-004-1 | 01 | 03/06/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Thu        | Nữ  | 1987 | Thái Bình      |
| 111 | 3838-2016-004-1 | 01 | 09/08/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Mai        | Nữ  | 1987 | Hà Nội         |
| 112 | 2198-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Ngô Bửu Quốc Đạt      | Nam | 1983 | Long An        |
| 113 | 2584-2013-004-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quốc Anh       | Nam | 1986 | Hà Nội         |
| 114 | 2937-2014-004-1 | 01 | 11/07/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Phương Hoa | Nữ  | 1985 | Hà Nội         |
| 115 | 2610-2013-004-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Võ Ngọc Huyền         | Nữ  | 1985 | Tiền Giang     |
| 116 | 3095-2014-004-1 | 01 | 05/12/2014 | 31/12/2018 | Lê Trung Tín          | Nam | 1985 | TP Hồ Chí Minh |
| 117 | 3168-2015-004-1 | 01 | 07/07/2015 | 31/12/2019 | Huỳnh Phát An         | Nam | 1987 | Đồng Nai       |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 19/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/02/2016 |
| 01/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2016 |
| 06/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/08/2016 |
| 30/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/07/2016 |
| 16/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/09/2016 |
| 01/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016 |
| 23/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 23/05/2016 |
| 07/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/12/2016 |
| 14/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/01/2017 |
| 13/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/04/2017 |
| 29/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/04/2017 |

|     |                 |    |            |            |                           |     |      |            |                                                                                               |                          |                      |                                                                                                               |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------------|-----|------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 118 | 1672-2013-004-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Đức Linh               | Nam | 1979 | Hà Tĩnh    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Dịch vụ Tin học<br/>Thành phố Hồ<br/>Chí Minh (AISC)</b> | 01/06/2017               | Vô hạn               | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/06/2017                                                                |
| 119 | 1765-2013-005-1 | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Phan Thị Hiền             | Nữ  | 1975 | Quảng Nam  |                                                                                               | 01/11/2013               | Vô hạn               | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/11/2013                                                                |
| 120 | 1176-2013-05-1  | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị<br>Thanh Huyền | Nữ  | 1980 | Bình Định  |                                                                                               | 25/02/2014               | Vô hạn               | Chấm dứt đăng ký<br>hành nghề từ<br>25/02/2014                                                                |
| 121 | 2927-2014-005-1 | 01 | 30/09/2014 | 31/12/2018 | Phạm Anh Dũng             | Nam | 1986 | Nam Định   |                                                                                               | 12/02/2015               | 07/06/2015           | Bị đình chỉ hành<br>nghề từ<br>12/02/2015 đến<br>07/06/2015                                                   |
| 122 | 2957-2014-005-1 | 01 | 30/09/2014 | 31/12/2018 | Vũ Bình Nguyên            | Nữ  | 1985 | Hải Phòng  |                                                                                               | 12/02/2015<br>25/11/2015 | 31/12/2015<br>Vô hạn | Bị đình chỉ hành<br>nghề từ<br>12/02/2015 đến<br>07/06/2015<br>Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>25/11/2015 |
| 123 | 0113-2013-05-1  | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang<br>Tuyên     | Nam | 1967 | Đà Nẵng    |                                                                                               | 16/04/2015               | Vô hạn               | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>16/04/2015                                                                |
| 124 | 3112-2014-005-1 | 01 | 30/09/2014 | 31/12/2018 | Phạm Thị Thu<br>Hường     | Nữ  | 1985 | Hải Dương  |                                                                                               | 01/05/2015               | Vô hạn               | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/05/2015                                                                |
| 125 | 0978-2013-05-1  | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Thị Thu<br>Thủy     | Nữ  | 1979 | Quảng Ngãi |                                                                                               | 16/08/2015               | Vô hạn               | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>16/08/2015                                                                |
| 126 | 3153-2015-005-1 | 01 | 21/10/2015 | 31/12/2019 | Đặng Văn Tuyển            | Nam | 1988 | Hưng Yên   |                                                                                               | 16/01/2016               | Vô hạn               | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>16/01/2016                                                                |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|------------|
| 127 | 1744-2013-05-1  | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Xuân Thủy        | Nam | 1981 | Hà Tĩnh    |
| 128 | 2793-2014-05-1  | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Đình Khôi      | Nam | 1986 | Khánh Hòa  |
| 129 | 3314-2015-05-1  | 01 | 14/07/2015 | 31/12/2019 | Hoàng Thị Bích Phượng | Nữ  | 1988 | Hưng Yên   |
| 130 | 1493-2013-05-1  | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thanh Duy          | Nam | 1980 | Hà Nam     |
| 131 | 2196-2013-05-1  | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thanh Vân        | Nữ  | 1983 | Hưng Yên   |
| 132 | 2355-2013-05-1  | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Vũ Khánh Linh         | Nam | 1981 | Hà Nội     |
| 133 | 2436-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Thanh Nga    | Nữ  | 1983 | Thái Bình  |
| 134 | 2705-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đào Hoa        | Nữ  | 1985 | Bình Định  |
| 135 | 0507-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Minh Lý      | Nữ  | 1974 | Hải Dương  |
| 136 | 2678-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Đức Trí            | Nam | 1984 | Nam Định   |
| 137 | 1184-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Cao Nguyên     | Nam | 1980 | Quảng Bình |

**Công ty TNHH  
Pricewaterhouse  
Coopers Việt  
Nam**

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 16/03/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/03/2016 |
| 16/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt đăng ký hành nghề từ 16/05/2016 |
| 11/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/06/2016 |
| 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt đăng ký hành nghề từ 01/07/2016 |
| 16/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/08/2016 |
| 16/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/04/2017 |
| 14/08/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 14/08/2013 |
| 30/08/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 30/08/2013 |
| 31/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 31/10/2013 |
| 31/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 31/10/2013 |
| 13/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/12/2013 |

|     |                 |    |            |            |                   |     |      |                 |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------|-----|------|-----------------|
| 138 | 0620-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Đặng Quốc Tuấn    | Nam | 1975 | Bình Định       |
| 139 | 2586-2013-006-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Lê Thanh Bách     | Nam | 1987 | Hà Nội          |
| 140 | 2589-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Đào Duy Hoàng     | Nam | 1984 | Thái Bình       |
| 141 | 1294-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Lê Lan Phương     | Nữ  | 1973 | Hà Nội          |
| 142 | 1895-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Đào Quang Huy     | Nam | 1981 | Thái Bình       |
| 143 | 0559-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Ian S. Lydall     | Nam | 1955 | Anh             |
| 144 | 3493-2015-006-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Phí Vĩnh Quý      | Nam | 1988 | Hà Nội          |
| 145 | 3448-2015-006-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Văn Nam    | Nam | 1986 | Vĩnh Phúc       |
| 146 | 3031-2014-006-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Huỳnh Phương Nghi | Nữ  | 1981 | TP. Hồ Chí Minh |
| 147 | 3039-2014-006-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Đào Diễm Quyên    | Nữ  | 1986 | Quảng Ngãi      |
| 148 | 3449-2015-006-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Vũ Minh Ngọc      | Nữ  | 1985 | Quảng Ngãi      |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 31/03/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2014 |
| 13/06/2014 | Vô hạn | Ngừng đăng ký hành nghề từ 13/06/2014    |
| 30/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2014 |
| 31/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 31/03/2015 |
| 29/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/05/2015 |
| 30/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2015 |
| 05/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/12/2015 |
| 26/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/11/2015 |
| 27/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 27/02/2016 |
| 14/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/05/2016 |
| 11/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/06/2016 |



|     |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|
| 162 | 2432-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lại Hùng Phương      | Nam | 1985 | Đồng Nai        |
| 163 | 2713-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Cẩm Tú      | Nữ  | 1985 | Bình Định       |
| 164 | 2706-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Ngọc Hân          | Nữ  | 1985 | Quảng Ngãi      |
| 165 | 2636-2013-006-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung | Nữ  | 1985 | Tiền Giang      |
| 166 | 3048-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Lương Thị Ánh Tuyết  | Nữ  | 1984 | Hưng Yên        |
| 167 | 2845-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Lê Quang Đạo         | Nam | 1985 | Thừa Thiên Huế  |
| 168 | 3047-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Thanh Trúc  | Nữ  | 1978 | Bình Phước      |
| 169 | 3022-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Triệu Nguyên Duy     | Nam | 1984 | Trà Vinh        |
| 170 | 2755-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Kim Ngọc    | Nữ  | 1987 | Vĩnh Phúc       |
| 171 | 3030-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Cao Thị Ngọc Loan    | Nữ  | 1986 | Lâm Đồng        |
| 172 | 0870-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thành Trung   | Nam | 1977 | Ninh Bình       |
| 173 | 2226-2014-006-1 | 01 | 16/09/2014 | 31/12/2018 | Giang Bảo Châu       | Nữ  | 1983 | TP. Hồ Chí Minh |
| 174 | 3444-2015-006-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thái Hùng       | Nam | 1980 | Ninh Bình       |
| 175 | 3442-2015-006-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Lý Huỳnh Trúc Giang  | Nữ  | 1987 | Tiền Giang      |
| 176 | 3466-2015-006-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Mai Lê Quỳnh Trang   | Nữ  | 1986 | Đồng Nai        |
| 177 | 3435-2015-006-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Thái Văn Cường       | Nam | 1987 | Trung Quốc      |

[illegible]

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |                   |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|-------------------|
| 178 | 0048-2016-006-1 | 02 | 22/02/2016 | 31/12/2017 | Mai Viết Hùng<br>Trân  | Nam | 1971 | Nghệ An           |
| 179 | 1895-2016-006-1 | 02 | 14/06/2016 | 31/12/2017 | Đào Quang Huy          | Nam | 1981 | Thái Bình         |
| 180 | 3552-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Trần Mỹ Gấm            | Nữ  | 1985 | Tiền Giang        |
| 181 | 3793-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Hứa Mai Nguyệt<br>Minh | Nữ  | 1986 | Kiên Giang        |
| 182 | 3786-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Ngọc<br>Hiếu    | Nam | 1989 | Quảng Trị         |
| 183 | 3631-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Vũ Anh<br>Tuấn  | Nam | 1985 | Hà Tĩnh           |
| 184 | 3783-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Trần Thị Hồng<br>Hạnh  | Nữ  | 1985 | Thanh Hóa         |
| 185 | 3785-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Lê Trung Hiếu          | Nam | 1987 | Thừa<br>Thiên Huế |
| 186 | 3586-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Trần Văn Thắng         | Nam | 1979 | Bình Định         |
| 187 | 3573-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Đỗ Thành Nhân          | Nam | 1988 | Long An           |
| 188 | 3780-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Trần Đỗ Vy Hạ          | Nữ  | 1985 | Đồng Nai          |
| 189 | 3808-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Lê Nguyễn Thùy<br>Vân  | Nữ  | 1987 | TP Hồ Chí<br>Minh |
| 190 | 3546-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Trâm Từ Mai<br>Anh     | Nữ  | 1985 | Bến Tre           |
| 191 | 3774-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Văn<br>Cang     | Nam | 1989 | Quảng Ngãi        |
| 192 | 3804-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Phạm Thị Thanh<br>Thủy | Nữ  | 1989 | Bình Định         |
| 193 | 3787-2016-006-1 | 01 | 27/09/2016 | 31/12/2020 | Trần Mai Hoa           | Nữ  | 1989 | Bình Định         |

[illegible]



|     |                 |    |            |            |                        |     |      |            |                              |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|------------|------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 210 | 0465-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Đức Phong           | Nam | 1972 | Hà Nội     | <b>Công ty TNHH<br/>KPMG</b> | 20/07/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 20/07/2013           |
| 211 | 2253-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Hồng Phát           | Nam | 1984 | Hải Phòng  |                              | 07/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/12/2013           |
| 212 | 2254-2013-007-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Đăng Phương | Nữ  | 1983 | Lâm Đồng   |                              | 15/11/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/11/2013           |
| 213 | 2143-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quốc Huy        | Nam | 1984 | Hà Nội     |                              | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 |
| 214 | 2074-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Hiếu      | Nam | 1984 | Thái Bình  |                              | 05/04/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/04/2014           |
| 215 | 2092-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Trương Quỳnh Hoa       | Nữ  | 1985 | Nam Định   |                              |            | Vô hạn     | Không tiếp tục hành nghề kiểm toán                 |
| 216 | 2152-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Đào Ngô Nguyên Hạnh    | Nữ  | 1984 | Khánh Hòa  |                              | 03/01/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 03/01/2015           |
| 217 | 2143-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quốc Huy        | Nam | 1984 | Hà Nội     |                              | 28/05/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/05/2015           |
| 218 | 3055-2014-007-1 | 01 | 04/12/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Hoàng Duy       | Nam | 1987 | Hà Nam     |                              | 23/06/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 23/06/2015           |
| 219 | 2163-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Vĩnh Nghi       | Nam | 1983 | Tiền Giang |                              | 21/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/08/2015           |

|     |                 |    |            |            |                           |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------------|-----|------|------------|
| 220 | 3032-2014-007-1 | 01 | 04/12/2014 | 31/12/2018 | Giang Hồng Ngọc           | Nữ  | 1985 | Tiền Giang |
| 221 | 2791-2014-007-1 | 01 | 04/12/2014 | 31/12/2018 | Võ Duy Khanh              | Nam | 1985 | Ninh Thuận |
| 222 | 2593-2014-007-1 | 01 | 04/12/2014 | 31/12/2018 | Mai Thùy Liên             | Nữ  | 1984 | Quảng Bình |
| 223 | 2252-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Auvarin Phor              | Nam | 1976 | Mỹ         |
| 224 | 0651-2013-007-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tâm Anh            | Nữ  | 1975 | Hà Nội     |
| 225 | 3061-2014-007-1 | 01 | 05/12/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Hằng           | Nữ  | 1974 | Hà Nội     |
| 226 | 2256-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Duminda Mahesh Ranasingha | Nam | 1979 | Srilanka   |
| 227 | 3192-2015-007-1 | 01 | 11/12/2015 | 31/12/2019 | Phạm Trúc Phương          | Nữ  | 1987 | Hà Nội     |
| 228 | 2235-2013-007-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Đặng Trung Hoán           | Nam | 1980 | Thái Bình  |

|            |            |                                                                               |
|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 02/10/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/10/2015                                      |
| 27/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 27/08/2015                                      |
| 13/01/2016 | 31/12/2017 | Đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016. Tạm ngừng hành nghề năm 2017 |
| 13/01/2016 | 31/12/2016 | Đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016                               |
| 13/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/12/2015                                      |
| 04/03/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/03/2016                                      |
| 08/04/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 08/04/2016                                      |
| 08/09/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 08/09/2016                                      |
| 02/12/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/12/2016                                      |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |                |                                                         |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|----------------|---------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 229 | 1540-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lưu Đặng Mỹ Quỳnh    | Nữ  | 1981 | TP Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn A&amp;C</b> | 30/09/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 30/09/2013 |
| 230 | 1729-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Trọng Minh Trí | Nam | 1980 | Thừa Thiên Huế |                                                         | 01/08/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/08/2013 |
| 231 | 1822-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Thạch    | Nam | 1984 | TP Hồ Chí Minh |                                                         | 15/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 15/10/2013 |
| 232 | 2652-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Thanh Xuân    | Nữ  | 1984 | Phú Yên        |                                                         | 01/07/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/07/2013 |
| 233 | 2611-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Võ Thị Xuân Hương    | Nữ  | 1984 | Bình Định      |                                                         | 01/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/10/2013 |
| 234 | 2617-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Đoàn Thị Ngọc Ánh    | Nữ  | 1986 | Hải Dương      |                                                         | 15/08/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 15/08/2013 |
| 235 | 1167-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Việt Hà        | Nữ  | 1980 | Quảng Ngãi     |                                                         | 01/08/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/08/2013 |
| 236 | 2645-2013-008-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hà Nghĩa      | Nam | 1985 | Bình Định      |                                                         | 01/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/10/2013 |
| 237 | 2729-2013-008-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Đinh Thái Sơn        | Nam | 1985 | Lâm Đồng       |                                                         | 01/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2013 |
| 238 | 2151-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Văn Hồ Nhất Hạnh     | Nam | 1984 | Quảng Nam      |                                                         | 09/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 09/12/2013 |
| 239 | 1629-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Tuyền    | Nam | 1980 | Hà Nội         |                                                         | 01/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2013 |

|     |                 |    |            |            |                          |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|------------|
| 240 | 1161-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Hoàng Anh           | Nam | 1980 | Quảng Ngãi |
| 241 | 2185-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Đăng Trinh          | Nam | 1984 | Nam Định   |
| 242 | 1834-2013-008-1 | 01 | 16/09/2013 | 31/12/2017 | Phạm Đình<br>Đương       | Nam | 1983 | Bình Định  |
| 243 | 2644-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu<br>Trang  | Nữ  | 1985 | Nam Định   |
| 244 | 2483-2014-008-1 | 01 | 21/01/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Ngọc<br>Dũng      | Nam | 1985 | Bắc Ninh   |
| 245 | 0322-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị<br>Hoàng Anh  | Nữ  | 1970 | Quảng Trị  |
| 246 | 2431-2013-008-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Vĩnh<br>Huy       | Nam | 1985 | Ninh Thuận |
| 247 | 1852-2013-008-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Bích<br>Vân   | Nữ  | 1983 | Bình Định  |
| 248 | 1888-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Hứa Thoại Quyên          | Nữ  | 1979 | Tây Ninh   |
| 249 | 1248-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Đoàn Nguyễn<br>Hiếu Hạnh | Nữ  | 1979 | Phú Yên    |
| 250 | 2079-2013-008-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Võ Thị Minh<br>Cầm       | Nữ  | 1984 | Quảng Ngãi |

|            |        |                                                |
|------------|--------|------------------------------------------------|
| 12/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>12/04/2014 |
| 26/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>26/04/2014 |
| 20/06/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>20/06/2014 |
| 30/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/04/2014 |
| 30/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/04/2014 |
| 26/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>26/04/2014 |
| 20/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>20/07/2014 |
| 30/06/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/06/2014 |
| 01/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/08/2014 |
| 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/10/2014 |
| 15/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/10/2014 |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|------------|
| 251 | 2648-2013-008-1 | 01 | 19/09/2013 | 31/12/2017 | Hồ Phan Quốc Phụng     | Nam | 1985 | Quảng Trị  |
| 252 | 2875-2014-008-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Phan Thị Thu Thủy      | Nữ  | 1984 | Hà Tĩnh    |
| 253 | 2728-2014-008-1 | 01 | 21/01/2014 | 31/12/2018 | Phạm Thị Ánh Thi       | Nữ  | 1985 | Bình Thuận |
| 254 | 2088-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Duy Cường       | Nam | 1985 | Bình Định  |
| 255 | 2108-2013-008-1 | 01 | 19/09/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Hà Như Ngọc      | Nữ  | 1985 | Quảng Nam  |
| 256 | 2270-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thế Bình        | Nam | 1984 | Hà Nội     |
| 257 | 2684-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Kim Lý      | Nữ  | 1977 | Khánh Hòa  |
| 258 | 3157-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Đỗ Thị Thảo            | Nữ  | 1988 | Long An    |
| 259 | 3162-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Bùi Minh Trang  | Nữ  | 1988 | Hà Tĩnh    |
| 260 | 2719-2014-008-1 | 01 | 21/01/2014 | 31/12/2018 | Nghiêm Khắc Đạt        | Nam | 1986 | Hà Nội     |
| 261 | 3156-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Nữ  | 1988 | Hà Tĩnh    |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 01/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2014 |
| 01/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2014 |
| 01/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2014 |
| 01/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2014 |
| 15/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2015 |
| 01/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2015 |
| 01/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2015 |
| 01/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2015 |
| 01/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2015 |
| 01/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2015 |
| 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015 |

|     |                 |    |            |            |                         |     |      |                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------------|-----|------|----------------|
| 262 | 3165-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Trần Huỳnh Thanh Trúc   | Nữ  | 1987 | Đồng Nai       |
| 263 | 3129-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Diệu Mai     | Nữ  | 1988 | Cần Thơ        |
| 264 | 3189-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thanh Nhân       | Nam | 1987 | Bến Tre        |
| 265 | 3240-2015-008-1 | 01 | 27/10/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Hương Nguyên | Nữ  | 1985 | Quảng Ngãi     |
| 266 | 2776-2014-008-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Đỗ Thị An Bình          | Nữ  | 1986 | Long An        |
| 267 | 1815-2013-008-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Ánh Nguyệt       | Nữ  | 1984 | Quảng Nam      |
| 268 | 2100-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hải Ly       | Nữ  | 1985 | Phú Yên        |
| 269 | 2757-2014-008-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Kim Phụng    | Nữ  | 1987 | TP Hồ Chí Minh |
| 270 | 2647-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Thị Trúc Linh     | Nữ  | 1982 | Khánh Hòa      |
| 271 | 2806-2014-008-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Mai Xuân Phương         | Nữ  | 1986 | Long An        |
| 272 | 2913-2014-008-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Tạ Thị Thu Vân          | Nữ  | 1987 | Hà Nội         |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015 |
| 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015 |
| 01/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2015 |
| 01/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2015 |
| 01/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2015 |
| 21/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/12/2015 |
| 01/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016 |
| 19/03/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/03/2016 |
| 15/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/04/2016 |
| 15/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/05/2016 |
| 25/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/04/2016 |

|     |                 |    |            |            |                         |     |      |                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------------|-----|------|----------------|
| 273 | 3284-2015-008-1 | 01 | 27/10/2015 | 31/12/2019 | Ngô Văn Định            | Nam | 1988 | Thái Bình      |
| 274 | 3144-2015-008-1 | 01 | 27/10/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Văn Quang        | Nam | 1987 | Thừa Thiên Huế |
| 275 | 1566-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Tổng Văn Dũng           | Nam | 1982 | Thừa Thiên Huế |
| 276 | 2780-2014-008-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Huỳnh Ngọc Diễm         | Nữ  | 1986 | TP Hồ Chí Minh |
| 277 | 2609-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Công Duyên        | Nam | 1985 | Long An        |
| 278 | 1850-2016-008-1 | 02 | 14/03/2016 | 31/12/2017 | Lương Anh Kiệt          | Nam | 1983 | Khánh Hòa      |
| 279 | 3244-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Oanh         | Nữ  | 1985 | Hà Nội         |
| 280 | 3193-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Tống Trúc Phương | Nữ  | 1986 | Hải Dương      |
| 281 | 3132-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Hữu Nghi         | Nam | 1988 | Cần Thơ        |
| 282 | 3148-2015-008-1 | 01 | 03/08/2015 | 31/12/2019 | Lê Đức Tân              | Nam | 1987 | Cần Thơ        |
| 283 | 3426-2015-008-1 | 01 | 27/10/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Như Trang    | Nữ  | 1986 | Thanh Hóa      |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 01/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2016 |
| 16/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/06/2016 |
| 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |
| 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |
| 25/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/07/2016 |
| 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016 |
| 07/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/09/2016 |
| 24/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/09/2016 |
| 20/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/09/2016 |
| 15/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/09/2016 |
| 15/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/05/2017 |

|     |                 |    |            |            |                          |     |      |                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|--------------------|
| 284 | 2523-2014-008-1 | 01 | 21/01/2014 | 31/12/2018 | Ngô Thị Lê<br>Quyên      | Nữ  | 1985 | Nghệ An            |
| 285 | 3640-2016-008-1 | 01 | 28/10/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Hải Yến<br>Chi    | Nữ  | 1989 | Thái Bình          |
| 286 | 0785-2013-008-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị<br>Minh Khiêm | Nữ  | 1972 | Phú Yên            |
| 287 | 1860-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Minh Thi          | Nữ  | 1981 | TP. Hồ Chí<br>Minh |
| 288 | 2716-2013-009-1 | 01 | 25/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Giang Hương           | Nữ  | 1984 | Hưng Yên           |
| 289 | 2157-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Oanh<br>Kiều    | Nữ  | 1984 | Bình Định          |
| 290 | 2779-2014-009-1 | 01 | 13/08/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Minh<br>Đăng      | Nam | 1985 | TP Hồ Chí<br>Minh  |
| 291 | 2207-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Lan<br>Hương       | Nữ  | 1970 | Tiền Giang         |
| 292 | 1301-2014-009-1 | 02 | 07/01/2014 | 31/12/2017 | Đoàn Anh Trà             | Nam | 1979 | Ninh Bình          |
| 293 | 0740-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hoàng<br>Hà       | Nam | 1976 | Vĩnh Phúc          |

**Công ty TNHH  
Kiểm toán AFC  
Việt Nam**

|            |        |                                                |
|------------|--------|------------------------------------------------|
| 15/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/05/2017 |
| 15/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/05/2017 |
| 01/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/06/2017 |
| 01/09/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>01/09/2013 |
| 01/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/07/2014 |
| 20/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>20/08/2014 |
| 16/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>16/09/2014 |
| 01/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/11/2014 |
| 05/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>05/11/2014 |
| 12/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>12/12/2014 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |           |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|
| 294 | 0073-2013-009-1 | 01 | 25/07/2013 | 31/12/2017 | Hồ Hữu Thụy          | Nam | 1965 | Khánh Hòa |
| 295 | 2917-2014-009-1 | 01 | 25/07/2014 | 31/12/2018 | Hoàng Văn Anh        | Nam | 1985 | Thanh Hóa |
| 296 | 1201-2014-009-1 | 02 | 07/01/2014 | 31/12/2017 | Tô Bửu Toàn          | Nam | 1980 | Tp HCM    |
| 297 | 0079-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Ánh Tuyết     | Nữ  | 1964 | Hà Nội    |
| 298 | 0449-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Như Tiến      | Nam | 1974 | Hà Nội    |
| 299 | 0576-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hồng Quang    | Nam | 1975 | Phú Thọ   |
| 300 | 1602-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thương Hà | Nữ  | 1983 | Thái Bình |
| 301 | 1673-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Thành   | Nam | 1981 | Nghệ An   |

|            |            |                                                    |
|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 31/12/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2014           |
| 12/02/2015 | 07/06/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 07/06/2015 |
| 05/03/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 05/03/2015 đến 31/12/2015 |
| 14/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/09/2015           |
| 21/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/09/2015           |
| 21/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/09/2015           |
| 21/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/09/2015           |
| 21/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/09/2015           |

|     |                 |    |            |            |                          |     |      |                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|--------------------|
| 302 | 1788-2013-009-1 | 01 | 25/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Đình Dũng           | Nam | 1981 | Hà Nam             |
| 303 | 1963-2014-009-1 | 02 | 17/03/2014 | 31/12/2017 | Vũ Hồng Thu              | Nữ  | 1976 | Hưng Yên           |
| 304 | 2917-2014-009-1 | 01 | 25/07/2014 | 31/12/2018 | Hoàng Văn Anh            | Nam | 1985 | Thanh Hóa          |
| 305 | 3137-2015-009-1 | 01 | 26/08/2015 | 31/12/2019 | Trần Huỳnh<br>Hồng Phú   | Nữ  | 1988 | TP Hồ Chí<br>Minh  |
| 306 | 1042-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Thị<br>Hương      | Nữ  | 1975 | Sóc Trăng          |
| 307 | 2660-2013-009-1 | 01 | 21/10/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Bích<br>Châu    | Nữ  | 1983 | Lâm Đồng           |
| 308 | 0061-2015-009-1 | 02 | 28/07/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Mạnh<br>Hùng      | Nam | 1963 | Bến Tre            |
| 309 | 0269-2015-009-1 | 01 | 01/01/2016 | 31/12/2020 | Lê Thị Bích Ngân         | Nữ  | 1966 | Thừa<br>Thiên Huế  |
| 310 | 2200-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Diệp Quốc Bình           | Nam | 1979 | Trung Quốc         |
| 311 | 2131-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Hoàng<br>Yến    | Nữ  | 1985 | TP. Hồ Chí<br>Minh |
| 312 | 3245-2015-009-1 | 01 | 26/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Văn<br>Trần Phong | Nam | 1985 | Thừa<br>Thiên Huế  |

|            |        |                                                |
|------------|--------|------------------------------------------------|
| 21/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>21/09/2015 |
| 21/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>21/09/2015 |
| 21/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>21/09/2015 |
| 02/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>02/12/2015 |
| 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/12/2015 |
| 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/12/2015 |
| 15/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>15/08/2016 |
| 28/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>28/12/2016 |
| 28/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>28/12/2016 |
| 28/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>28/12/2016 |
| 03/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>03/05/2017 |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |                 |                                              |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|-----------------|----------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 313 | 2659-2013-009-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Lê Hồng Thu | Nữ  | 1984 | TP. Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC</b> | 30/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 30/06/2017 |
| 314 | 1446-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Hà Diễm Phương    | Nữ  | 1982 | Quảng Nam       |                                              | 18/06/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 18/06/2013 |
| 315 | 0391-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trọng Hiếu      | Nam | 1973 | Quảng Nam       |                                              | 28/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/10/2014 |
| 316 | 1334-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Quang Trung       | Nam | 1979 | Thanh Hóa       |                                              | 24/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/10/2014 |
| 317 | 1309-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Dương Nghĩa       | Nam | 1981 | Nghệ An         |                                              | 05/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/10/2014 |
| 318 | 1380-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Dũng      | Nam | 1977 | Quảng Nam       |                                              | 24/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/10/2014 |
| 319 | 2883-2014-010-1 | 01 | 26/11/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Hà Định         | Nam | 1987 | Quảng Nam       |                                              | 16/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/12/2014 |
| 320 | 1439-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Vĩnh Phú            | Nam | 1979 | Quảng Nam       |                                              | 14/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/09/2015 |
| 321 | 1486-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Kim Văn Việt           | Nam | 1979 | Hà Nội          |                                              | 01/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2015 |
| 322 | 3402-2015-10-1  | 01 | 24/08/2015 | 31/12/2019 | Huỳnh Minh Hưng        | Nam | 1986 | Quảng Nam       |                                              | 22/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/10/2015 |
| 323 | 2444-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hà Trung        | Nam | 1984 | Quảng Nam       |                                              | 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |                |                                                             |            |        |                                                                                              |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|----------------|-------------------------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 324 | 2835-2014-010-1 | 01 | 26/11/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thành Trung   | Nam | 1985 | Quảng Nam      |                                                             | 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016                                                     |
| 325 | 2884-2014-010-1 | 01 | 26/11/2014 | 31/12/2018 | Lê Huy Đông          | Nam | 1987 | Thanh Hóa      |                                                             | 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016                                                     |
| 326 | 1926-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Nguyễn Hương Ly | Nữ  | 1984 | Quảng Nam      |                                                             | 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016                                                     |
| 327 | 1936-2013-010-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phan Thị Lan Trang   | Nữ  | 1983 | Quảng Bình     |                                                             | 20/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/09/2016                                                     |
| 328 | 3368-2015-10-1  | 01 | 24/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Hồng Sáng     | Nam | 1987 | Hà Tĩnh        |                                                             | 20/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/05/2017                                                     |
| 329 | 3787-2016-010-1 | 01 | 03/10/2016 | 31/12/2020 | Phan Xuân Quyết      | Nam | 1988 | Hà Tĩnh        |                                                             | 20/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/05/2017                                                     |
| 330 | 1098-2013-013-1 | 01 | 07/10/2013 | 31/12/2017 | Thân Thanh Thuận     | Nam | 1960 | Quảng Nam      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Thủy Chung</b>                    | 01/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/11/2014                                                     |
| 331 | 1838-2013-013-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Võ Thị Linh Chi      | Nữ  | 1982 | Thanh Hóa      |                                                             | 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/06/2016                                                     |
| 332 | 3773-2016-013-1 | 01 | 15/09/2016 | 31/12/2020 | Trần Thị Cẩm Vân     | Nữ  | 1986 | TP Hồ Chí Minh |                                                             | 01/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/06/2017                                                     |
| 333 | 0130-2013-014-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Lâm Bình Lễ          | Nam | 1943 | Bình Định      | <b>Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn Kế toán BHP</b> | 01/01/2014 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014/ Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/01/2014 |

|     |                 |    |            |            |                          |     |      |                 |                                                             |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|-----------------|-------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 334 | 1268-2013-016-1 | 01 | 17/06/2013 | 31/12/2017 | Hồ Đình Phúc             | Nam | 1976 | TP. Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)</b> | 01/01/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 23/03/2015           |
| 335 | 2470-2013-016-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Điền            | Nữ  | 1986 | Hà Nội          |                                                             | 01/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/08/2015           |
| 336 | 2541-2013-016-1 | 01 | 17/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thành Tuấn        | Nam | 1979 | Hà Nội          |                                                             | 01/01/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2016           |
| 337 | 2683-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Nhật Thanh   | Nữ  | 1983 | An Giang        | <b>Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)</b>               | 01/10/2013 | Vô hạn     | Không hành nghề kiểm toán từ 01/10/2013-30/09/2015 |
| 338 | 1298-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Hậu               | Nữ  | 1978 | Đồng Tháp       |                                                             | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 |
| 339 | 2224-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Kenneth Michael Atkinson | Nam | 1948 | Anh             |                                                             | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014           |
| 340 | 2229-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Alan Villasanta Dy       | Nam | 1966 | Philippine      |                                                             | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014           |
| 341 | 0238-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Matthew Barker Facey     | Nam | 1960 | Úc              |                                                             | 30/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2014           |
| 342 | 1775-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Tuyết Anh      | Nữ  | 1979 | Vĩnh Long       |                                                             | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014           |
| 343 | 1172-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hạnh          | Nữ  | 1980 | Bình Dương      |                                                             | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014           |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|------------|
| 344 | 1903-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đào Thanh Thảo | Nữ  | 1983 | Tiền Giang |
| 345 | 1863-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thu Hằng         | Nữ  | 1983 | Hà Nội     |
| 346 | 1864-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Tú Oanh      | Nữ  | 1983 | Quảng Bình |
| 347 | 0390-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Vĩnh Hà    | Nữ  | 1976 | Nghệ An    |
| 348 | 1709-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Kim Dung        | Nữ  | 1975 | Thanh Hóa  |
| 349 | 1710-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hồng Hà        | Nam | 1982 | Nghệ An    |
| 350 | 1568-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Đinh Thị Hương Giang  | Nữ  | 1982 | Hà Nội     |
| 351 | 1638-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Khuất Thị Liên Hương  | Nữ  | 1982 | Hà Nội     |
| 352 | 2072-2013-017-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thu Trang        | Nữ  | 1984 | Hà Nội     |

[illegible]

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |                |                                           |            |            |                                                 |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|----------------|-------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------|
| 353 | 1298-2014-068-1 | 02 | 01/01/2015 | 31/12/2017 | Lê Thị Hậu           | Nữ  | 1978 | Đồng Tháp      |                                           | 13/01/2016 | 31/12/2016 | Đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016 |
| 354 | 1775-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Tuyết Anh  | Nữ  | 1979 | Vĩnh Long      |                                           | 13/01/2016 | 31/12/2016 | Đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016 |
| 355 | 1549-2013-018-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thiện Tính    | Nam | 1977 | Đồng Tháp      | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán AS</b>      | 01/08/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2014        |
| 356 | 2416-2013-018-1 | 01 | 01/08/2013 | 31/12/2017 | Chu Mỹ Hạnh          | Nữ  | 1985 | Khánh Hòa      |                                           | 05/09/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/09/2014        |
| 357 | 2777-2014-018-1 | 01 | 04/09/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Văn Cường     | Nam | 1984 | Hà Nam         |                                           | 18/05/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/05/2015        |
| 358 | 3118-2015-018-1 | 01 | 14/07/2015 | 31/12/2019 | Lê Đình Dương        | Nam | 1988 | Thừa Thiên Huế |                                           | 08/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 08/08/2015        |
| 359 | 3235-2015-018-1 | 01 | 14/07/2015 | 31/12/2019 | Lê Thanh Long        | Nam | 1986 | TP HCM         |                                           | 11/11/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/11/2016        |
| 360 | 1729-2013-021-1 | 02 | 10/09/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Trọng Minh Trí | Nam | 1980 | Thừa Thiên Huế |                                           | 31/08/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2014        |
| 361 | 0219-2013-021-1 | 01 | 16/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Ngọc Mai        | Nam | 1968 | Quảng Nam      | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán M&amp;H</b> | 30/09/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                 |
| 362 | 2065-2013-021-1 | 01 | 16/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Công Thạnh        | Nam | 1983 | Phú Yên        |                                           | 30/09/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                 |

|     |                 |    |            |            |                       |      |      |            |                                                                    |            |        |                                                                                        |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|------|------|------------|--------------------------------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 363 | 2574-2013-021-1 | 01 | 16/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Xuân Thúy      | Nam  | 1980 | Hải Dương  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Thẩm định giá<br/>M&amp;H</b> | 30/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                        |
| 364 | 2546-2013-021-1 | 01 | 10/09/2013 | 31/12/2017 | Bùi Văn Đoàn          | Nam  | 1985 | Hưng Yên   |                                                                    | 30/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                        |
| 365 | 2574-2014-021-1 | 02 | 30/09/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Xuân Thúy      | Nam  | 1980 | Hải Dương  |                                                                    | 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015                                               |
| 366 | 2546-2014-021-1 | 02 | 30/09/2014 | 31/12/2017 | Bùi Văn Đoàn          | Nam  | 1985 | Hưng Yên   |                                                                    | 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015                                               |
| 367 | 2065-2014-021-1 | 02 | 30/09/2014 | 31/12/2017 | Lê Công Thanh         | Nam  | 1983 | Phú Yên    |                                                                    | 01/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2016                                               |
| 368 | 3196-2016-021-1 | 01 | 10/03/2016 | 44196      | Nguyễn Thị Bảo Phương | Nữ   | 1987 | Khánh Hòa  |                                                                    | 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016                                               |
| 369 | 3261-2016-021-1 | 02 | 31/08/2016 | 43830      | Huỳnh Thị Minh Trang  | 1964 | Nữ   | An Giang   |                                                                    | 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2016                                               |
| 370 | 3541-2016-021-1 | 01 | 31/08/2016 | 31/12/2020 | Vy Thị Hồng Trinh     | 1989 | Nữ   | Quảng Ngãi |                                                                    | 01/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2016                                               |
| 371 | 1325-2013-022-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Cao Thị Thành Lợi     | Nữ   | 1973 | Nam Định   |                                                                    | 01/2014    | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động 01/2014                                                     |
| 372 | 1504-2013-022-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Thu Hằng     | Nữ   | 1981 | Bình Định  |                                                                    | 25/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động 25/01/2015. Đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |

|     |                 |    |            |            |                         |     |      |            |                                                                             |            |            |                                                                                                       |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------------|-----|------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 373 | 2853-2014-022-1 | 01 | 23/09/2014 | 31/12/2018 | Trần Quốc Khánh         | Nam | 1985 | Quảng Ngãi | <b>Công ty TNHH<br/>Kế toán Kiểm<br/>toán Tư vấn Việt<br/>Nam (AACC)</b>    | 12/02/2015 | Vô hạn     | Đình chỉ hành<br>nghề từ<br>12/02/2015 đến<br>31/12/2015. Chấm<br>dứt hợp đồng lao<br>động 30/05/2015 |
| 374 | 2738-2014-022-1 | 01 | 23/09/2014 | 31/12/2018 | Đoàn Đức Cảnh           | Nam | 1987 | Đắc Lắc    |                                                                             | 12/02/2015 | 07/06/2015 | Bị đình chỉ hành<br>nghề từ<br>12/02/2015 đến<br>07/06/2015                                           |
| 375 | 2603-2015-022-1 | 02 | 17/03/2015 | 31/12/2017 | Bùi Thị Thu<br>Trang    | Nữ  | 1985 | Hải Phòng  |                                                                             | 01/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/08/2015                                                        |
| 376 | 3341-2015-022-1 | 01 | 11/08/2015 | 31/12/2019 | Hoàng Thị Hồng<br>Hạnh  | Nữ  | 1987 | Hà Nội     |                                                                             | 20/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động<br>20/12/2015                                                           |
| 377 | 3325-2015-022-1 | 01 | 11/08/2015 | 31/12/2019 | Trần Lê Trang           | Nữ  | 1988 | Nghệ An    |                                                                             | 30/06/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/06/2016                                                        |
| 378 | 1883-2013-023-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị<br>Xuân Oanh | Nữ  | 1977 | Quảng Ngãi | <b>Công ty TNHH<br/>dịch vụ kiểm<br/>toán và tư vấn<br/>kế toán Bắc Đẩu</b> | 10/09/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>10/09/2013                                                        |
| 379 | 2620-2013-23-1  | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Minh<br>Khoa      | Nam | 1986 | Khánh Hòa  |                                                                             | 15/01/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>15/01/2015                                                        |
| 380 | 0524-2013-026-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Ngô Thanh Bình          | Nữ  | 1975 | Quảng Nam  |                                                                             | 01/11/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/11/2013                                                        |
| 381 | 0075-2013-026-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Tăng Quốc Thắng         | Nam | 1965 | Vĩnh Long  |                                                                             | 04/05/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>04/05/2015                                                        |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |                 |                                                     |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-----------------|-----------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 382 | 1714-2013-026-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Diệc Lệ Bình          | Nữ  | 1983 | TP. Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán D.T.L</b>             | 04/05/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/05/2015           |
| 383 | 2834-2015-026-1 | 01 | 09/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Mỹ Trinh   | Nữ  | 1986 | TP Hồ Chí Minh  |                                                     | 01/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2015           |
| 384 | 2136-2013-026-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Hồ Ngọc Bảo           | Nam | 1983 | Quảng Ngãi      |                                                     | 15/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2015           |
| 385 | 1724-2013-026-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thị Trúc Phương  | Nữ  | 1983 | Bình Định       |                                                     | 02/04/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/04/2016           |
| 386 | 2765-2015-026-1 | 01 | 09/01/2015 | 31/12/2019 | Trần Thị Ngọc Thiên   | Nữ  | 1987 | Quảng Ngãi      |                                                     | 01/03/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/03/2016           |
| 387 | 0544-2013-026-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Chánh Thành    | Nam | 1973 | Bến Tre         |                                                     | 01/05/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2016           |
| 388 | 2825-2015-026-1 | 01 | 09/01/2015 | 31/12/2019 | Huỳnh Thị Thiện       | Nữ  | 1985 | Bình Định       | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn RSM</b> | 01/08/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016           |
| 389 | 3498-2015-026-1 | 01 | 18/12/2015 | 31/12/2019 | Phạm Minh Hiếu        | Nam | 1988 | Ninh Bình       |                                                     | 01/09/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2016           |
| 390 | 2382-2013-026-1 | 01 | 11/11/2013 | 31/12/2017 | Trần Thế Thụ          | Nam | 1978 | Bắc Giang       |                                                     | 16/09/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/09/2016           |
| 391 | 1517-2016-026-1 | 02 | 01/11/2016 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Liên Hương | Nữ  | 1981 | Phú Yên         |                                                     | 11/01/2017 | 31/12/2017 | Bị đình chỉ hành nghề từ 11/01/2017 đến 31/12/2017 |

|     |                 |    |            |            |                  |     |      |                 |                                                    |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------|-----|------|-----------------|----------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 392 | 1713-2016-026-1 | 02 | 01/11/2016 | 31/12/2017 | Lê Hoàng Tú Anh  | Nữ  | 1982 | Ninh Bình       |                                                    | 11/01/2017 | 31/12/2017 | Bị đình chỉ hành nghề từ 11/01/2017 đến 31/12/2017 |
| 393 | 1930-2016-026-1 | 03 | 01/11/2016 | 31/12/2017 | Phạm Thanh Nga   | Nữ  | 1984 | Hà Nam          |                                                    | 18/03/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/03/2017           |
| 394 | 3334-2016-026-1 | 02 | 01/11/2016 | 31/12/2019 | Nguyễn Thế Chung | Nam | 1985 | Hà Nội          |                                                    | 07/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/06/2017           |
| 395 | 0359-2013-029-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Lại Quang Thứ    | Nam | 1952 | Đồng Nai        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tin học Sài Gòn</b>   | 01/10/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2013           |
| 396 | 1805-2013-029-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Tấn Lợi     | Nam | 1971 | TP. Hồ Chí Minh |                                                    | 5/09/2013  | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/09/2013           |
| 397 | 0552-2013-029-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Vĩnh Quang  | Nam | 1974 | Bình Định       |                                                    | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 |
| 398 | 1193-2013-029-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Trần Văn Quý     | Nam | 1972 | Tiền Giang      |                                                    | 01/01/2014 | Vô hạn     | Công ty không đủ điều kiện                         |
| 399 | 2363-2013-033-1 | 01 | 23/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hoài Ngọc | Nam | 1984 | Hà Nội          | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc Lập (IAC)</b> | 01/10/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015           |
| 400 | 1738-2013-033-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Văn Vững   | Nam | 1982 | Hải Dương       |                                                    | 16/02/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/02/2016           |
| 401 | 1963-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Vũ Hồng Thư      | Nữ  | 1976 | Hưng Yên        |                                                    | 20/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/01/2014           |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |             |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-------------|
| 402 | 0936-2013-034-1 | 01 | 22/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Kim Thoa | Nữ  | 1962 | Hà Nội      |
| 403 | 1786-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Ngô Đức Hưng        | Nam | 1975 | Hưng Yên    |
| 404 | 1213-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Dương Thúy Anh      | Nữ  | 1976 | Thái Nguyên |
| 405 | 2560-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Mạnh Hùng        | Nam | 1981 | Ninh Bình   |
| 406 | 2999-2014-034-1 | 01 | 14/10/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Ngọc Khánh   | Nam | 1984 | Hà Tĩnh     |
| 407 | 1787-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Cao Thị Hà          | Nữ  | 1979 | Nam Định    |
| 408 | 1930-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thanh Nga      | Nữ  | 1984 | Hà Nam      |
| 409 | 2367-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Viết Phú       | Nam | 1982 | Nghệ An     |

**Công ty TNHH  
Kiểm toán và  
Định giá Việt  
Nam (VAE)**

|            |        |                                                                                                                                                        |
|------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01/01/2014 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014. Tạm ngừng đăng ký hành nghề từ 01/01/2015 đến 31/12/2015. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2015 |
| 24/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/09/2014                                                                                                               |
| 31/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2015                                                                                                               |
| 30/9/2015  | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/9/2015                                                                                                                |
| 30/9/2015  | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/9/2015                                                                                                                |
| 01/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2015                                                                                                               |
| 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015                                                                                                               |
| 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016                                                                                                               |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |           |                                                      |            |            |                                           |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------|------------------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------|
| 410 | 2911-2014-034-1 | 01 | 14/10/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Ngọc Vân     | Nữ  | 1987 | Hà Nội    |                                                      | 01/06/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016  |
| 411 | 3432-2015-034-1 | 01 | 10/08/2015 | 31/12/2019 | Hồ Thị Vân          | Nữ  | 1985 | Thanh Hóa |                                                      | 15/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2016  |
| 412 | 2391-2014-034-1 | 01 | 14/10/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Đức      | Nữ  | 1983 | Hà Nội    |                                                      | 30/04/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/04/2017  |
| 413 | 1914-2013-034-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nghiêm Thị Thu Hiền | Nữ  | 1983 | Hà Nội    |                                                      | 30/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2017  |
| 414 | 1387-2013-36-1  | 01 | 11/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Hà   | Nữ  | 1968 | Hải Dương | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Việt Nam (ATIC)</b> | 16/03/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/03/2015  |
| 415 | 0497-2013-36-1  | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thế Bình        | Nam | 1975 | Hà Nam    |                                                      | 01/10/2016 | 01/10/2017 | Công ty tạm ngừng kiểm toán từ 01/10/2016 |
| 416 | 1232-2013-36-1  | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Ngọc An          | Nam | 1974 | Hà Nội    |                                                      | 01/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016  |
| 417 | 1790-2013-36-1  | 01 | 21/06/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thanh Trang     | Nữ  | 1979 | Hà Nam    |                                                      | 01/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016  |
| 418 | 1989-2013-36-1  | 01 | 21/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Thu Hà         | Nữ  | 1982 | Hà Nội    |                                                      | 01/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016  |
| 419 | 1329-2015-036-1 | 03 | 24/06/2015 | 43100      | Nguyễn Hải Phương   | Nam | 1975 | Nam Định  |                                                      | 01/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016  |

|     |                 |    |            |            |                          |     |      |            |                                                       |            |            |                                                             |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|------------|-------------------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------|
| 420 | 2197-2013-037-1 | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Đình Thục<br>Đoan     | Nữ  | 1984 | Lâm Đồng   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Tư<br/>vấn Đất Việt</b> | 15/10/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>15/10/2013              |
| 421 | 1558-2013-037-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Quốc Tuấn             | Nam | 1978 | Khánh Hòa  |                                                       | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành<br>nghề từ<br>01/01/2014 đến<br>31/12/2014 |
| 422 | 2239-2013-037-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Kang Hyung<br>Joong      | Nam | 1969 | Hàn Quốc   |                                                       | 01/07/2014 | 03/12/2014 | Hết hạn Giấy phép<br>lao động từ<br>01/07/2014              |
| 423 | 1558-2013-037-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Quốc Tuấn             | Nam | 1978 | Khánh Hòa  |                                                       | 15/01/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/01/2015              |
| 424 | 2979-2015-037-1 | 01 | 13/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Hữu Bắc           | Nam | 1983 | Hải Dương  |                                                       | 15/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/12/2015              |
| 425 | 2859-2015-037-1 | 01 | 20/10/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Sơn Nam           | Nam | 1984 | Thái Bình  |                                                       | 14/11/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>14/11/2015              |
| 426 | 2239-2014-037-1 | 01 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Kang Hyung<br>Joong      | Nam | 1969 | Hàn Quốc   |                                                       | 31/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/07/2016              |
| 427 | 1893-2013-037-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Park Jin Hong            | Nam | 1973 | Hàn Quốc   |                                                       | 31/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/07/2016              |
| 428 | 3205-2015-037-1 | 01 | 14/07/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị<br>Ngọc Tuyên | Nữ  | 1986 | Tiền Giang |                                                       | 31/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/07/2016              |
| 429 | 2171-2015-037-1 | 02 | 20/01/2015 | 31/12/2017 | Hà Thị Kim Sa            | Nữ  | 1984 | Hải Dương  |                                                       | 01/01/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/01/2017              |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |            |                               |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|------------|-------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 430 | 2781-2015-037-1 | 01 | 13/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Bích Diệu | Nữ  | 1985 | Khánh Hòa  | Công ty TNHH<br>Kiểm toán BDO | 14/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/05/2017 |
| 431 | 2300-2013-038-1 | 01 | 16/09/2013 | 31/12/2017 | Phí Quỳnh Trang      | Nữ  | 1985 | Thái Bình  |                               | 15/02/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/02/2014 |
| 432 | 1870-2013-038-1 | 01 | 30/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Thị Thu Hiền  | Nữ  | 1977 | Quảng Ngãi |                               | 30/06/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2014 |
| 433 | 2556-2013-038-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Lê Hữu Hà            | Nam | 1981 | Thanh Hóa  |                               | 25/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/05/2015 |
| 434 | 2832-2014-038-1 | 01 | 03/09/2014 | 31/12/2018 | Phạm Thanh Toàn      | Nam | 1985 | Long An    |                               | 16/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/05/2015 |
| 435 | 1908-2013-038-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Lê Anh        | Nữ  | 1984 | Thanh Hóa  |                               | 26/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/06/2015 |
| 436 | 3151-2015-038-1 | 01 | 11/11/2015 | 31/12/2019 | Đặng Ngô San Tùng    | Nam | 1988 | Lâm Đồng   |                               | 30/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/11/2015 |
| 437 | 2268-2013-038-1 | 01 | 19/11/2013 | 31/12/2017 | Lam Kok Wai          | Nam | 1967 | Malaysia   |                               | 29/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/01/2016 |
| 438 | 2836-2015-038-1 | 01 | 11/11/2015 | 31/12/2019 | Lưu Trí Trung        | Nam | 1980 | Cà Mau     |                               | 01/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2016 |
| 439 | 0445-2013-038-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hồng Liên | Nữ  | 1969 | Hà Nội     |                               | 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016 |
| 440 | 1469-2013-038-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quỳnh Trang   | Nữ  | 1981 | Hà Nội     |                               | 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016 |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |                |                                            |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|----------------|--------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 441 | 2272-2013-038-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Trúc Giang  | Nữ  | 1986 | Quảng Trị      |                                            | 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016 |
| 442 | 3196-2016-038-1 | 02 | 08/11/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Bảo Phương  | Nữ  | 1987 | Khánh Hòa      |                                            | 03/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 03/01/2017 |
| 443 | 3522-2016-038-1 | 01 | 16/09/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ  | 1989 | TP.Hồ Chí Minh |                                            | 13/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/05/2017 |
| 444 | 2293-2013-038-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Như Phương    | Nữ  | 1985 | Quảng Bình     |                                            | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017 |
| 445 | 0040-2013-040-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Hoàng      | Nam | 1962 | Hà Nam         | <b>Công ty TNHH Hoàng &amp; Thắng</b>      | 20/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/12/2013 |
| 446 | 0802-2013-040-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Lan Hương       | Nữ  | 1976 | Hải Phòng      |                                            | 01/01/2014 | Vô hạn | Công ty không đủ điều kiện               |
| 447 | 2134-2013-042-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Đặng Hoàng Anh         | Nam | 1983 | Hà Tĩnh        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam</b> | 01/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2013 |
| 448 | 2080-2013-042-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Phan Đức Danh          | Nam | 1984 | Đà Nẵng        |                                            | 01/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2014 |
| 449 | 0248-2013-042-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Văn Hòa             | Nam | 1948 | Vĩnh Long      |                                            | 28/02/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/02/2014 |
| 450 | 3191-2015-042-1 | 01 | 28/07/2015 | 31/12/2019 | Phạm Đỗ Đức Phong      | Nam | 1987 | Quảng Bình     |                                            | 15/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/12/2016 |
| 451 | 2210-2015-042-1 | 02 | 02/06/2015 | 31/12/2018 | Văn Đức Thiệm Phú      | Nam | 1977 | Quảng Nam      |                                            | 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |

|     |                 |    |            |            |                   |     |      |            |                                                                |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------|-----|------|------------|----------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 452 | 3214-2015-042-1 | 01 | 08/07/2015 | 31/12/2019 | Phan Văn Trung    | Nam | 1986 | Nghệ An    |                                                                | 30/04/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/04/2017           |
| 453 | 0458-2013-042-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Hồ Đắc Hiếu       | Nam | 1970 | Hải Phòng  |                                                                | 30/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2017           |
| 454 | 1829-2015-042-1 | 02 | 28/08/2015 | 31/12/2017 | Lê Văn Trắng      | Nam | 1982 | Bến Tre    |                                                                | 30/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2017           |
| 455 | 2048-2013-043-1 | 01 | 13/09/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Nguyệt   | Nữ  | 1984 | Nam Định   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Đông Á</b>                       | 11/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/12/2013           |
| 456 | 2478-2013-043-1 | 01 | 13/09/2013 | 31/12/2017 | Lê Viết Cường     | Nam | 1984 | Hà Nam     |                                                                | 05/03/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/03/2014           |
| 457 | 0140-2013-43-1  | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hữu Đông   | Nam | 1964 | Quảng Ngãi |                                                                | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 458 | 0718-2013-43-1  | 01 | 20/06/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Đức Đỏ         | Nam | 1968 | Hung Yên   |                                                                | 20/12/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/12/2014           |
| 459 | 2998-2015-043-1 | 01 | 19/01/2015 | 31/12/2019 | Ngô Văn Khánh     | Nam | 1984 | Hung Yên   |                                                                | 15/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/01/2016           |
| 460 | 1055-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Ngọc Thảo    | Nam | 1974 | Phú Yên    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T D K</b> | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 |
| 461 | 2116-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trường Sơn | Nam | 1978 | Ninh Bình  |                                                                | 02/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/06/2014           |

|     |                 |    |            |            |                    |     |      |            |                                                              |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|------------|--------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 462 | 0074-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Điền Văn Châu      | Nam | 1961 | Quảng Ngãi | Long - T.D.K                                                 | 01/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014 |
| 463 | 0313-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Từ Quỳnh Hạnh      | Nữ  | 1961 | Thái Bình  | Công ty TNHH<br>Kiểm toán và<br>Tư vấn Thăng<br>Long - T.D.K | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 464 | 1129-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Kiên  | Nam | 1980 | Nghệ An    |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 465 | 2024-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phan Văn Thuận     | Nam | 1980 | Nghệ An    |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 466 | 0346-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Dũng    | Nam | 1957 | Hải Phòng  |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 467 | 0221-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Công Thiện  | Nam | 1959 | Nghệ An    |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 468 | 0457-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Quý Hải         | Nam | 1958 | Hải Dương  |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 469 | 0106-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Đào Ngọc Hoàng     | Nam | 1964 | Đà Nẵng    |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 470 | 2278-2013-045-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Minh Hà   | Nữ  | 1985 | Đà Nẵng    |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 471 | 0228-2014-045-1 | 02 | 20/06/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Khánh Tuyền | Nam | 1960 | Nam Định   |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |             |                                                              |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-------------|--------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 472 | 1026-2013-045-1 | 01 | 01/08/2013 | 31/12/2017 | Lưu Anh Tuấn          | Nam | 1978 | Thái Bình   |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 473 | 1706-2013-045-1 | 01 | 01/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tiến Thành     | Nam | 1981 | Tuyên Quang |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 474 | 2315-2013-045-1 | 01 | 11/12/2013 | 31/12/2017 | Lê Chung              | Nam | 1983 | Phú Thọ     |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 475 | 2476-2013-045-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Xuân Bình      | Nam | 1980 | Thanh Hóa   |                                                              | 22/08/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 476 | 1055-2014-045-1 | 02 | 22/08/2014 | 31/12/2017 | Phạm Ngọc Thảo        | Nam | 1974 | Phú Yên     |                                                              | 01/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016 |
| 477 | 2762-2014-045-1 | 01 | 22/08/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Thu Thảo   | Nữ  | 1987 | Hải Dương   |                                                              | 01/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016 |
| 478 | 1767-2015-045-1 | 02 | 31/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Tấn Thu Vân    | Nữ  | 1965 | Quảng Ngãi  |                                                              | 18/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/01/2016 |
| 479 | 2998-2016-045-1 | 02 | 22/02/2016 | 31/12/2019 | Ngô Văn Khánh         | Nam | 1984 | Hưng Yên    |                                                              | 29/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/08/2016 |
| 480 | 2560-2015-045-1 | 02 | 19/10/2015 | 31/12/2017 | Lê Mạnh Hùng          | Nam | 1981 | Ninh Bình   |                                                              | 05/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/10/2016 |
| 481 | 2969-2016-045-1 | 04 | 06/10/2016 | 31/12/2019 | Cao Thị Thanh Thủy    | Nữ  | 1986 | Nam Định    | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K</b> | 25/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/10/2016 |
| 482 | 3700-2016-045-1 | 01 | 21/10/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Quang Hòa      | Nam | 1986 | Đà Nẵng     |                                                              | 01/02/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/02/2017 |
| 483 | 3721-2016-045-1 | 01 | 16/06/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Mai Phương | Nữ  | 1986 | Nghệ An     |                                                              | 01/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2017 |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |                 |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-----------------|
| 484 | 2467-2017-045-1 | 03 | 23/02/2017 | 31/12/2018 | Cần Văn Tuấn          | Nam | 1982 | Hà Nội          |
| 485 | 3217-2015-045-1 | 01 | 31/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Yến        | Nữ  | 1985 | Thừa Thiên Huế  |
| 486 | 2433-2015-045-1 | 03 | 28/08/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Tấn Quang      | Nam | 1967 | Hà Nội          |
| 487 | 0228-2014-045-1 | 02 | 22/08/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Khánh Tuyền    | Nam | 1960 | Nam Định        |
| 488 | 1162-2013-046-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Văn Mỹ Anh            | Nữ  | 1980 | Quảng Đông      |
| 489 | 1051-2014-046-1 | 02 | 20/06/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Nam Phương | Nữ  | 1977 | Quảng Nam       |
| 490 | 0704-2013-046-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hoàng Nguyên   | Nam | 1970 | Hà Nội          |
| 491 | 1829-2013-046-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Văn Trắng          | Nam | 1982 | Bến Tre         |
| 492 | 2471-2014-046-1 | 01 | 10/01/2014 | 31/12/2018 | Bùi Đình Đạt          | Nam | 1986 | Ninh Bình       |
| 493 | 0534-2013-046-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Phú Hiền       | Nam | 1973 | TP. Hồ Chí Minh |

**Công ty TNHH  
Kiểm toán KSI  
Việt Nam**

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 20/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/05/2017 |
| 01/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2017 |
| 15/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2017 |
| 10/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/07/2017 |
| 15/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2013 |
| 01/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2014 |
| 01/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2015 |
| 16/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/07/2015 |
| 15/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2015 |
| 15/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2015 |

|     |                 |    |            |            |                    |     |      |            |                                                 |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|------------|-------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 494 | 2745-2014-046-1 | 01 | 01/01/2015 | 43830      | Trần Thị Thúy Hằng | Nữ  | 1987 | Hà Tĩnh    |                                                 | 10/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/09/2016 |
| 495 | 1873-2013-047-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đình Tiến   | Nam | 1976 | Bình Thuận | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Thuế (ATC)</b> | 10/01/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/01/2014 |
| 496 | 1635-2013-047-1 | 01 | 10/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Bình    | Nam | 1982 | Hà Nội     |                                                 | 26/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/08/2014 |
| 497 | 0498-2013-047-1 | 01 | 12/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thành Công      | Nam | 1975 | Bắc Giang  |                                                 | 10/10/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 498 | 1604-2013-047-1 | 01 | 12/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thế Hùng        | Nam | 1981 | Hà Nam     |                                                 | 10/10/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 499 | 1667-2013-047-1 | 01 | 12/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hồng Sơn    | Nam | 1968 | Nghệ An    |                                                 | 10/10/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 500 | 1974-2013-047-1 | 01 | 12/07/2013 | 31/12/2017 | Phan Thanh Quân    | Nam | 1981 | Quảng Bình |                                                 | 10/10/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 501 | 1254-2013-047-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Dương Ngọc Hùng    | Nam | 1976 | Bình Định  |                                                 | 10/10/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 502 | 0953-2013-047-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Lê Thành Công      | Nam | 1978 | Bến Tre    |                                                 | 10/10/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 503 | 0775-2013-047-1 | 01 | 26/12/2013 | 31/12/2017 | Nhữ Đức Trường     | Nam | 1978 | Hải Dương  |                                                 | 10/10/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 504 | 2546-2015-047-1 | 03 | 06/11/2015 | 31/12/2017 | Bùi Văn Đoàn       | Nam | 1985 | Hưng Yên   | <b>Công ty TNHH Hãng Kiểm toán</b>              | 11/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động 06/11/2015    |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |            |                                 |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|------------|---------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 505 | 0775-2014-047-1 | 02 | 10/10/2014 | 31/12/2017 | Nhữ Đức Trường         | Nam | 1978 | Hải Dương  | Trang Kiểm toán và Định giá ATC | 12/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2016 |
| 506 | 1096-2013-051-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Mai Thanh Bình         | Nam | 1976 | Bình Dương | Công ty TNHH Kiểm toán U&I      | 15/01/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/01/2014 |
| 507 | 2811-2014-051-1 | 01 | 12/09/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Kim Phụng     | Nữ  | 1986 | Ninh Thuận |                                 | 19/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/01/2015 |
| 508 | 1975-2015-051-1 | 04 | 23/10/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Ngọc       | Nam | 1980 | Hưng Yên   |                                 | 01/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2016 |
| 509 | 2955-2014-051-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Bùi Kim Ngân           | Nữ  | 1985 | Hà Nội     |                                 | 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |
| 510 | 3739-2016-051-1 | 01 | 08/09/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Xuân        | Nữ  | 1988 | Bắc Ninh   |                                 | 03/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 03/10/2016 |
| 511 | 1543-2013-051-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Từ Thái Sơn            | Nam | 1981 | Quảng Bình |                                 | 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2016 |
| 512 | 2514-2013-055-1 | 01 | 26/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hạnh Nguyên | Nữ  | 1986 | Hải Phòng  |                                 | 24/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/08/2015 |
| 513 | 2898-2014-055-1 | 01 | 28/10/2014 | 31/12/2018 | Lê Như Nam             | Nam | 1987 | Thanh Hóa  |                                 | 24/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/08/2015 |
| 514 | 0045-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Tạ Văn Việt            | Nam | 1956 | Ninh Bình  |                                 | 15/09/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |           |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------|
| 515 | 0581-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Quốc Trị       | Nam | 1961 | Phú Thọ   |
| 516 | 0487-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Ngọc Anh       | Nữ  | 1970 | Nam Định  |
| 517 | 1458-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Đồng Văn Thất       | Nam | 1962 | Hải Phòng |
| 518 | 2302-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Thị Thanh Tâm | Nữ  | 1972 | Hà Tĩnh   |
| 519 | 0388-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Hương Giang  | Nữ  | 1972 | Hải Phòng |
| 520 | 0804-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hoa      | Nữ  | 1978 | Hung Yên  |
| 521 | 1436-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Hoài Nam         | Nam | 1981 | Hải Phòng |
| 522 | 1445-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Tạ Thị Việt Phương  | Nữ  | 1981 | Ninh Bình |
| 523 | 2461-2013-055-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hoài Thu | Nữ  | 1985 | Hải Phòng |
| 524 | 1699-2013-055-1 | 02 | 23/10/2013 | 31/12/2017 | Dương Đình Ngọc     | Nam | 1966 | Thanh Hóa |
| 525 | 1785-2013-055-1 | 02 | 23/10/2013 | 31/12/2017 | Đào Thị Thúy Hà     | Nữ  | 1971 | Hải Phòng |
| 526 | 2485-2013-055-1 | 02 | 23/10/2013 | 31/12/2017 | Vương Trung Dũng    | Nam | 1984 | Hải Dương |
| 527 | 2720-2014-055-1 | 01 | 11/02/2014 | 31/12/2018 | Bùi Thị Hương       | Nữ  | 1984 | Thái Bình |
| 528 | 2612-2014-055-1 | 01 | 29/07/2014 | 31/12/2018 | Lại Thị Hằng        | Nữ  | 1986 | Thái Bình |
| 529 | 2986-2014-055-1 | 01 | 29/07/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thu Hà       | Nữ  | 1985 | Hải Phòng |
| 530 | 2904-2014-055-1 | 01 | 22/08/2014 | 31/12/2018 | Đỗ Dương Tùng       | Nam | 1987 | Thanh Hóa |

**Công ty TNHH  
Kiểm toán Việt  
Anh**

[illegible]

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |           |                                      |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|-----------|--------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 531 | 3285-2015-055-1 | 01 | 10/06/2015 | 31/12/2019 | Lê Thị Hương Giang     | Nữ  | 1987 | Hải Phòng | Công ty TNHH<br>Kiểm toán An<br>Việt | 15/09/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 532 | 0922-2015-055-1 | 04 | 01/09/2015 | 31/12/2017 | Phan Lê Thành Long     | Nam | 1979 | Hà Nội    |                                      | 15/09/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 533 | 2321-2015-055-1 | 02 | 15/09/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hương Giang | Nữ  | 1978 | Nam Định  |                                      | 01/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2015 |
| 534 | 1786-2015-055-1 | 04 | 15/09/2015 | 31/12/2017 | Ngô Đức Hưng           | Nam | 1975 | Hưng Yên  |                                      | 01/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2015 |
| 535 | 1300-2015-055-1 | 03 | 15/09/2015 | 31/12/2017 | Phạm Ngọc Hữu          | Nam | 1947 | Hải Phòng |                                      | 01/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016 |
| 536 | 2485-2015-055-1 | 03 | 15/09/2015 | 31/12/2017 | Vương Trung Dũng       | Nam | 1984 | Hải Dương |                                      | 30/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/04/2016 |
| 537 | 3344-2015-055-1 | 01 | 27/10/2015 | 31/12/2019 | Ngô Thu Hoài           | Nữ  | 1987 | Hải Phòng |                                      | 01/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2016 |
| 538 | 2891-2015-055-1 | 02 | 15/09/2015 | 31/12/2018 | Trương Thị Thu Hiền    | Nữ  | 1987 | Nam Định  |                                      | 01/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2016 |
| 539 | 3720-2016-055-1 | 01 | 06/07/2016 | 31/12/2020 | Bùi Thị Mai Phương     | Nữ  | 1986 | Thái Bình |                                      | 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2016 |
| 540 | 2489-2015-055-1 | 02 | 15/09/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Kim Hoài    | Nữ  | 1984 | Thái Bình |                                      | 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2016 |
| 541 | 3285-2015-055-1 | 02 | 15/09/2015 | 31/12/2019 | Lê Thị Hương Giang     | Nữ  | 1987 | Hải Phòng |                                      | 21/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/12/2016 |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |           |                                           |            |        |                                                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|-----------|-------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
| 542 | 3106-2015-055-1 | 02 | 15/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Minh Nguyệt     | Nữ  | 1985 | Hà Nội    | Công ty TNHH<br>Tư vấn - Kiểm<br>toán S&S | 01/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/06/2017 |
| 543 | 3393-2015-055-1 | 01 | 07/10/2015 | 31/12/2019 | Mai Thị Điệp           | Nữ  | 1986 | Nghệ An   |                                           | 05/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>05/05/2017 |
| 544 | 2720-2015-055-1 | 02 | 15/09/2015 | 31/12/2018 | Bùi Thị Hương          | Nữ  | 1984 | Thái Bình |                                           | 05/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>05/06/2017 |
| 545 | 2661-2013-058-1 | 01 | 10/09/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thị Thanh<br>Quyên | Nữ  | 1983 | Quảng Nam |                                           | 19/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>19/12/2013 |
| 546 | 0537-2013-058-1 | 01 | 10/12/2013 | 31/12/2017 | Phùng Trung<br>Kiên    | Nam | 1970 | Bắc Ninh  |                                           | 19/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>19/12/2013 |
| 547 | 2380-2013-058-1 | 02 | 24/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu<br>Thảo | Nữ  | 1982 | Bắc Giang |                                           | 01/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/07/2015 |
| 548 | 2969-2015-058-1 | 01 | 03/02/2015 | 31/12/2019 | Cao Thị Thanh<br>Thùy  | Nữ  | 1986 | Nam Định  |                                           | 15/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/09/2015 |
| 549 | 2988-2015-058-1 | 01 | 03/02/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thị Hiền          | Nữ  | 1985 | Hải Dương |                                           | 01/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/12/2015 |
| 550 | 1609-2014-058-1 | 02 | 22/01/2014 | 31/12/2017 | Phạm Thị Kim<br>Nga    | Nữ  | 1983 | Hải Phòng |                                           | 11/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>11/07/2016 |
| 551 | 2750-2015-058-1 | 01 | 03/02/2015 | 31/12/2019 | Ngô Thị Thúy<br>Kiều   | Nữ  | 1987 | Bình Định |                                           | 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/08/2016 |
| 552 | 3102-2015-058-1 | 01 | 03/02/2015 | 31/12/2019 | Lại Thị Thùy<br>Linh   | Nữ  | 1985 | Thái Bình |                                           | 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/08/2016 |

|     |                 |    |            |            |                   |     |      |            |                                                                     |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------|-----|------|------------|---------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 553 | 2727-2015-058-1 | 02 | 19/11/2015 | 31/12/2019 | Lê Trung Chính    | Nam | 1986 | Quảng Bình |                                                                     | 25/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/11/2016 |
| 554 | 3151-2015-058-1 | 02 | 17/12/2015 | 31/12/2019 | Đặng Ngô San Tùng | Nam | 1988 | Lâm Đồng   |                                                                     | 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2016 |
| 555 | 3548-2016-058-1 | 01 | 03/10/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Hồng Cẩm   | Nữ  | 1988 | Tiền Giang |                                                                     | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017 |
| 556 | 2871-2015-065-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Bùi Đức Tuấn      | Nam | 1981 | Hà Tĩnh    | <b>Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Gia Cát</b>                     | 01/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2015 |
| 557 | 1552-2013-065-1 | 01 | 07/10/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Thùy Trang | Nữ  | 1980 | Tiền Giang |                                                                     | 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |
| 558 | 1704-2013-066-1 | 01 | 30/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Quyên  | Nữ  | 1979 | Bắc Ninh   | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn xây dựng Việt Nam (CIMEICO)</b> | 19/12/2013 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 559 | 0384-2013-066-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuy        | Nam | 1937 | Phú Thọ    |                                                                     | 19/12/2013 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 560 | 2375-2013-066-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tiến Thiện | Nam | 1980 | Thanh Hóa  |                                                                     | 19/12/2013 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 561 | 0004-2013-066-1 | 01 | 12/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Mạnh Hùng    | Nam | 1945 | Hải Dương  |                                                                     | 19/12/2013 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 562 | 2718-2013-066-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Vinh     | Nữ  | 1986 | Nghệ An    |                                                                     | 19/12/2013 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 563 | 2718-2013-066-1 | 02 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Vinh     | Nữ  | 1986 | Nghệ An    | <b>Công ty TNHH Kiểm toán CIMEICO</b>                               | 31/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2014 |
| 564 | 0384-2013-066-1 | 02 | 19/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuy        | Nam | 1937 | Phú Thọ    |                                                                     | 31/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |            |                                                                |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|------------|----------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 565 | 3398-2015-066-1 | 01 | 17/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Hải       | Nữ  | 1986 | Hải Dương  |                                                                | 30/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/11/2016 |
| 566 | 0255-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Chí Trung     | Nam | 1973 | Nghệ An    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn NEXIA<br/>ACPA</b> | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 567 | 0681-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Khôi           | Nam | 1972 | Hải Dương  |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 568 | 0808-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Nam      | Nam | 1977 | Hà Nội     |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 569 | 0821-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thế Việt          | Nam | 1978 | Hà Nam     |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 570 | 2596-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Huy Ánh Nguyệt   | Nữ  | 1984 | Hà Nội     |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 571 | 2500-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Kiều Mạnh Hùng       | Nam | 1983 | Hà Tĩnh    |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 572 | 0253-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Nguy Quốc Tuấn       | Nam | 1972 | Trung Quốc |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 573 | 0817-2013-068-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Mạnh Tuấn     | Nam | 1976 | Thái Bình  |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 574 | 0233-2013-068-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Quốc Hưng       | Nam | 1968 | Nam Định   |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 575 | 0256-2013-068-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Minh Thắng        | Nam | 1972 | Nam Định   |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 576 | 1835-2013-068-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Thị Bích Loan | Nữ  | 1983 | Quảng Nam  |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 577 | 2674-2013-068-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nông Quang Thành     | Nam | 1985 | Tiền Giang |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 578 | 2595-2013-068-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Trần Phương Minh | Nữ  | 1984 | Nam Định   |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 579 | 2484-2013-068-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Dịch Dũng     | Nam | 1984 | Bắc Giang  |                                                                | 30/07/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |

|     |                 |    |            |            |                          |     |      |            |                                                       |            |        |                                                                               |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|------------|-------------------------------------------------------|------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 580 | 1172-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hạnh          | Nữ  | 1980 | Bình Dương | <b>Công ty TNHH<br/>Grant Thornton<br/>(Việt Nam)</b> | 15/08/2014 | Vô hạn | Ngừng đăng ký hành nghề từ 15/08/2014                                         |
| 581 | 1638-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Khuất Thị Liên Hương     | Nữ  | 1982 | Hà Nội     |                                                       | 26/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/08/2014                                      |
| 582 | 1298-2014-068-1 | 02 | 01/01/2015 | 31/12/2017 | Lê Thị Hậu               | Nữ  | 1978 | Đồng Tháp  |                                                       | 12/02/2015 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề 2015, 2016.<br>Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2016 |
| 583 | 2596-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Bùi Huy Ánh Nguyệt       | Nữ  | 1984 | Hà Nội     |                                                       | 01/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2015                                      |
| 584 | 2500-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Kiều Mạnh Hùng           | Nam | 1983 | Hà Tĩnh    |                                                       | 01/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2015                                      |
| 585 | 1864-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Phạm Thị Tú Oanh         | Nữ  | 1983 | Quảng Bình |                                                       | 08/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 08/05/2015                                      |
| 586 | 1863-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Trần Thu Hằng            | Nữ  | 1983 | Hà Nội     |                                                       | 29/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/05/2015                                      |
| 587 | 0233-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Phạm Quốc Hưng           | Nam | 1968 | Nam Định   |                                                       | 15/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/05/2016                                      |
| 588 | 3051-2015-068-1 | 01 | 15/04/2015 | 31/12/2019 | Đinh Thị Quỳnh Anh       | Nữ  | 1986 | Hà Nội     |                                                       | 29/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/10/2016                                      |
| 589 | 2224-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Kenneth Michael Atkinson | Nam | 1948 | Anh        |                                                       | 01/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2016                                      |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|------------|
| 590 | 0256-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Lê Minh Thắng       | Nam | 1972 | Nam Định   |
| 591 | 1775-2014-068-1 | 02 | 30/07/2014 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Tuyết Anh | Nữ  | 1979 | Vĩnh Long  |
| 592 | 3077-2015-068-1 | 01 | 15/04/2015 | 31/12/2019 | Trần Hoàng Trung    | Nữ  | 1985 | Hà Nam     |
| 593 | 2350-2014-069-1 | 02 | 23/01/2014 | 31/12/2017 | Phạm Trung Kiên     | Nam | 1983 | Thái Bình  |
| 594 | 1161-2014-069-1 | 02 | 27/06/2014 | 31/12/2017 | Trần Hoàng Anh      | Nam | 1980 | Quảng Ngãi |
| 595 | 2582-2013-69-1  | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Quốc Việt        | Nam | 1984 | Phú Thọ    |
| 596 | 1888-2014-069-1 | 02 | 15/08/2014 | 31/12/2017 | Hứa Thoại Quyên     | Nữ  | 1979 | Tây Ninh   |
| 597 | 2389-2014-069-1 | 02 | 23/01/2014 | 31/12/2017 | Bùi Thành Việt      | Nam | 1983 | Vĩnh Phúc  |
| 598 | 3418-2014-069-1 | 01 | 19/08/2015 | 31/12/2019 | Lê Xuân Tú          | Nam | 1985 | Hưng Yên   |

|                                                                                |            |        |                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                | 01/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2016                                                     |
|                                                                                | 13/01/2016 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2016 |
|                                                                                | 13/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hành nghề kiểm toán từ 28/04/2017                                                   |
| <b>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT</b> | 07/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/07/2014                                                     |
|                                                                                | 31/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/07/2014                                                     |
|                                                                                | 31/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2014                                                     |
|                                                                                | 30/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2014                                                     |
|                                                                                | 31/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/01/2015. Đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015    |
|                                                                                | 01/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2015                                                     |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |                   |                                  |            |            |                                                     |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-------------------|----------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------|
| 599 | 2766-2017-069-1 | 02 | 20/03/2017 | 31/12/2018 | Hoàng Thị Kim Thuận   | Nữ  | 1987 | Quảng Bình        |                                  | 31/05/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/05/2017            |
| 600 | 2428-2013-070-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Bùi Thống Nhất        | Nam | 1981 | Cần Thơ           |                                  | 30/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2014            |
| 601 | 0357-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Văn Thanh          | Nam | 1971 | Quảng Nam         |                                  | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015  |
| 602 | 0476-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hữu Trí        | Nam | 1951 | Bà Rịa - Vũng Tàu |                                  | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015. |
| 603 | 0177-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Văn Bổng          | Nam | 1966 | TP. Hồ Chí Minh   |                                  | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015  |
| 604 | 0211-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Long Hải | Nam | 1971 | Tiền Giang        |                                  | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015  |
| 605 | 2219-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Khắc Đoàn      | Nam | 1980 | Hà Nội            |                                  | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015  |
| 606 | 1098-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Ánh          | Nữ  | 1978 | Hà Nội            | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ</b> | 20/04/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/04/2014            |
| 607 | 1434-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Ánh Minh    | Nữ  | 1981 | Thanh Hóa         |                                  | 20/04/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/04/2014            |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |                   |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-------------------|
| 608 | 1828-2013-070-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Lương Ngô Bảo Trân    | Nữ  | 1984 | Bình Định         |
| 609 | 1214-2013-070-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hồng Chuẩn     | Nam | 1977 | Hưng Yên          |
| 610 | 1400-2013-070-1 | 01 | 26/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Hiền             | Nam | 1979 | Thừa Thiên Huế    |
| 611 | 0061-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Mạnh Hùng      | Nam | 1963 | Bến Tre           |
| 612 | 0476-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hữu Trí        | Nam | 1951 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 613 | 0673-2013-070-1 | 01 | 26/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Phương Lan Anh | Nữ  | 1970 | Nghệ An           |
| 614 | 2219-2013-070-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Khắc Đoàn      | Nam | 1980 | Hà Nội            |
| 615 | 2362-2013-071-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Ngà            | Nữ  | 1976 | Hải Phòng         |
| 616 | 2240-2013-071-1 | 01 | 01/08/2013 | 31/12/2017 | Ngô Ngọc Linh         | Nữ  | 1985 | Nam Định          |
| 617 | 2711-2013-071-1 | 01 | 14/11/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Hoài Thương  | Nữ  | 1985 | TP. Hồ Chí Minh   |

**Công ty TNHH  
Kiểm toán và  
Tư vấn Chuẩn  
Việt**

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 14/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/04/2014 |
| 20/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/11/2014 |
| 31/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2015 |
| 15/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/06/2015 |
| 31/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2015 |
| 31/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2015 |
| 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 01/09/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/09/2013 |
| 01/01/2014 | Vô hạn | Ngừng đăng ký hành nghề từ 01/01/2014    |
| 14/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/07/2014 |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |                 |                                                                                 |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 618 | 1800-2015-071-1 | 02 | 13/10/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Mai Chung    | Nam | 1981 | Thanh Hóa       |                                                                                 | 23/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 23/02/2016 |
| 619 | 1251-2015-071-1 | 01 | 21/08/2015 | 31/12/2019 | Phạm Ngọc Hoàng     | Nam | 1971 | Bình Định       |                                                                                 | 15/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/04/2016 |
| 620 | 2529-2013-072-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Vĩnh Thành   | Nam | 1976 | Ninh Bình       | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn Tài<br/>chính Quốc tế<br/>(IFC)</b> | 26/02/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/02/2014 |
| 621 | 1693-2013-072-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Thu Hương  | Nữ  | 1981 | Thái Bình       |                                                                                 | 31/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/01/2015 |
| 622 | 1001-2015-072-1 | 01 | 01/01/2016 | 31/12/2020 | Phạm Duy Hùng       | Nam | 1980 | Hà Nội          |                                                                                 | 15/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/04/2016 |
| 623 | 1382-2013-075-1 | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quế Dương    | Nam | 1972 | Phú Thọ         |                                                                                 | 15/01/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/01/2014 |
| 624 | 0040-2014-075-1 | 02 | 07/03/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Hoàng   | Nam | 1962 | Hà Nam          |                                                                                 | 28/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/07/2014 |
| 625 | 1542-2013-075-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Thanh Đăng Sơn | Nam | 1981 | TP. Hồ Chí Minh |                                                                                 | 15/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2014 |
| 626 | 1551-2013-075-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Song Toàn    | Nam | 1980 | Bến Tre         |                                                                                 | 15/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2014 |



|     |                 |    |            |            |                     |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|------------|
| 639 | 2360-2013-075-1 | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Xuân Mạnh        | Nam | 1980 | Hưng Yên   |
| 640 | 1806-2013-075-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tiến Trình   | Nam | 1981 | Nam Định   |
| 641 | 1492-2013-075-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Minh Anh | Nữ  | 1981 | Bắc Giang  |
| 642 | 2723-2014-075-1 | 01 | 17/02/2014 | 31/12/2018 | Lê Thị Thanh Vân    | Nữ  | 1981 | Thanh Hóa  |
| 643 | 3014-2015-075-1 | 01 | 06/02/2015 | 31/12/2019 | Trần Thị Thư        | Nữ  | 1984 | Nam Định   |
| 644 | 2742-2015-075-1 | 01 | 06/02/2015 | 31/12/2019 | Phan Thị Xuân Diệu  | Nữ  | 1987 | Quảng Ngãi |
| 645 | 1387-2015-075-1 | 02 | 03/04/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Hà   | Nữ  | 1968 | Hải Dương  |
| 646 | 0502-2015-075-1 | 01 | 01/01/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Văn Học      | Nam | 1969 | Ninh Bình  |
| 647 | 2057-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Hà Thị Hồng Yến     | Nữ  | 1976 | Quảng Bình |
| 648 | 0115-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Phan Thị Minh Hiền  | Nữ  | 1961 | Quảng Nam  |
| 649 | 1758-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Hồ Nguyên Uyên Thảo | Nữ  | 1977 | Quảng Nam  |

**Công ty TNHH  
Kiểm toán và**

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty bị sáp nhập                      |
| 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty bị sáp nhập                      |
| 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty bị sáp nhập                      |
| 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty bị sáp nhập                      |
| 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty bị sáp nhập                      |
| 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty bị sáp nhập                      |
| 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty bị sáp nhập                      |
| 03/09/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 03/09/2013 |
| 01/05/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2014 |
| 01/05/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2014 |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |            |                                                                     |            |        |                                                                                              |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|------------|---------------------------------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 650 | 1970-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Huyền Trang       | Nữ  | 1982 | Hà Nội     | <b>Tư vấn kế toán<br/>An Phát</b>                                   | 11/06/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/06/2014. Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 651 | 1648-2014-078-1 | 02 | 23/01/2014 | 31/12/2017 | Lý Trí Hùng            | Nam | 1978 | Hà Nội     |                                                                     | 09/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 09/08/2014                                                     |
| 652 | 0584-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Minh Tần      | Nữ  | 1964 | Hải Phòng  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn kế toán<br/>An Phát</b> | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 653 | 1420-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Hường         | Nữ  | 1981 | Thái Bình  |                                                                     | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 654 | 2299-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Nữ  | 1985 | Hải Phòng  |                                                                     | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 655 | 0076-2013-078-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Gấm         | Nữ  | 1966 | Long An    |                                                                     | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 656 | 2192-2013-078-1 | 02 | 27/12/2013 | 31/12/2017 | Đinh Văn Tùng          | Nam | 1983 | Đà Nẵng    |                                                                     | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 657 | 1598-2014-078-1 | 02 | 23/01/2014 | 31/12/2017 | Phan Đắc Hoan          | Nam | 1981 | Hải Dương  |                                                                     | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 658 | 2938-2014-078-1 | 01 | 22/08/2014 | 31/12/201  | Trần Đức Hùng          | Nam | 1986 | Hà Nội     |                                                                     | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 659 | 2803-2014-078-1 | 01 | 02/10/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Hoàng Oanh  | Nữ  | 1985 | Tiền Giang |                                                                     | 25/03/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                                                              |
| 660 | 0076-2015-078-1 | 02 | 16/04/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Gấm         | Nữ  | 1966 | Long An    |                                                                     | 26/03/2015 | Vô hạn | Ngừng đăng ký hành nghề từ 15/08/2015                                                        |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                                   |            |        |                                                             |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|---------------------------------------------------|------------|--------|-------------------------------------------------------------|
| 661 | 0740-2015-078-1 | 02 | 25/03/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Hoàng Hà      | Nam | 1976 | Vĩnh Phúc       | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán An<br/>Phát AFC</b> | 27/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/01/2016                    |
| 662 | 1598-2015-078-1 | 03 | 25/03/2015 | 31/12/2017 | Phan Đắc Hoan        | Nam | 1981 | Hải Dương       |                                                   | 28/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/11/2016                    |
| 663 | 2938-2015-078-1 | 02 | 25/03/2015 | 43465      | Trần Đức Hùng        | Nam | 1986 | Hà Nội          |                                                   | 29/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/11/2016                    |
| 664 | 3123-2015-078-1 | 01 | 01/09/2015 | 43830      | Nguyễn Thị Thu Hương | Nữ  | 1981 | Hải Phòng       |                                                   | 30/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2016                    |
| 665 | 3357-2015-078-1 | 01 | 08/01/2016 | 43830      | Nguyễn Hồng Nam      | Nam | 1981 | Hải Dương       |                                                   | 31/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2016                    |
| 666 | 1420-2015-078-1 | 02 | 25/03/2015 | 31/12/2017 | Trần Thị Hường       | Nữ  | 1981 | Thái Bình       |                                                   | 01/04/2015 | Vô hạn | Công ty chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán từ 20/01/2017 |
| 667 | 0486-2013-079-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Võ Công Tuấn         | Nam | 1970 | TP. Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Tâm</b>             | 15/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2014                    |
| 668 | 1762-2013-079-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Hữu Phước      | Nam | 1980 | Trung Quốc      |                                                   | 15/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2014                    |
| 669 | 0626-2013-079-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Đặng Quốc Việt       | Nam | 1975 | An Giang        |                                                   | 01/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2014                    |
| 670 | 0786-2013-079-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Hồng Long         | Nam | 1976 | Quảng Ngãi      |                                                   | 01/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2014                    |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |            |                                                       |            |            |                                                                             |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|------------|-------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 671 | 2662-2013-079-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Hoàng Chương        | Nam | 1984 | An Giang   | Việt                                                  | 01/09/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2014                                    |
| 672 | 0529-2013-079-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ  | 1964 | Quảng Ninh |                                                       | 01/09/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2014                                    |
| 673 | 0082-2013-079-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Hạ              | Nữ  | 1946 | Hải Dương  |                                                       | 01/12/2014 | 31/12/2014 | Công ty tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán từ 01/12/2014 đến 31/12/2014 |
| 674 | 1648-2013-084-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Lý Trí Hùng            | Nam | 1978 | Hà Nội     | Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC Việt Nam | 15/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/12/2013                                    |
| 675 | 2445-2013-084-1 | 01 | 21/10/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thế Anh            | Nam | 1984 | Ninh Bình  |                                                       | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014                                    |
| 676 | 0839-2013-085-1 | 01 | 26/08/2013 | 31/12/2017 | Phạm Tất Thành         | Nam | 1976 | Vĩnh Phúc  |                                                       | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015                          |
| 677 | 2201-2013-085-1 | 01 | 26/08/2013 | 31/12/2017 | Phạm Văn Bằng          | Nam | 1974 | Vĩnh Phúc  |                                                       | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015                          |
| 678 | 1274-2014-085-1 | 02 | 24/09/2014 | 31/12/2017 | Lê Trần Minh Trí       | Nam | 1977 | Bình Dương |                                                       | 17/10/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 17/10/2014                                    |
| 679 | 2632-2013-085-1 | 01 | 10/09/2013 | 31/12/2017 | Lê Viết Dũng Linh      | Nam | 1977 | Quảng Trị  |                                                       | 10/12/2014 | 20/01/2015 | Công ty tạm ngừng kinh doanh dịch vụ                                        |
| 680 | 2210-2013-085-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Văn Đức Thiệm Phú      | Nam | 1977 | Quảng Nam  |                                                       | 10/12/2014 | 20/01/2015 |                                                                             |

|     |                 |    |            |            |                         |     |      |                |                                                         |            |            |                                                           |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------------|-----|------|----------------|---------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------|
| 681 | 0975-2013-085-1 | 01 | 05/12/2013 | 31/12/2017 | Lê Đông Thảo            | Nữ  | 1979 | TP Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông</b>               | 10/12/2014 | 20/01/2015 | Kính doanh dịch vụ kiểm toán từ 10/12/2014 đến 20/01/2015 |
| 682 | 3094-2014-085-1 | 01 | 21/11/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Thiên Hương    | Nữ  | 1976 | Đồng Tháp      |                                                         | 10/12/2014 | 20/01/2015 |                                                           |
| 683 | 2741-2014-085-1 | 01 | 12/09/2014 | 31/12/2018 | Phạm Anh Cường          | Nam | 1982 | Vĩnh Phúc      |                                                         | 10/12/2014 | 20/01/2015 |                                                           |
| 684 | 2741-2014-085-1 | 01 | 12/09/2014 | 31/12/2018 | Phạm Anh Cường          | Nam | 1982 | Vĩnh Phúc      |                                                         | 12/02/2015 | 07/06/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 07/06/2015        |
| 685 | 2210-2013-085-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Văn Đức Thiệm Phú       | Nam | 1977 | Quảng Nam      |                                                         | 27/04/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 27/04/2015                  |
| 686 | 2632-2013-085-1 | 01 | 10/09/2013 | 31/12/2017 | Lê Viết Dũng Linh       | Nam | 1977 | Quảng Trị      |                                                         | 03/03/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 03/03/2015                  |
| 687 | 0975-2013-085-1 | 01 | 05/12/2013 | 31/12/2017 | Lê Đông Thảo            | Nữ  | 1979 | TP Hồ Chí Minh |                                                         | 01/03/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/03/2016                  |
| 688 | 0737-2013-086-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Huyền Trâm | Nữ  | 1977 | Tiền Giang     | <b>Công ty TNHH Kiểm toán độc lập quốc gia Việt Nam</b> | 01/09/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/09/2013                  |
| 689 | 0697-2013-086-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Tứ           | Nam | 1975 | Tiền Giang     |                                                         | 25/02/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 25/02/2015                  |
| 690 | 0838-2013-088-1 | 01 | 27/06/2013 | 31/12/2017 | Phan Thị Quỳnh Như      | Nữ  | 1976 | Thừa Thiên Huế | <b>Công ty TNHH Kiểm toán độc lập quốc gia Việt Nam</b> | 01/01/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014        |
| 691 | 0351-2013-088-1 | 01 | 27/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Ngọc Nga     | Nữ  | 1964 | Đồng Tháp      |                                                         | 15/09/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 15/09/2014                  |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |            |                                                                |            |            |                                                             |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|------------|----------------------------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------|
| 692 | 1880-2013-088-1 | 01 | 15/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Ba    | Nữ  | 1980 | Quảng Ngãi | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Việt<br/>Nhất</b>                | 01/10/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>01/10/2014              |
| 693 | 1904-2013-088-1 | 01 | 09/09/2013 | 31/12/2017 | Trần Văn Thúc        | Nam | 1980 | Ninh Bình  |                                                                | 05/11/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>05/11/2015              |
| 694 | 0229-2013-088-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Thanh Hà   | Nữ  | 1964 | Long An    |                                                                | 30/04/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>30/04/2017              |
| 695 | 1329-2013-089-1 | 01 | 17/6/2013  | 31/12/2017 | Nguyễn Hải<br>Phương | Nam | 1975 | Nam Định   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán<br/>Kreston ACA<br/>Việt Nam</b> | 01/10/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>01/10/2013              |
| 696 | 1305-2013-089-1 | 01 | 17/6/2013  | 31/12/2017 | Lê Xuân Bách         | Nam | 1981 | Hà Nội     |                                                                | 27/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/12/2013              |
| 697 | 2305-2013-089-1 | 01 | 17/6/2013  | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Tú       | Nam | 1985 | Nghệ An    |                                                                | 31/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/12/2013              |
| 698 | 2372-2013-089-1 | 01 | 17/6/2013  | 31/12/2017 | Lê Thế Thanh         | Nam | 1980 | Hà Nam     |                                                                | 01/05/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/05/2014              |
| 699 | 2604-2013-091-1 | 01 | 05/12/2013 | 31/12/2017 | Trần Thế Tùng        | Nam | 1984 | Hà Nội     | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn DCPA</b>           | 02/06/2014 | 31/12/2014 | Bị đình chỉ hành<br>nghề từ<br>02/06/2014 đến<br>31/12/2014 |
| 700 | 2604-2014-091-1 | 02 | 01/01/2015 | 31/12/2017 | Trần Thế Tùng        | Nam | 1984 | Hà Nội     |                                                                | 10/03/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>10/03/2015              |
| 701 | 2926-2014-091-1 | 01 | 04/08/2014 | 43465      | Lê Tiến Dũng         | Nam | 1984 | Thanh Hóa  |                                                                | 30/11/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/11/2016              |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |           |                                                      |            |        |                                                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-----------|------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
| 702 | 0515-2013-093-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Ngọc Thạch       | Nam | 1974 | Hà Nam    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Hồng<br/>Hà</b>        | 25/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>25/09/2014 |
| 703 | 0948-2013-093-1 | 01 | 30/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Anh<br>Tuấn    | Nam | 1972 | Bắc Ninh  |                                                      | 31/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/08/2015 |
| 704 | 1003-2013-093-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đăng<br>Khanh  | Nam | 1960 | Hà Nội    |                                                      | 21/10/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 705 | 2051-2013-093-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thanh Nam          | Nam | 1974 | Vĩnh Phúc |                                                      | 21/10/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 706 | 2573-2013-093-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Phạm Thị Sơn          | Nữ  | 1979 | Thái Bình |                                                      | 21/10/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 707 | 1966-2014-093-1 | 02 | 24/01/2014 | 31/12/2017 | Trịnh Văn Tuấn        | Nam | 1982 | Thanh Hóa |                                                      | 21/10/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 708 | 2721-2013-095-1 | 01 | 08/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Tứ        | Nam | 1983 | Hà Nam    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn APEC</b> | 31/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/03/2015 |
| 709 | 1304-2013-095-1 | 01 | 30/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Lan Anh            | Nữ  | 1978 | Hà Nội    |                                                      | 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/11/2016 |
| 710 | 2320-2013-098-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Đinh Trung Dũng       | Nam | 1982 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Hùng<br/>Vương</b>     | 23/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>23/10/2013 |
| 711 | 1967-2013-098-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Duy<br>Trung   | Nam | 1982 | Hà Nội    |                                                      | 18/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>18/09/2014 |
| 712 | 2421-2013-098-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Thanh<br>Huyền | Nữ  | 1979 | Hải Dương |                                                      | 01/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/08/2015 |
| 713 | 2450-2013-098-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Lê Thị Hoàn           | Nữ  | 1986 | Nghệ An   |                                                      | 31/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/05/2016 |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |                |                                       |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|----------------|---------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 714 | 2989-2015-098-1 | 01 | 01/01/2016 | 31/12/2020 | Phí Thị Thu Hiền       | Nữ  | 1980 | Thái Bình      |                                       | 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2016 |
| 715 | 2925-2014-098-1 | 01 | 27/08/2014 | 31/12/2018 | Bùi Tiến Dũng          | Nam | 1977 | Thái Bình      |                                       | 16/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/11/2016 |
| 716 | 1494-2013-099-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Xuân Dũng       | Nam | 1980 | Nghệ An        | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán FAC</b> | 01/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014 |
| 717 | 0098-2013-099-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương | Nữ  | 1964 | Thừa Thiên Huế |                                       | 29/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/08/2014 |
| 718 | 0461-2013-099-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Hà              | Nữ  | 1974 | Hải Dương      |                                       | 29/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/04/2015 |
| 719 | 0481-2013-099-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Phương Uyên | Nữ  | 1974 | Đắc Lắc        |                                       | 29/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/04/2015 |
| 720 | 0394-2013-099-1 | 01 | 25/12/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Thu Hương    | Nữ  | 1975 | Thanh Hóa      |                                       | 01/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2017 |
| 721 | 3096-2015-099-1 | 01 | 19/01/2015 | 31/12/2019 | Phạm Tiến Nhân         | Nam | 1980 | Thái Bình      |                                       | 30/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/11/2016 |
| 722 | 0982-2013-099-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Trí        | Nam | 1977 | Khánh Hòa      |                                       | 01/03/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/03/2017 |
| 723 | 3117-2015-099-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Huỳnh Huy Cường        | Nam | 1984 | Bình Định      |                                       | 07/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/04/2017 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |             |                                                                             |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 724 | 0672-2013-100-1 | 01 | 25/10/2013 | 31/12/2017 | Dương Thị Thanh Thủy | Nữ  | 1976 | Hải Dương   | <b>Công ty TNHH Kiểm toán, Tư vấn Tài chính và Đầu tư Việt Nam</b>          | 20/11/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/11/2013           |
| 725 | 1424-2013-100-1 | 01 | 25/10/2013 | 31/12/2017 | Dương Phan Hương Lan | Nữ  | 1979 | Hà Tĩnh     |                                                                             | 01/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2013           |
| 726 | 1215-2013-101-1 | 01 | 10/12/2013 | 31/12/2017 | Nghiêm Xuân Dũng     | Nam | 1978 | Thái Nguyên | <b>Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Việt Nam (FACOM)</b>          | 14/03/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 727 | 1367-2013-101-1 | 01 | 10/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Kim Anh   | Nữ  | 1977 | Hưng Yên    |                                                                             | 14/03/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 728 | 0170-2013-101-1 | 01 | 10/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đắc Thành     | Nam | 1967 | Bắc Ninh    |                                                                             | 14/03/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 729 | 1215-2014-101-1 | 02 | 14/03/2014 | 31/12/2017 | Nghiêm Xuân Dũng     | Nam | 1978 | Thái Nguyên | <b>Công ty TNHH kiểm toán định giá và tư vấn tài chính Việt Nam (FACOM)</b> | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 730 | 0170-2014-101-1 | 02 | 14/03/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Đắc Thành     | Nam | 1967 | Bắc Ninh    |                                                                             | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/07/2015 |
| 731 | 2478-2014-101-1 | 02 | 19/03/2014 | 31/12/2017 | Lê Viết Cường        | Nam | 1984 | Hà Nam      |                                                                             | 13/10/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/10/2014           |
| 732 | 2313-2014-101-1 | 02 | 25/04/2014 | 31/12/2017 | Phạm Văn Biện        | Nam | 1984 | Nam Định    |                                                                             | 04/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/09/2015           |
| 733 | 1367-2014-101-1 | 02 | 14/03/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Kim Anh   | Nữ  | 1977 | Hưng Yên    |                                                                             | 06/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/01/2016           |
| 734 | 2330-2014-101-1 | 03 | 31/12/2014 | 31/12/2017 | Lê Thu Hà            | Nữ  | 1984 | Phú Thọ     |                                                                             | 10/03/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/03/2016           |

|     |                 |    |            |            |                         |     |      |            |                                                                 |            |            |                                                                                                            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-------------------------|-----|------|------------|-----------------------------------------------------------------|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 735 | 2840-2014-102-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Vân          | Nữ  | 1985 | Thanh Hóa  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Tư<br/>vấn Thủ Đô</b>             | 20/10/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>20/10/2015                                                             |
| 736 | 1234-2013-102-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Anh<br>Tuấn      | Nam | 1970 | Hà Nội     |                                                                 | 01/01/2017 | 31/12/2017 | Tạm ngừng hành<br>nghề từ 01/01/2017                                                                       |
| 737 | 2576-2013-102-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Phi Thường        | Nam | 1970 | Thanh Hóa  |                                                                 | 01/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/06/2017                                                             |
| 738 | 2905-2014-105-1 | 01 | 18/08/2014 | 31/12/2018 | Hoàng Thị Mộng<br>Tuyền | Nữ  | 1987 | Đà Nẵng    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn thuế<br/>ATAX</b>   | 18/11/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>18/11/2014                                                             |
| 739 | 2553-2013-105-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Võ Thanh Bình           | Nam | 1976 | Đà Nẵng    |                                                                 | 01/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/12/2015                                                             |
| 740 | 2508-2014-105-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Võ Thị Kim Liên         | Nữ  | 1985 | Quảng Bình |                                                                 | 11/01/2017 | 31/12/2017 | Bị đình chỉ hành<br>nghề từ<br>11/01/2017 đến<br>31/12/2017                                                |
| 741 | 1465-2013-106-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Hương Thủy         | Nữ  | 1970 | Hà Tĩnh    | <b>Công ty TNHH<br/>Tài chính và<br/>Kiểm toán Việt<br/>Nam</b> | 26/03/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>26/3/2014. Bị đình<br>chỉ hành nghề từ<br>09/07/2014 đến<br>09/01/2015 |
| 742 | 0571-2013-106-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Thị Hương         | Nữ  | 1970 | Bắc Ninh   |                                                                 | 31/05/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/05/2014                                                             |
| 743 | 1282-2013-106-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Đoàn Thu Thủy           | Nữ  | 1975 | Thái Bình  |                                                                 | 05/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>05/09/2015                                                             |
| 744 | 1014-2013-106-1 | 01 | 01/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị<br>Phương    | Nữ  | 1961 | Hà Nội     |                                                                 | 31/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/08/2015                                                             |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |             |                                        |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-------------|----------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 745 | 0568-2013-106-1 | 01 | 01/11/2013 | 31/12/2017 | Tạ Thị Bích Hường    | Nữ  | 1964 | Nghệ An     | <b>(ACVIETNAM)</b>                     | 31/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015 |
| 746 | 2056-2013-106-1 | 01 | 01/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Thành   | Nam | 1981 | Hà Nội      |                                        | 01/01/2016 | Vô hạn | Tạm ngừng kinh doanh chi nhánh Hà Nội    |
| 747 | 2922-2015-106-1 | 02 | 30/09/2015 | 43465      | Phạm Văn Cường       | Nam | 1971 | Thanh Hóa   |                                        | 01/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 748 | 3407-2015-106-1 | 01 | 02/12/2015 | 43830      | Nguyễn Hải Linh      | Nữ  | 1979 | Hà Nội      |                                        | 01/01/2018 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 749 | 1377-2014-107-1 | 01 | 20/05/2014 | 31/12/2018 | Đoàn Văn Cường       | Nam | 1979 | Hải Dương   | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt</b> | 28/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/07/2014 |
| 750 | 1098-2014-107-1 | 02 | 01/07/2014 | 31/12/2017 | Trần Thị Ánh         | Nữ  | 1978 | Hà Nội      |                                        | 30/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/08/2014 |
| 751 | 1434-2014-107-1 | 02 | 20/05/2014 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Ánh Minh   | Nữ  | 1981 | Thanh Hóa   |                                        | 31/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2014 |
| 752 | 1703-2014-107-1 | 01 | 20/05/2014 | 31/12/2018 | Ngô Duy Việt         | Nam | 1982 | Thái Nguyên |                                        | 22/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/11/2014 |
| 753 | 0176-2013-107-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hồng Thuý | Nữ  | 1958 | Hà Nội      |                                        | 15/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2015 |
| 754 | 0577-2015-107-1 | 01 | 16/06/2015 | 31/12/2019 | Vũ Anh Tuấn          | Nam | 1968 | Hà Nội      |                                        | 31/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2016 |

|     |                 |    |            |            |                    |     |      |                |                                                  |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|----------------|--------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 755 | 3317-2016-107-1 | 01 | 04/10/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Văn Tiến    | Nam | 1986 | Bắc Ninh       |                                                  | 11/01/2017 | 31/12/2017 | Bị đình chỉ hành nghề từ 11/01/2017 đến 31/12/2017 |
| 756 | 1699-2013-109-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Dương Đình Ngọc    | Nam | 1966 | Thanh Hóa      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán APEC</b>               | 04/10/2013 | Vô hạn     | Công ty chấm dứt hoạt động từ 04/10/2013           |
| 757 | 1785-2013-109-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Đào Thị Thúy Hà    | Nữ  | 1971 | Hải Phòng      |                                                  | 04/10/2013 | Vô hạn     |                                                    |
| 758 | 2485-2013-109-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Vương Trung Dũng   | Nam | 1984 | Hải Dương      |                                                  | 04/10/2013 | Vô hạn     |                                                    |
| 759 | 0983-2013-110-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Hồng Trung      | Nam | 1977 | Bình Định      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An</b> | 30/11/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/11/2013           |
| 760 | 0228-2013-110-1 | 01 | 06/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Khánh Tuyên | Nam | 1960 | Nam Định       |                                                  | 02/05/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/05/2014           |
| 761 | 2828-2015-110-1 | 01 | 10/06/2015 | 43830      | Vũ Xuân Thức       | Nam | 1986 | Thái Bình      |                                                  | 01/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016           |
| 762 | 2732-2013-110-1 | 01 | 30/10/2013 | 31/12/2017 | Huỳnh Tấn Phát     | Nam | 1965 | Quảng Ngãi     |                                                  | 10/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/07/2016           |
| 763 | 0477-2016-110-1 | 01 | 29/04/2016 | 44196      | Lại Nhân Trí       | Nam | 1961 | TP Hồ Chí Minh |                                                  | 19/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/07/2016           |
| 764 | 3231-2015-110-1 | 02 | 24/11/2015 | 43830      | Nguyễn Kim Hương   | Nữ  | 1983 | Bạc Liêu       |                                                  | 10/02/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/02/2017           |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |           |                                                                                          |            |        |                                                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
| 765 | 2494-2014-111-1 | 01 | 18/03/2014 | 31/12/2018 | Cao Thị Huệ            | Nữ  | 1982 | Hải Phòng | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn Đầu tư<br/>Tài chính Châu<br/>Á (FADACO)</b> | 01/02/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/02/2015 |
| 766 | 1613-2014-111-1 | 01 | 20/11/2014 | 31/12/2018 | Tạ Thị Hải Ninh        | Nữ  | 1983 | Hà Nội    |                                                                                          | 13/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>13/08/2015 |
| 767 | 1489-2015-111-1 | 01 | 04/12/2015 | 31/12/2019 | Trần Anh Xuân          | Nam | 1981 | Thái Bình |                                                                                          | 30/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/05/2016 |
| 768 | 1407-2015-111-1 | 01 | 14/10/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Hải<br>Huế  | Nữ  | 1974 | Hà Nội    |                                                                                          | 30/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/05/2016 |
| 769 | 1411-2016-111-1 | 01 | 04/02/2016 | 31/12/2020 | Ngô Mạnh Hùng          | Nam | 1980 | Nam Định  |                                                                                          | 30/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>30/05/2016 |
| 770 | 3385-2015-111-1 | 01 | 02/10/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thị Kim<br>Anh    | Nữ  | 1983 | Hưng Yên  |                                                                                          | 01/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/01/2016 |
| 771 | 2572-2013-111-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đình<br>Quân    | Nam | 1977 | Hà Nội    |                                                                                          | 31/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/10/2016 |
| 772 | 2033-2013-112-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thái Thế          | Nam | 1982 | Thanh Hóa |                                                                                          | 10/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>10/10/2013 |
| 773 | 2380-2013-112-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu<br>Thảo | Nữ  | 1982 | Bắc Giang |                                                                                          | 31/07/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>31/07/2013 |
| 774 | 1609-2013-112-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Kim<br>Nga    | Nữ  | 1983 | Hải Phòng |                                                                                          | 10/01/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>10/01/2014 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |                |                                                                 |            |        |                                                                                                            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|----------------|-----------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 775 | 2568-2013-112-1 | 01 | 18/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Nhung     | Nam | 1984 | Nghệ An        | <b>Công ty TNHH<br/>Dịch vụ Kiểm<br/>toán và Tư vấn<br/>UHY</b> | 10/01/2014 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành<br>nghề từ 02/6/2014<br>đến 31/12/2014.<br>Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>10/01/2014 |
| 776 | 2388-2013-112-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Nam Vinh    | Nữ  | 1984 | Hà Tĩnh        |                                                                 | 01/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/04/2014                                                             |
| 777 | 1183-2013-112-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Tô Thị Thanh Nga     | Nữ  | 1980 | Hà Nội         |                                                                 | 15/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/04/2014                                                             |
| 778 | 2323-2013-112-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Hiền        | Nữ  | 1984 | Nam Định       |                                                                 | 16/06/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>16/06/2014                                                             |
| 779 | 2067-2013-112-1 | 01 | 18/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Vinh     | Nam | 1983 | Bắc Ninh       |                                                                 | 15/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/10/2014                                                             |
| 780 | 2614-2013-112-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Đặng Thị Minh Nguyệt | Nữ  | 1986 | Tp Hồ Chí Minh |                                                                 | 15/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/10/2014                                                             |
| 781 | 1300-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Phạm Ngọc Hữu        | Nam | 1947 | Hải Phòng      |                                                                 | 01/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/03/2015                                                             |
| 782 | 1106-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Hoàng Dũng    | Nam | 1981 | Hà Nam         |                                                                 | 04/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>04/06/2015                                                             |
| 783 | 1795-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu       | Nữ  | 1982 | Hà Nội         |                                                                 | 29/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>29/09/2015                                                             |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |           |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-----------|
| 784 | 2279-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Hưng     | Nam | 1985 | Phú Thọ   |
| 785 | 3010-2015-112-1 | 01 | 01/04/2015 | 31/12/2019 | Phạm Minh Tuấn        | Nam | 1984 | Hải Dương |
| 786 | 2328-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Trịnh Quốc Huy        | Nam | 1984 | Hà Nội    |
| 787 | 1494-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Xuân Dũng      | Nam | 1980 | Nghệ An   |
| 788 | 0554-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Trần Văn Thúc         | Nam | 1971 | Hà Nội    |
| 789 | 1595-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Trần Đức Cường        | Nam | 1982 | Hà Nam    |
| 790 | 3337-2015-112-1 | 01 | 29/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Thủy Dương | Nữ  | 1986 | Hà Tĩnh   |
| 791 | 1379-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Anh Dũng       | Nam | 1978 | Hà Tĩnh   |
| 792 | 1221-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Hà Minh Long          | Nam | 1979 | Thanh Hóa |
| 793 | 2068-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Mai Bình Thanh        | Nam | 1974 | Nam Định  |
| 794 | 2331-2015-112-1 | 01 | 01/01/2016 | 31/12/2020 | Lê Thị Hà             | Nữ  | 1984 | Thanh Hóa |

**Công ty TNHH  
Kiểm toán và  
Tư vấn UHY  
ACA**

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 29/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/09/2015 |
| 31/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015 |
| 12/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 12/11/2015 |
| 10/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/12/2015 |
| 29/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/09/2015 |
| 29/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/09/2015 |
| 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016 |
| 01/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2016 |
| 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 22/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/09/2016 |
| 01/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2016 |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |                |                                                   |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|----------------|---------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 795 | 3664-2016-112-1 | 01 | 25/08/2016 | 31/12/2020 | Trịnh Lan Phương      | Nữ  | 1989 | Thanh Hóa      |                                                   | 20/03/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/03/2017 |
| 796 | 3135-2015-112-1 | 01 | 29/09/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thị Kiều Oanh    | Nữ  | 1987 | Gia Lai        |                                                   | 31/03/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2017 |
| 797 | 0283-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Trần Văn Dũng         | Nam | 1975 | Quảng Ninh     |                                                   | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017 |
| 798 | 1022-2014-112-1 | 02 | 04/12/2014 | 31/12/2017 | Chu Quang Tùng        | Nam | 1978 | Hưng Yên       |                                                   | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017 |
| 799 | 2295-2014-116-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Cẩm Thúy   | Nữ  | 1984 | Quảng Ngãi     | <b>Công ty TNHH Kiểm toán KTV</b>                 | 30/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2015 |
| 800 | 1384-2014-116-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Tùng Giang     | Nam | 1980 | Hà Nội         |                                                   | 31/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2016 |
| 801 | 1051-2013-118-1 | 01 | 04/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Nam Phương | Nữ  | 1977 | Quảng Nam      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Phan Dũng</b> | 01/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2014 |
| 802 | 2171-2013-118-1 | 01 | 17/06/2013 | 31/12/2017 | Hà Thị Kim Sa         | Nữ  | 1984 | Hải Dương      |                                                   | 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 803 | 1240-2013-118-1 | 01 | 17/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Trần Ngọc Chương | Nam | 1979 | Thừa Thiên Huế |                                                   | 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 804 | 0317-2013-118-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Kim Tuyền  | Nữ  | 1967 | Quảng Nam      |                                                   | 01/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2015 |
| 805 | 2157-2014-118-1 | 02 | 12/09/2014 | 31/12/2017 | Trần Thị Oanh Kiều    | Nữ  | 1984 | Bình Định      |                                                   | 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |           |                                                                      |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|----------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 806 | 0801-2013-119-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Duy Hưng        | Nam | 1975 | Nam Định  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn Doanh<br/>nghiệp KTC</b> | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 807 | 1940-2013-119-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Thanh Tâm      | Nữ  | 1984 | Bắc Giang |                                                                      | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 808 | 0947-2013-119-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thùy Linh         | Nữ  | 1976 | Hà Nội    |                                                                      | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 809 | 2504-2013-119-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Bích Hồng | Nữ  | 1984 | Hà Nội    |                                                                      | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 810 | 1611-2013-119-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Thanh Nhân    | Nữ  | 1968 | Hải Phòng |                                                                      | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 811 | 1889-2013-119-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Thái Thị Vân Anh     | Nữ  | 1977 | Nghệ An   |                                                                      | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 812 | 0903-2013-119-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Quang Hải         | Nam | 1979 | Hà Nội    |                                                                      | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 813 | 1007-2013-119-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Khánh Ly      | Nữ  | 1975 | Hà Nội    |                                                                      | 18/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 814 | 0801-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Phạm Duy Hưng        | Nam | 1975 | Nam Định  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán<br/>Russell Bedford<br/>KTC</b>        | 13/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 815 | 1940-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Hoàng Thanh Tâm      | Nữ  | 1984 | Bắc Giang |                                                                      | 13/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 816 | 0947-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Đỗ Thùy Linh         | Nữ  | 1976 | Hà Nội    |                                                                      | 13/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 817 | 2504-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Bích Hồng | Nữ  | 1984 | Hà Nội    |                                                                      | 19/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/11/2014 |
| 818 | 1611-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Lê Thị Thanh Nhân    | Nữ  | 1968 | Hải Phòng |                                                                      | 19/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/11/2014 |

|     |                 |    |            |            |                    |     |      |           |                                                  |            |        |                 |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|-----------|--------------------------------------------------|------------|--------|-----------------|
| 819 | 1889-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Thái Thị Vân Anh   | Nữ  | 1977 | Nghệ An   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán SCS<br/>GLOBAL</b> | 13/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 820 | 0903-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Lê Quang Hải       | Nam | 1979 | Hà Nội    |                                                  | 13/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 821 | 1007-2014-119-1 | 02 | 18/06/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Khánh Ly    | Nữ  | 1975 | Hà Nội    |                                                  | 13/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 822 | 0801-2014-119-1 | 03 | 13/11/2014 | 31/12/2017 | Phạm Duy Hưng      | Nam | 1975 | Nam Định  |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 823 | 1940-2014-119-1 | 03 | 13/11/2014 | 31/12/2017 | Hoàng Thanh Tâm    | Nữ  | 1984 | Bắc Giang |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 824 | 1007-2014-119-1 | 03 | 13/11/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Khánh Ly    | Nữ  | 1975 | Hà Nội    |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 825 | 0947-2014-119-1 | 03 | 13/11/2014 | 31/12/2017 | Đỗ Thùy Linh       | Nữ  | 1976 | Hà Nội    |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 826 | 1889-2014-119-1 | 03 | 13/11/2014 | 31/12/2017 | Thái Thị Vân Anh   | Nữ  | 1977 | Nghệ An   |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 827 | 0903-2014-119-1 | 03 | 13/11/2014 | 31/12/2017 | Lê Quang Hải       | Nam | 1979 | Hà Nội    |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 828 | 1975-2014-119-1 | 02 | 12/12/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Ngọc   | Nam | 1980 | Hưng Yên  |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 829 | 2807-2014-119-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Lê Thanh Phương    | Nam | 1986 | An Giang  |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 830 | 2035-2015-119-1 | 2  | 27/01/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Cẩm Chi     | Nữ  | 1980 | Hà Nội    |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |
| 831 | 0922-2015-119-1 | 02 | 10/03/2015 | 31/12/2017 | Phan Lê Thành Long | Nam | 1979 | Hà Nội    |                                                  | 13/07/2015 | Vô hạn | Công ty đổi tên |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |           |                                               |            |            |                                                                             |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|-----------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 832 | 0922-2015-119-1 | 03 | 14/07/2015 | 31/12/2017 | Phan Lê Thành Long   | Nam | 1979 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán KTC<br/>SCS</b> | 31/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/07/2015                                    |
| 833 | 1975-2015-119-1 | 03 | 14/07/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Ngọc     | Nam | 1975 | Hưng Yên  |                                               | 05/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/08/2015                                    |
| 834 | 2807-2015-119-1 | 02 | 14/07/2015 | 31/12/2019 | Lê Thanh Phương      | Nam | 1986 | An Giang  |                                               | 01/11/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2015                                    |
| 835 | 2035-2015-119-1 | 03 | 14/07/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Cẩm Chi       | Nữ  | 1980 | Hà Nội    |                                               | 01/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016                                    |
| 836 | 1150-2013-121-1 | 01 | 09/09/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Khắc Tiến         | Nam | 1980 | Bắc Ninh  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Âu<br/>Lạc</b>  | 26/11/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/11/2013                                    |
| 837 | 0146-2013-122-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Đặng Hữu Nhuận       | Nam | 1963 | Ninh Bình | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán VNC</b>         | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015                          |
| 838 | 2330-2014-122-1 | 02 | 11/03/2014 | 31/12/2017 | Lê Thu Hà            | Nữ  | 1984 | Phú Thọ   |                                               | 28/10/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/10/2014                                    |
| 839 | 1482-2013-122-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Anh Tú        | Nam | 1977 | Hà Tĩnh   |                                               | 09/10/2014 | 09/01/2015 | Công ty tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán từ 09/10/2014 đến 09/01/2015 |
| 840 | 0587-2013-122-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Bích Thu        | Nữ  | 1967 | Nghệ An   |                                               | 09/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                             |
| 841 | 0672-2013-122-1 | 02 | 18/12/2013 | 31/12/2017 | Dương Thị Thanh Thủy | Nữ  | 1976 | Hải Dương |                                               | 09/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                             |
| 842 | 1424-2013-122-1 | 02 | 18/12/2013 | 31/12/2017 | Dương Phan Hương Lan | Nữ  | 1979 | Hà Tĩnh   |                                               | 09/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                             |
| 843 | 0040-2014-122-1 | 03 | 19/09/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Hoàng    | Nam | 1962 | Hà Nam    |                                               | 09/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                             |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |           |                                                        |            |            |                                                                                              |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------|--------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 844 | 0802-2014-122-1 | 02 | 09/10/2014 | 31/12/2017 | Vũ Thị Lan Hương    | Nữ  | 1976 | Hải Phòng |                                                        | 09/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                                              |
| 845 | 1482-2013-122-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Anh Tú       | Nam | 1977 | Hà Tĩnh   |                                                        | 15/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/12/2015                                                     |
| 846 | 0901-2013-123-1 | 01 | 14/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thái Hà      | Nữ  | 1969 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH<br/>Tur vãn và Kiểm<br/>toán VNASC</b> | 30/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2014                                                     |
| 847 | 0683-2013-123-1 | 01 | 14/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Sơn Phú | Nam | 1973 | Hà Nội    |                                                        | 09/07/2014 | Vô hạn     | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/10/2014 |
| 848 | 1089-2014-123-1 | 02 | 20/02/2014 | 31/12/2017 | Vũ Thanh Yên        | Nữ  | 1979 | Nam Định  |                                                        | 10/10/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/10/2014                                                     |
| 849 | 1947-2013-123-1 | 01 | 05/10/2013 | 31/12/2017 | Đoàn Thị Thu Hằng   | Nữ  | 1978 | Hải Dương |                                                        | 31/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015                                                     |
| 850 | 0901-2014-123-1 | 02 | 09/10/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Thái Hà      | Nữ  | 1969 | Hà Nội    |                                                        | 02/03/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/03/2016                                                     |
| 851 | 1282-2015-123-1 | 02 | 24/09/2015 | 31/12/2017 | Đoàn Thu Thủy       | Nữ  | 1975 | Thái Bình |                                                        | 14/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/06/2017                                                     |
| 852 | 0935-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Xuân Thọ       | Nam | 1979 | Hải Dương |                                                        | 22/08/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/08/2014                                                     |
| 853 | 0158-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Lưu Thị Thuý Anh    | Nữ  | 1963 | Phú Thọ   |                                                        | 09/09/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                                                              |
| 854 | 0377-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Trương Thị Thảo     | Nữ  | 1952 | Ninh Bình |                                                        | 09/09/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                                                              |

|     |                 |    |            |            |                          |     |      |                   |                                                     |            |        |                                                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|-------------------|-----------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
| 855 | 0399-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Trương Mai Quân          | Nam | 1974 | Phú Thọ           | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Nhân<br/>Việt</b>     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 856 | 2017-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Đào Duy Hưng             | Nam | 1978 | Bắc Giang         |                                                     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 857 | 1979-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Trương Thị Diệu<br>Huyền | Nữ  | 1983 | Phú Thọ           |                                                     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 858 | 0053-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị<br>Hồng Thanh | Nữ  | 1960 | Nghệ An           |                                                     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 859 | 1690-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hạnh          | Nữ  | 1982 | Nghệ An           |                                                     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 860 | 1802-2013-124-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Anh Tâm             | Nam | 1982 | Nghệ An           |                                                     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 861 | 1956-2013-124-1 | 01 | 09/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Khánh<br>Hoa      | Nữ  | 1983 | Nghệ An           |                                                     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 862 | 1603-2013-124-1 | 01 | 23/10/2013 | 31/12/2017 | Hồ Xuân Hè               | Nam | 1983 | Nghệ An           |                                                     | 09/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                                |
| 863 | 0399-2014-124-1 | 02 | 09/09/2014 | 31/12/2017 | Trương Mai Quân          | Nam | 1974 | Phú Thọ           | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Nhân<br/>Tâm Việt</b> | 01/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/11/2014 |
| 864 | 0626-2014-124-1 | 02 | 17/10/2014 | 31/12/2017 | Đặng Quốc Việt           | Nam | 1975 | Tp Hồ Chí<br>Minh |                                                     | 10/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>10/08/2015 |
| 865 | 1979-2014-124-1 | 02 | 09/09/2014 | 31/12/2017 | Trương Thị Diệu<br>Huyền | Nữ  | 1983 | Phú Thọ           |                                                     | 09/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>09/07/2015 |
| 866 | 1802-2014-124-1 | 02 | 09/09/2014 | 31/12/2017 | Trần Anh Tâm             | Nam | 1982 | Nghệ An           |                                                     | 03/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>03/12/2015 |

|     |                 |    |            |            |                        |     |      |            |                                                                                                             |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 867 | 2662-2014-124-1 | 02 | 17/10/2014 | 43100      | Đỗ Hoàng Chương        | Nam | 1984 | An Giang   |                                                                                                             | 15/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/09/2015 |
| 868 | 0529-2014-124-1 | 02 | 19/10/2015 | 43100      | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ  | 1964 | Quảng Ninh |                                                                                                             | 01/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016 |
| 869 | 0287-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Hải        | Nam | 1974 | Vĩnh Phúc  | <b>Công ty TNHH<br/>           Tư vấn Kế toán<br/>           và Kiểm toán<br/>           Việt Nam (AVA)</b> | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 870 | 0155-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Lưu Quốc Thái          | Nam | 1970 | Nam Định   |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 871 | 0161-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Hường         | Nữ  | 1970 | Nam Định   |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 872 | 0373-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Bảo Trung       | Nam | 1976 | Nam Định   |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 873 | 0591-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Sơn Thanh       | Nam | 1975 | Hà Nội     |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 874 | 0692-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Việt Long       | Nam | 1976 | Vĩnh Phúc  |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 875 | 0448-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Ngô Quang Tiến         | Nam | 1973 | Vĩnh Phúc  |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 876 | 0895-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Trí Dũng          | Nam | 1979 | Quảng Ninh |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 877 | 1320-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Mai Quang Hiệp         | Nam | 1980 | Nam Định   |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 878 | 1425-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Mai Lan         | Nữ  | 1980 | Hà Nội     |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 879 | 0592-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thiện Tá           | Nam | 1965 | Hưng Yên   |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 880 | 1912-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thành Công      | Nam | 1984 | Phú Thọ    |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 881 | 2050-2013-126-1 | 01 | 02/07/2013 | 31/12/2017 | Mai Quang Hợp          | Nam | 1982 | Thanh Hóa  |                                                                                                             | 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |            |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|------------|
| 882 | 0060-2013-126-1 | 01 | 09/09/2013 | 31/12/2017 | Tổng Thị Bích Lan   | Nữ  | 1967 | Nam Định   |
| 883 | 0665-2013-126-1 | 01 | 01/10/2013 | 31/12/2017 | Lê Ngọc Khuê        | Nam | 1966 | Thanh Hóa  |
| 884 | 2349-2013-126-1 | 01 | 01/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Kiên   | Nam | 1983 | Hà Nội     |
| 885 | 0551-2013-126-1 | 01 | 01/10/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thanh Tuấn     | Nam | 1958 | Nghệ An    |
| 886 | 1477-2013-126-1 | 01 | 01/10/2013 | 31/12/2017 | Lê Thanh Tùng       | Nam | 1975 | Nam Định   |
| 887 | 1218-2013-126-1 | 01 | 01/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hồng Hải     | Nữ  | 1967 | Quảng Ninh |
| 888 | 0684-2013-127-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đức Tín      | Nam | 1958 | Hà Nam     |
| 889 | 2670-2013-127-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Trường Quân      | Nam | 1984 | Thanh Hóa  |
| 890 | 1425-2014-126-1 | 02 | 21/01/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Mai Lan      | Nữ  | 1980 | Hà Nội     |
| 891 | 2542-2013-126-1 | 01 | 02/01/2014 | 31/12/2018 | Hoàng Thanh Tùng    | Nam | 1984 | Thanh Hóa  |
| 892 | 2535-2013-126-1 | 01 | 02/01/2014 | 31/12/2018 | Đinh Thị Đoan Trang | Nữ  | 1985 | Thái Bình  |
| 893 | 2050-2014-126-1 | 02 | 24/01/2014 | 31/12/2017 | Mai Quang Hợp       | Nam | 1982 | Thanh Hóa  |

|            |        |                                          |
|------------|--------|------------------------------------------|
| 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 21/01/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 22/01/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2015 |
| 23/01/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2015 |
| 24/01/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2016 |
| 01/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2014 |
| 27/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 27/10/2014 |
| 05/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/01/2015 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |           |                                                                           |            |        |                                                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|---------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
| 894 | 2472-2013-126-1 | 01 | 02/01/2014 | 31/12/2018 | Lê Thị Vân Anh       | Nữ  | 1983 | Thanh Hóa | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Thẩm định giá<br/>Việt Nam (AVA)</b> | 03/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>03/03/2015 |
| 895 | 2475-2013-126-1 | 01 | 02/01/2014 | 31/12/2018 | Vũ Thị Báu           | Nữ  | 1983 | Thái Bình |                                                                           | 31/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/03/2015 |
| 896 | 3104-2015-126-1 | 01 | 21/01/2015 | 31/12/2019 | Vũ Thị Bích          | Nữ  | 1986 | Nam Định  |                                                                           | 04/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>04/05/2015 |
| 897 | 2349-2014-126-1 | 02 | 21/01/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung<br>Kiên | Nam | 1983 | Hà Nội    |                                                                           | 01/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/07/2015 |
| 898 | 1477-2014-126-1 | 02 | 21/01/2014 | 31/12/2017 | Lê Thanh Tùng        | Nam | 1975 | Nam Định  |                                                                           | 25/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>25/05/2016 |
| 899 | 2505-2013-126-1 | 01 | 02/01/2014 | 31/12/2018 | Đặng Ngọc<br>Khánh   | Nam | 1984 | Thanh Hóa |                                                                           | 08/03/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>08/03/2017 |
| 900 | 0654-2013-126-1 | 01 | 02/01/2014 | 31/12/2018 | Bùi Đức Vinh         | Nam | 1976 | Phú Thọ   |                                                                           | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/07/2017 |
| 901 | 1846-2013-127-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Bá Hùng       | Nam | 1982 | Thanh Hóa | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Vững<br/>Tàu</b>                            | 15/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/11/2013 |
| 902 | 3267-2015-127-1 | 01 | 05/10/2015 | 31/12/2019 | Lê Thúy Vân          | Nữ  | 1986 | Thanh Hóa |                                                                           | 31/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/08/2016 |
| 903 | 1385-2013-129-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Hải Hà        | Nữ  | 1981 | Hưng Yên  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Đại<br/>Dương</b>                           | 01/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/01/2015 |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                                                                                   |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 904 | 1800-2013-129-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Mai Chung     | Nam | 1981 | Thanh Hóa       |                                                                                                   | 15/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/09/2015 |
| 905 | 2285-2013-129-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thị Hương Lan   | Nữ  | 1984 | Hải Dương       |                                                                                                   | 15/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/09/2016 |
| 906 | 1800-2016-129-1 | 03 | 12/05/2016 | 31/12/2017 | Nguyễn Mai Chung     | Nam | 1981 | Thanh Hóa       |                                                                                                   | 31/12/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2016 |
| 907 | 1804-2013-131-1 | 01 | 29/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Ngọc Khanh        | Nữ  | 1983 | TP. Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O</b>                                                               | 15/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/10/2015 |
| 908 | 3261-2015-131-1 | 01 | 05/10/2015 | 31/12/2019 | Huỳnh Thị Minh Trang | Nữ  | 1964 | An Giang        |                                                                                                   | 01/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016 |
| 909 | 0468-2013-132-1 | 01 | 24/10/2013 | 31/12/2017 | Đặng Anh Thư         | Nữ  | 1969 | Bắc Ninh        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Việt Dương (tạm ngừng hoạt động kiểm toán từ 25/11/2013 -</b> | 31/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2013 |
| 910 | 1753-2013-132-1 | 01 | 24/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Bằng     | Nam | 1982 | Vũng Tàu        |                                                                                                   | 30/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/10/2013 |
| 911 | 1473-2013-133-1 | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Văn Tuấn        | Nam | 1977 | Thái Bình       |                                                                                                   | 01/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/10/2013 |
| 912 | 1330-2013-133-1 | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Thị Hoài Thu   | Nữ  | 1979 | Hải Dương       |                                                                                                   | 01/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/10/2013 |
| 913 | 0164-2013-133-1 | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Quang Đức         | Nam | 1964 | Hưng Yên        |                                                                                                   | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 914 | 0726-2013-133-1 | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Hạnh        | Nữ  | 1977 | Hưng Yên        |                                                                                                   | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 915 | 0739-2013-133-1 | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Phương Anh        | Nữ  | 1977 | Hà Nam          |                                                                                                   | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |



|     |                  |    |            |            |                      |     |      |                |                                                                           |            |        |                                          |
|-----|------------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 931 | 1981-2013-133-1  | 01 | 03/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Hoàng Long        | Nam | 1981 | Hà Nội         |                                                                           | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 932 | 3158-2015-133-01 | 01 | 28/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Đức Thịnh     | Nam | 1987 | Hà Nam         |                                                                           | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 933 | 3131-2015-133-01 | 01 | 28/08/2015 | 31/12/2019 | Lê Thị Kim Ngân      | Nữ  | 1987 | Thừa Thiên Huế |                                                                           | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 934 | 2328-2015-133-1  | 03 | 16/11/2015 | 31/12/2017 | Trịnh Quốc Huy       | Nam | 1984 | Thanh Hóa      |                                                                           | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 935 | 1398-2015-133-01 | 01 | 01/01/2016 | 31/12/2020 | Lê Thị Hiền          | Nữ  | 1979 | Hà Nội         |                                                                           | 02/03/2017 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 936 | 1919-2017-133-1  | 02 | 02/03/2017 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Hương | Nữ  | 1985 | Thừa Thiên Huế | <b>Công ty TNHH Kiểm toán TTP</b>                                         | 01/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/06/2017 |
| 937 | 2328-2017-133-1  | 04 | 02/03/2017 | 31/12/2017 | Trịnh Quốc Huy       | Nam | 1984 | Thanh Hóa      |                                                                           | 09/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 09/06/2017 |
| 938 | 1475-2013-134-1  | 01 | 01/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Tuyết     | Nữ  | 1979 | Nghệ An        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Hà Nội (HANCO)</b>                    | 01/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/01/2016 |
| 939 | 0369-2013-135-1  | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Mai Đình Lân         | Nam | 1973 | Thanh Hóa      | <b>Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AAFC)</b> | 11/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 940 | 0795-2013-135-1  | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Công Bằng       | Nam | 1973 | Quảng Nam      |                                                                           | 11/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 941 | 0799-2013-135-1  | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Đặng Quốc Dũng       | Nam | 1976 | Ninh Bình      |                                                                           | 11/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 942 | 1405-2013-135-1  | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Lương Hoàng     | Nam | 1982 | Thanh Hóa      |                                                                           | 11/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 943 | 1998-2013-135-1  | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Hà Văn Hùng          | Nam | 1982 | Phú Thọ        |                                                                           | 11/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |

|     |                 |    |            |            |                    |     |      |           |                                            |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|-----------|--------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 944 | 1330-2014-135-1 | 02 | 09/04/2014 | 31/12/2018 | Trịnh Thị Hoài Thu | Nữ  | 1979 | Hải Dương |                                            | 11/06/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 945 | 2433-2014-136-1 | 02 | 22/12/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Tấn Quang   | Nam | 1967 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT</b>  | 12/06/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/5/2015  |
| 946 | 2035-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Cẩm Chi     | Nữ  | 1980 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA</b> | 31/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 31/12/2014 |
| 947 | 0922-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Phan Lê Thành Long | Nam | 1979 | Hà Tĩnh   |                                            | 31/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2014 |
| 948 | 1654-2014-137-1 | 02 | 17/03/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Hương Hòe   | Nữ  | 1982 | Bắc Giang |                                            | 19/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 19/03/2015 |
| 949 | 0657-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Bùi Ngọc Bình      | Nam | 1975 | Hà Nội    |                                            | 30/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2015 |
| 950 | 1461-2015-137-1 | 01 | 16/03/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thị Thu       | Nữ  | 1980 | Hưng Yên  |                                            | 30/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2015 |
| 951 | 0147-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Phan Huy Thắng     | Nam | 1969 | Hà Nội    |                                            | 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty nhận sáp nhập, đổi tên           |
| 952 | 0234-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Tiến Lợi     | Nam | 1970 | Hà Nội    |                                            | 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty nhận sáp nhập, đổi tên           |
| 953 | 0133-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tài Dũng    | Nam | 1962 | Thái Bình |                                            | 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty nhận sáp nhập, đổi tên           |
| 954 | 1128-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Khánh | Nam | 1980 | Hà Nội    |                                            | 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty nhận sáp nhập, đổi tên           |
| 955 | 0857-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Thắng   | Nam | 1975 | Hà Nam    |                                            | 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty nhận sáp nhập, đổi tên           |
| 956 | 1417-2013-137-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Thu Hường   | Nữ  | 1982 | Thái Bình |                                            | 14/10/2015 | Vô hạn | Công ty nhận sáp nhập, đổi tên           |

|     |                 |    |            |            |                      |     |      |           |                                           |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|-------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 957 | 2980-2014-137-1 | 01 | 05/09/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Ngọc Châm | Nữ  | 1973 | Hung Yên  |                                           | 14/10/2015 | Vô hạn     | Công ty nhận sáp nhập, đổi tên                     |
| 958 | 2360-2015-137-1 | 02 | 14/10/2015 | 31/12/2017 | Vũ Xuân Mạnh         | Nam | 1980 | Hung Yên  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM</b> | 15/10/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 22/01/2016           |
| 959 | 0502-2015-137-1 | 02 | 01/01/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Văn Học       | Nam | 1969 | Ninh Bình |                                           | 11/01/2017 | 31/12/2017 | Bị đình chỉ hành nghề từ 11/01/2017 đến 31/12/2017 |
| 960 | 1128-2015-137-1 | 02 | 14/10/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Khánh   | Nam | 1980 | Hà Nội    |                                           | 20/05/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/05/2017           |
| 961 | 1681-2013-138-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Cù Xuân Thắng        | Nam | 1975 | Phú Thọ   |                                           | 21/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/06/2014           |
| 962 | 2656-2013-138-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Hoàng    | Nam | 1983 | Bắc Giang | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Việt</b>        | 21/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/06/2014           |
| 963 | 2557-2013-138-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Thái Hà         | Nam | 1983 | Thái Bình |                                           | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014           |
| 964 | 1786-2015-138-1 | 02 | 21/01/2015 | 31/12/2017 | Ngô Đức Hưng         | Nam | 1975 | Hung Yên  |                                           | 01/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2015           |
| 965 | 0822-2013-138-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hồng Vân  | Nữ  | 1971 | Bắc Ninh  |                                           | 18/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/12/2015           |
| 966 | 2376-2013-138-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Thanh Thủy    | Nữ  | 1972 | Hà Nam    |                                           | 01/02/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/02/2016           |
| 967 | 2717-2013-138-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Đặng Kim Trung       | Nữ  | 1981 | Thanh Hóa |                                           | 19/07/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/07/2017           |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |            |                                                                                  |            |        |                                                |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
| 968 | 0944-2014-141-1 | 01 | 20/10/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Hải Yến        | Nữ  | 1979 | Hải Dương  | <b>Công ty TNHH<br/>Dịch vụ Kiểm<br/>toán Kế toán và<br/>Tư vấn thuế<br/>AAT</b> | 01/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/04/2015 |
| 969 | 0162-2013-141-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Dương Thị Thảo        | Nữ  | 1974 | Bắc Ninh   |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 970 | 0589-2013-141-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Nguyệt       | Nữ  | 1974 | Thái Bình  |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 971 | 0156-2013-141-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn<br>Dũng    | Nam | 1960 | Hoà Bình   |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 972 | 0909-2013-141-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Xuân<br>Hòa    | Nam | 1979 | Phú Thọ    |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 973 | 1000-2013-141-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đại Hùng       | Nam | 1977 | Nghệ An    |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 974 | 1616-2013-141-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thanh<br>Phương  | Nữ  | 1983 | Thái Bình  |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 975 | 2493-2013-141-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Huế        | Nữ  | 1985 | Nghệ An    |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 976 | 1752-2013-141-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Quang<br>Trung | Nam | 1982 | Quảng Ngãi |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |
| 977 | 1521-2013-141-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Anh<br>Khoa  | Nữ  | 1982 | Quảng Nam  |                                                                                  | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>27/09/2015 |

|     |                 |    |            |            |                       |     |      |                 |                                                                            |            |        |                                          |
|-----|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 978 | 0926-2014-141-1 | 01 | 20/10/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Yến Ngọc     | Nữ  | 1977 | Nam Định        |                                                                            | 27/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 27/09/2015 |
| 979 | 2119-2013-142-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thị Thanh Thảo    | Nữ  | 1985 | Quảng Ngãi      | <b>Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam</b> | 01/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2015 |
| 980 | 2629-2013-142-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Lệ Xuân      | Nữ  | 1985 | Thái Nguyên     |                                                                            | 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015 |
| 981 | 2783-2014-142-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Võ Phương Duy         | Nam | 1986 | Khánh Hòa       |                                                                            | 21/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/10/2015 |
| 982 | 2164-2013-142-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Phạm Hạnh Nguyên   | Nữ  | 1984 | Khánh Hòa       |                                                                            | 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |
| 983 | 3122-2015-142-1 | 01 | 01/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Thùy Hương | Nữ  | 1988 | Thừa Thiên Huế  |                                                                            | 24/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/06/2017 |
| 984 | 2430-2013-142-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Anh Đào         | Nữ  | 1984 | TP. Hồ Chí Minh |                                                                            | 17/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 17/06/2017 |
| 985 | 1030-2013-143-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Yến        | Nữ  | 1974 | Thanh Hóa       | <b>Công ty TNHH Tài chính kế toán và kiểm toán Việt Nam (VNAAFC)</b>       | 01/08/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2013 |
| 986 | 2443-2013-143-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Thanh Mai      | Nữ  | 1977 | Thanh Hóa       |                                                                            | 01/08/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2013 |
| 987 | 1430-2013-143-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thùy Linh      | Nữ  | 1980 | Thanh Hóa       |                                                                            | 01/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2013 |
| 988 | 2373-2013-143-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Lê Trọng Thanh        | Nam | 1984 | Thanh Hóa       |                                                                            | 15/05/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/05/2014 |

|     |                 |    |            |            |                     |     |      |                 |                                                                           |            |            |                                                    |
|-----|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 989 | 2034-2013-143-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Quân     | Nam | 1982 | Thanh Hóa       |                                                                           | 31/05/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/05/2014           |
| 990 | 2729-2013-144-1 | 02 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Đinh Thái Sơn       | Nam | 1985 | Lâm Đồng        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Biên Hòa</b>                         | 01/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2015           |
| 991 | 2695-2013-144-1 | 01 | 26/08/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thị Mỹ Lộc     | Nữ  | 1984 | Quảng Ngãi      |                                                                           | 05/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/01/2016           |
| 992 | 2161-2015-144-1 | 02 | 27/10/2015 | 31/12/2017 | Trần Thanh Nam      | Nam | 1982 | Thừa Thiên Huế  |                                                                           | 13/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/10/2016           |
| 993 | 1804-2016-144-1 | 02 | 19/01/2016 | 31/12/2017 | Lê Ngọc Khanh       | Nữ  | 1983 | TP. Hồ Chí Minh |                                                                           | 26/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/10/2016           |
| 994 | 1728-2013-144-1 | 01 | 26/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Thức    | Nam | 1968 | Bình Dương      |                                                                           | 26/12/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/12/2016           |
| 995 | 0169-2013-145-1 | 01 | 30/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Thanh Phương   | Nam | 1973 | Hải Phòng       | <b>Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán Quảng Ninh</b> | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 996 | 0594-2013-145-1 | 01 | 30/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Hằng | Nữ  | 1970 | Hải Dương       |                                                                           | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 997 | 0120-2013-145-1 | 01 | 30/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hữu Túy      | Nam | 1937 | Hà Nội          |                                                                           | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 998 | 2503-2013-145-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Ngô Thị Thu Hương   | Nữ  | 1985 | Quảng Ninh      |                                                                           | 10/10/2014 | 09/01/2015 | Công ty tạm ngừng kinh doanh kiểm                  |

|      |                 |    |            |            |                       |     |      |          |                                                           |            |            |                                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|----------|-----------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 999  | 2467-2013-145-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Cần Văn Tuấn          | Nam | 1982 | Hà Nội   |                                                           | 10/10/2014 | 09/01/2015 | toán từ 10/10/2014 đến 09/01/2015                                                            |
| 1000 | 0120-2013-145-1 | 01 | 30/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hữu Túy        | Nam | 1937 | Hà Nội   |                                                           | 13/11/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/11/2015                                                     |
| 1001 | 2467-2013-145-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Cần Văn Tuấn          | Nam | 1982 | Hà Nội   |                                                           | 20/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/01/2016                                                     |
| 1002 | 0597-2013-146-1 | 01 | 09/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Nguyễn Khang Anh | Nữ  | 1976 | Cần Thơ  | Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC | 01/01/2014 | Vô hạn     | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 1003 | 2014-2013-146-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Lan Anh        | Nữ  | 1978 | Hà Nội   |                                                           | 01/08/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2014                                                     |
| 1004 | 0759-2013-146-1 | 01 | 11/10/2013 | 31/12/2017 | Trần Ngọc Linh        | Nam | 1978 | Nghệ An  |                                                           | 01/08/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2014                                                     |
| 1005 | 1027-2013-146-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thị Tĩnh          | Nữ  | 1975 | Hưng Yên |                                                           | 10/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/08/2015                                                     |
| 1006 | 1429-2013-146-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Liên           | Nữ  | 1978 | Hà Nội   |                                                           | 06/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/08/2015                                                     |
| 1007 | 1451-2014-146-1 | 01 | 03/10/2014 | 31/12/2018 | Hoàng Thị Hồng Thanh  | Nữ  | 1978 | Hà Nội   |                                                           | 06/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/08/2015                                                     |

|      |                 |    |            |            |                     |     |      |           |
|------|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------|
| 1008 | 0855-2013-146-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Ong Thế Đức         | Nam | 1978 | Bắc Giang |
| 1009 | 0902-2013-146-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tiến Hà      | Nam | 1980 | Hà Nội    |
| 1010 | 0765-2013-146-1 | 01 | 05/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Phong    | Nam | 1978 | Hà Nội    |
| 1011 | 2478-2014-146-1 | 03 | 13/11/2014 | 31/12/2017 | Lê Viết Cường       | Nam | 1984 | Hà Nam    |
| 1012 | 2428-2014-148-1 | 02 | 2/10/2014  | 31/12/2018 | Bùi Thống Nhất      | Nam | 1981 | Cần Thơ   |
| 1013 | 1089-2014-148-1 | 03 | 29/10/2014 | 31/12/2017 | Vũ Thanh Yên        | Nữ  | 1979 | Nam Định  |
| 1014 | 0351-2014-148-1 | 02 | 2/10/2014  | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Ngọc Nga | Nữ  | 1964 | Đồng Tháp |
| 1015 | 0687-2014-148-1 | 01 | 1/1/2015   | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Mai Anh  | Nữ  | 1976 | Hải Phòng |
| 1016 | 0034-2013-148-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Bình Minh        | Nam | 1971 | Hà Nội    |
| 1017 | 0308-2013-148-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thương       | Nam | 1975 | Hải Dương |

|            |            |                                                                                  |
|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 01/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016                                         |
| 01/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2016                                         |
| 13/01/2016 | 31/12/2017 | Bị đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016. Tạm ngừng hành nghề năm 2017 |
| 07/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 07/12/2015                                         |
| 01/04/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2015                                         |
| 16/04/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/04/2015                                         |
| 31/5/2015  | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/5/2015                                          |
| 24/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/08/2015                                         |
| 15/09/2015 | Vô hạn     | Công ty chấm dứt kinh doanh kiểm toán                                            |
| 15/09/2015 | Vô hạn     | Công ty chấm dứt kinh doanh kiểm toán                                            |



|      |                 |    |            |            |                      |     |      |           |                                            |            |        |                                               |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|--------------------------------------------|------------|--------|-----------------------------------------------|
| 1029 | 1786-2015-148-1 | 03 | 10/08/2015 | 31/12/2017 | Ngô Đức Hưng         | Nam | 1975 | Hưng Yên  |                                            | 15/09/2015 | Vô hạn | Công ty chấm dứt kinh doanh kiểm toán         |
| 1030 | 2313-2013-149-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Văn Biện        | Nam | 1984 | Nam Định  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán<br/>ASCO</b> | 21/04/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/04/2014      |
| 1031 | 2309-2013-149-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thái Anh      | Nam | 1983 | Hưng Yên  |                                            | 03/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 03/09/2014      |
| 1032 | 2983-2014-149-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Trần Ngọc Dũng       | Nam | 1985 | Hà Nam    |                                            | 20/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/12/2014      |
| 1033 | 3307-2015-149-1 | 01 | 06/07/2015 | 31/12/2019 | Trần Thị My          | Nữ  | 1987 | Thái Bình |                                            | 25/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/12/2015      |
| 1034 | 2067-2014-149-1 | 02 | 29/10/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Vinh     | Nam | 1983 | Bắc Ninh  |                                            | 10/11/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/11/2015      |
| 1035 | 1720-2016-149-1 | 02 | 11/01/2016 | 31/12/2017 | Nguyễn Đình Hiếu     | Nam | 1983 | Đồng Nai  |                                            | 25/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/07/2016      |
| 1036 | 1627-2013-150-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Thu Trang      | Nữ  | 1979 | Hải Phòng | <b>Công ty TNHH<br/>Kế toán Kiểm</b>       | 31/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2013      |
| 1037 | 1952-2014-150-1 | 01 | 11/02/2014 | 31/12/2018 | Lê Thị Hương         | Nữ  | 1981 | Thái Bình |                                            | 31/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 31/12/2014 |
| 1038 | 2900-2014-150-1 | 01 | 10/10/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Minh Ngọc | Nữ  | 1987 | Hà Nội    |                                            | 10/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/08/2015      |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |           |                                                                            |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|----------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1039 | 2004-2013-150-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hoàng Vụ      | Nam | 1982 | Hải Dương | <b>Kế toán Kiểm toán Việt Nam (VNAA)</b>                                   | 11/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/08/2015 |
| 1040 | 1682-2013-150-1 | 01 | 22/11/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thị Kim Thanh    | Nữ  | 1970 | Hà Nội    |                                                                            | 18/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/09/2015 |
| 1041 | 2541-2016-150-1 | 02 | 15/09/2016 | 31/12/2017 | Nguyễn Thành Tuấn    | Nam | 1979 | Hà Nội    |                                                                            | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017 |
| 1042 | 2673-2013-152-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Ngọc Trân | Nữ  | 1984 | Bình Định | <b>Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt</b> | 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 1043 | 2869-2014-152-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Trần Thị Thu Thủy    | Nữ  | 1985 | Quảng Trị |                                                                            | 30/04/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/04/2015 |
| 1044 | 2922-2014-152-1 | 01 | 12/08/2014 | 31/12/2018 | Phạm Văn Cường       | Nam | 1971 | Thanh Hóa |                                                                            | 31/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015 |
| 1045 | 0684-2015-152-1 | 02 | 20/10/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Đức Tín       | Nam | 1958 | Hà Nam    |                                                                            | 31/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2016 |
| 1046 | 2670-2015-152-1 | 02 | 20/10/2015 | 31/12/2017 | Lê Trường Quân       | Nam | 1984 | Thanh Hóa |                                                                            | 31/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2016 |
| 1047 | 1014-2015-152-1 | 02 | 06/10/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Phương    | Nữ  | 1961 | Hà Nội    |                                                                            | 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 1048 | 0568-2015-152-1 | 02 | 06/10/2015 | 31/12/2017 | Tạ Thị Bích Hường    | Nữ  | 1964 | Nghệ An   |                                                                            | 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |

|      |                 |    |            |            |                        |     |      |           |                                                |            |        |                                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|-----------|------------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1049 | 3420-2015-152-1 | 01 | 12/08/2015 | 31/12/2019 | Cao Văn Thành          | Nam | 1986 | Hải Dương |                                                | 31/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/05/2017                                                     |
| 1050 | 1329-2013-153-1 | 02 | 25/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hải Phương      | Nam | 1975 | Nam Định  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars</b> | 01/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2015                                                     |
| 1051 | 2283-2015-153-1 | 01 | 13/01/2015 | 31/12/2019 | Vũ Thị Hồng            | Nữ  | 1985 | Hải Phòng |                                                | 01/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2015                                                     |
| 1052 | 1464-2013-153-1 | 01 | 12/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Kim Thùy         | Nữ  | 1976 | Hà Nội    |                                                | 01/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2015                                                     |
| 1053 | 2532-2013-154-1 | 01 | 10/12/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Hồng Thắm       | Nữ  | 1984 | Vĩnh Phúc | <b>Công ty TNHH Kiểm toán VFA</b>              | 20/03/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/03/2014                                                     |
| 1054 | 3362-2015-154-1 | 01 | 14/07/2015 | 31/12/2019 | Hoàng Văn Phúc         | Nam | 1981 | Hà Nội    |                                                | 31/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015                                                     |
| 1055 | 2184-2013-156-1 | 01 | 11/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Mai Khánh Trinh | Nam | 1984 | Khánh Hòa | <b>Công ty TNHH Kiểm toán VACO</b>             | 01/01/2014 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề từ 01/01/2014 đến 31/12/2014. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 08/08/2014 |
| 1056 | 2336-2013-156-1 | 01 | 23/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Kim Hùng            | Nam | 1982 | Vĩnh Phúc |                                                | 25/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/08/2015                                                     |
| 1057 | 0294-2013-156-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Hùng       | Nam | 1969 | Hà Nội    |                                                | 05/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/02/2016                                                     |

|      |                 |    |            |            |                       |      |      |                |                                                                  |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|------|------|----------------|------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1058 | 1826-2013-156-1 | 01 | 11/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Mạnh Thắng     | Nam  | 1984 | Thái Bình      |                                                                  | 15/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/04/2017 |
| 1059 | 3280-2015-156-1 | 01 | 06/07/2015 | 31/12/2019 | Doãn Thị Thùy Dung    | 1988 | Nữ   | Hà Nội         |                                                                  | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017 |
| 1060 | 1923-2013-158-1 | 02 | 31/12/2013 | 31/12/2017 | Lương Thị Kim         | Nữ   | 1984 | Nam Định       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tư vấn Hà Nội (HANOIAC)</b> | 24/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 24/12/2014 |
| 1061 | 1488-2013-158-1 | 01 | 26/11/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Xuân           | Nữ   | 1980 | Thanh Hóa      |                                                                  | 15/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2016 |
| 1062 | 2688-2014-160-1 | 01 | 24/01/2014 | 31/12/2018 | Bùi Ánh Thành         | Nam  | 1975 | Thừa Thiên Huế | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc</b>                            | 01/05/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2015 |
| 1063 | 1767-2015-160-1 | 01 | 02/06/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Tấn Thu Vân    | Nữ   | 1965 | Quảng Ngãi     |                                                                  | 31/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động 31/08/2015    |
| 1064 | 0347-2013-160-1 | 01 | 26/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thanh Hà   | Nữ   | 1973 | Bến Tre        |                                                                  | 01/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2016 |
| 1065 | 3375-2015-160-1 | 01 | 14/09/2015 | 31/12/2019 | Hoàng Thị Phương Thảo | Nữ   | 1986 | Thái Bình      |                                                                  | 15/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2016 |
| 1066 | 1994-2015-160-1 | 03 | 14/09/2015 | 31/12/2017 | Trần Huy Chiêu        | Nam  | 1982 | Thái Bình      |                                                                  | 01/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2017 |
| 1067 | 0569-2013-161-1 | 01 | 11/10/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Thị Hoan        | Nữ   | 1958 | Bắc Ninh       | <b>Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Hà Nội (AUS)</b>               | 01/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2014 |
| 1068 | 0450-2013-161-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Bích Trà   | Nữ   | 1974 | Phú Thọ        |                                                                  | 01/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2017 |

|      |                 |    |            |            |                     |     |      |                 |                                |            |            |                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------------|--------------------------------|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1069 | 1252-2013-164-1 | 01 | 19/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Huy Hoàng    | Nam | 1979 | Hà Nội          | <b>Công ty TNHH Việt và Co</b> | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015                           |
| 1070 | 1353-2013-164-1 | 01 | 19/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Tỵ     | Nam | 1980 | Bình Thuận      |                                | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015                           |
| 1071 | 0825-2013-164-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Diệu     | Nữ  | 1975 | Tiền Giang      |                                | 10/10/2014 | 09/01/2015 | Công ty tạm ngừng kinh doanh kiểm toán từ 10/10/2014 đến 09/01/2015          |
| 1072 | 1054-2013-164-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Minh Tâm | Nữ  | 1977 | TP. Hồ Chí Minh |                                | 10/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                              |
| 1073 | 1194-2013-164-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Lâm Minh Quỳên | Nữ  | 1980 | Tây Ninh        |                                | 10/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                              |
| 1074 | 2740-2014-164-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Mỹ Châu  | Nữ  | 1987 | Long An         |                                | 10/10/2014 | 09/01/2015 |                                                                              |
| 1075 | 3091-2014-164-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Đỗ Thị Hường        | Nữ  | 1983 | Bình Định       |                                | 10/10/2014 | 09/01/2015 | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/11/2015                                     |
| 1076 | 1252-2013-164-1 | 01 | 19/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Huy Hoàng    | Nam | 1979 | Hà Nội          |                                | 26/11/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt HĐLĐ toàn bộ KTV từ 15/7/2016. Chấm dứt KDDV kiểm toán từ 16/8/2016 |
| 1077 | 1353-2013-164-1 | 01 | 19/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Tỵ     | Nam | 1980 | Bình Thuận      |                                | 15/07/2016 | Vô hạn     |                                                                              |
| 1078 | 1054-2013-164-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Minh Tâm | Nữ  | 1977 | TP. Hồ Chí Minh |                                | 15/07/2016 | Vô hạn     |                                                                              |
| 1079 | 2740-2014-164-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Mỹ Châu  | Nữ  | 1987 | Long An         |                                | 15/07/2016 | Vô hạn     |                                                                              |
| 1080 | 3091-2014-164-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Đỗ Thị Hường        | Nữ  | 1983 | Bình Định       |                                | 15/07/2016 | Vô hạn     |                                                                              |
| 1081 | 3121-2015-164-1 | 01 | 06/07/2015 | 31/12/2019 | Lương Quý Hiền      | Nữ  | 1988 | Tp Hồ Chí Minh  |                                | 15/07/2016 | Vô hạn     |                                                                              |
| 1082 | 0825-2013-164-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Diệu     | Nữ  | 1975 | Tiền Giang      |                                | 15/07/2016 | Vô hạn     |                                                                              |

|      |                 |    |            |            |                     |     |      |           |                                       |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|-----------|---------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1083 | 1194-2013-164-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Lâm Minh Quyền | Nữ  | 1980 | Tây Ninh  | Công ty TNHH<br>Kiểm toán<br>Immanuel | 15/07/2016 | Vô hạn |                                          |
| 1084 | 1995-2013-166-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Ngọc Diệp  | Nữ  | 1971 | Bắc Giang |                                       | 12/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 12/11/2013 |
| 1085 | 1975-2013-166-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Ngọc    | Nam | 1980 | Hưng Yên  |                                       | 01/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 01/08/2014 |
| 1086 | 2047-2013-166-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Khánh Ly       | Nữ  | 1984 | Thái Bình |                                       | 16/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/09/2014 |
| 1087 | 1906-2013-166-1 | 01 | 13/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tuấn Anh     | Nam | 1984 | Thanh Hóa |                                       | 01/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2014 |
| 1088 | 2342-2013-166-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Thái Khắc Hải       | Nam | 1982 | Nghệ An   |                                       | 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 1089 | 1994-2014-166-1 | 02 | 27/12/2014 | 31/12/2017 | Trần Huy Chiêu      | Nam | 1982 | Thái Bình |                                       | 05/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/08/2015 |
| 1090 | 2175-2013-166-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Thanh    | Nam | 1982 | Long An   |                                       | 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015 |
| 1091 | 2465-2014-166-1 | 02 | 01/12/2014 | 31/12/2017 | Phạm Thị Thảo       | Nữ  | 1986 | Thanh Hóa |                                       | 30/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/01/2016 |
| 1092 | 3299-2015-166-1 | 01 | 20/10/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thu Lan        | Nữ  | 1988 | Nam Định  |                                       | 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |
| 1093 | 2360-2015-166-1 | 03 | 17/02/2016 | 31/12/2017 | Vũ Xuân Mạnh        | Nam | 1980 | Hưng Yên  |                                       | 01/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2016 |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                |                                                                        |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|----------------|------------------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1094 | 1435-2013-166-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Hoài Nam      | Nam | 1980 | Thanh Hóa      |                                                                        | 01/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2016           |
| 1095 | 1057-2013-169-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quang Toàn    | Nam | 1975 | Bình Định      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và giải pháp công nghệ thông tin Đại Nam</b> | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 1096 | 1715-2013-169-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Bình      | Nam | 1981 | Bình Định      |                                                                        | 09/07/2014 | 09/01/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015 |
| 1097 | 0434-2013-169-1 | 01 | 11/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hữu Thành     | Nam | 1975 | Tiền Giang     |                                                                        | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1098 | 1540-2013-169-1 | 02 | 25/11/2013 | 31/12/2017 | Lưu Đặng Mỹ Quỳnh    | Nữ  | 1981 | Tp Hồ Chí Minh |                                                                        | 01/11/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/2015              |
| 1099 | 2635-2013-172-1 | 01 | 06/12/2013 | 31/12/2017 | Lê Kiều Thị Như Ngọc | Nữ  | 1985 | Phú Yên        |                                                                        | 11/01/2014 | Vô hạn     | Hợp đồng lao động hết hạn từ 11/01/2014            |
| 1100 | 2060-2013-172-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Tấn Phát        | Nam | 1983 | Bến Tre        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán IGL</b>                                      | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014           |
| 1101 | 0945-2013-172-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Quỳnh Nam     | Nam | 1978 | Thái Bình      |                                                                        | 05/09/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1102 | 0915-2013-172-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Lâm               | Nam | 1980 | Vĩnh Phúc      |                                                                        | 05/09/2014 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |

|      |                 |    |            |            |                        |     |      |                |                                                                  |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|----------------|------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1103 | 1716-2013-172-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Diễm        | Nữ  | 1983 | Bình Định      | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán IGL</b>                            | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1104 | 1984-2013-172-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Huyền   | Nữ  | 1982 | Hà Nội         |                                                                  | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1105 | 2060-2013-172-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Tấn Phát          | Nam | 1983 | Bến Tre        |                                                                  | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1106 | 2448-2013-172-1 | 01 | 06/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Hiếu      | Nam | 1985 | Nghệ An        |                                                                  | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1107 | 2635-2013-172-1 | 01 | 06/12/2013 | 31/12/2017 | Lê Kiều Thị Như Ngọc   | Nữ  | 1985 | Phú Yên        |                                                                  | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1108 | 2086-2013-172-1 | 01 | 06/12/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Ngọc Anh      | Nữ  | 1985 | Quảng Ngãi     |                                                                  | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1109 | 2619-2013-172-1 | 01 | 06/12/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thị Bích Hồng      | Nữ  | 1985 | Long An        |                                                                  | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1110 | 2608-2013-172-1 | 01 | 06/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Phương Dung | Nữ  | 1985 | KonTum         |                                                                  | 05/09/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1111 | 2619-2014-172-1 | 02 | 05/09/2014 | 31/12/2017 | Bùi Thị Bích Hồng      | Nữ  | 1985 | Long An        | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán<br/>Crowe Horwath<br/>Việt Nam</b> | 10/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/10/2014 |
| 1112 | 1716-2014-172-1 | 02 | 05/09/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Diễm        | Nữ  | 1983 | Bình Định      |                                                                  | 04/07/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/07/2015 |
| 1113 | 2086-2014-172-1 | 02 | 05/09/2014 | 31/12/2017 | Phạm Thị Ngọc Anh      | Nữ  | 1985 | Quảng Ngãi     |                                                                  | 19/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/08/2015 |
| 1114 | 3494-2015-172-1 | 01 | 12/10/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Kiên Tùng       | Nam | 1986 | Hưng Yên       |                                                                  | 21/02/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/02/2016 |
| 1115 | 2630-2014-172-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Lâm Phi Bằng           | Nam | 1985 | TP Hồ Chí Minh |                                                                  | 18/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/06/2016 |

|      |                 |    |            |            |                     |     |      |            |                                               |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|---------------------|-----|------|------------|-----------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1116 | 2766-2014-172-1 | 01 | 16/10/2014 | 31/12/2018 | Hoàng Thị Kim Thuận | Nữ  | 1987 | Bình Định  |                                               | 18/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/07/2016           |
| 1117 | 1137-2013-173-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Quỳnh Nga    | Nữ  | 1979 | Thanh Hóa  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam</b>    | 10/10/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/10/2015           |
| 1118 | 1598-2013-176-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Phan Đắc Hoan       | Nam | 1981 | Hải Dương  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN</b> | 01/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2014           |
| 1119 | 2544-2013-176-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Thanh Xuân     | Nam | 1974 | Quảng Bình |                                               | 01/11/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2014           |
| 1120 | 1448-2013-176-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Đặng Tấn Sơn        | Nam | 1965 | Nam Định   |                                               | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1121 | 2377-2013-176-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Thủy | Nữ  | 1981 | Thái Bình  |                                               | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1122 | 2534-2013-176-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Thái Văn Toàn       | Nam | 1985 | Nghệ An    |                                               | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1123 | 1305-2014-176-1 | 02 | 10/01/2014 | 31/12/2017 | Lê Xuân Bách        | Nam | 1981 | Hà Nội     |                                               | 15/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2015           |
| 1124 | 2472-2015-176-1 | 02 | 03/04/2015 | 31/12/2018 | Lê Thị Vân Anh      | Nữ  | 1983 | Thanh Hóa  |                                               | 10/10/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/10/2015           |

|      |                 |    |            |            |                       |     |      |            |                                             |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|------------|---------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1125 | 1297-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Jean-Marc Deschamps   | Nam | 1956 | Pháp       | <b>Công ty TNHH<br/>Mazars Việt<br/>Nam</b> | 31/08/2013 | Vô hạn     | Giấy phép lao động hết hạn từ 31/08/2013           |
| 1126 | 2389-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Bùi Thành Việt        | Nam | 1983 | Vĩnh Phúc  |                                             | 01/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2014           |
| 1127 | 2597-2014-177-1 | 01 | 15/01/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Phương Nhung | Nữ  | 1985 | Hải Phòng  |                                             | 15/11/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/11/2014           |
| 1128 | 1816-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thùy Ngân  | Nữ  | 1977 | Bến Tre    |                                             | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1129 | 1740-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Hồ Tiểu Thư           | Nữ  | 1973 | Khánh Hòa  |                                             | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1130 | 1894-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Quang Huy       | Nam | 1981 | Bắc Giang  |                                             | 01/04/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2015           |
| 1131 | 1508-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Trinh Hiếu       | Nữ  | 1980 | Hà Nội     |                                             | 30/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/08/2015           |
| 1132 | 2642-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Hà Thanh       | Nữ  | 1985 | Hà Nội     |                                             | 01/05/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2015           |
| 1133 | 2220-2013-177-1 | 01 | 16/07/2013 | 31/12/2017 | May Victorio Aguilar  | Nữ  | 1974 | Philippine |                                             | 16/05/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/05/2015           |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                          |            |        |                                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1134 | 3173-2016-177-1 | 02 | 16/03/2016 | 43830      | Nguyễn Vũ Dũng       | Nam | 1983 | Hà Nội          |                                          | 04/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/06/2016                                                     |
| 1135 | 1497-2013-184-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Đinh Hồng Đức        | Nam | 1980 | Ninh Bình       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Việt Mỹ</b>    | 12/02/2015 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/04/2015 |
| 1136 | 2615-2014-184-1 | 01 | 24/02/2014 | 31/12/2018 | Đặng Thị Tuyết Nhung | Nữ  | 1985 | Bình Định       |                                          | 15/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2015                                                     |
| 1137 | 2814-2015-184-1 | 01 | 22/01/2015 | 31/12/2019 | Trần Ngọc Sang       | Nữ  | 1986 | An Giang        |                                          | 01/05/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2016                                                     |
| 1138 | 2194-2013-184-1 | 01 | 21/10/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Bách Việt      | Nam | 1983 | Quảng Nam       |                                          | 31/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2016                                                     |
| 1139 | 1530-2013-185-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Đặng Quang Minh      | Nam | 1981 | Hưng Yên        |                                          | 01/03/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/03/2015                                                     |
| 1140 | 1260-2013-185-1 | 01 | 26/08/2013 | 31/12/2017 | Đặng Trần Kiên       | Nam | 1979 | Hà Nội          | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Việt Đức</b>   | 28/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/12/2015                                                     |
| 1141 | 1201-2013-186-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Tô Bửu Toàn          | Nam | 1980 | TP. Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Tiêu Chuẩn</b> | 06/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 06/11/2013                                                     |
| 1142 | 1301-2013-186-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Đoàn Anh Trà         | Nam | 1979 | Ninh Bình       |                                          | 05/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 05/11/2013                                                     |
| 1143 | 1180-2013-186-1 | 01 | 26/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Thị Ngọc Liên   | Nữ  | 1980 | Thái Bình       |                                          | 05/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 05/11/2013                                                     |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                                                    |            |            |                                                                     |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|--------------------------------------------------------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1144 | 1499-2014-187-1 | 02 | 13/01/2014 | 31/12/2017 | Chu Nguyễn Ngọc Hà   | Nữ  | 1981 | Hà Nội          | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn Tín Việt-<br/>AICA</b> | 31/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015                            |
| 1145 | 0706-2014-187-1 | 02 | 13/01/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Duy Thành     | Nam | 1973 | Hà Nội          |                                                                    | 31/12/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2014                            |
| 1146 | 2166-2014-187-1 | 02 | 13/01/2014 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Hải Ngọc      | Nữ  | 1984 | Hà Nội          |                                                                    | 31/12/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2014                            |
| 1147 | 0706-2013-188-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Duy Thành     | Nam | 1973 | Hà Nội          | <b>Công ty TNHH<br/>Tư vấn Kiểm<br/>toán Liên Minh<br/>Quốc tế</b> | 31/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2013                            |
| 1148 | 1499-2013-188-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Chu Nguyễn Ngọc Hà   | Nữ  | 1981 | Hà Nội          |                                                                    | 31/12/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2013                            |
| 1149 | 0827-2013-188-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Phạm Văn Dũng        | Nam | 1976 | TP. Hồ Chí Minh |                                                                    | 01/01/2014 | Vô hạn     | Công ty không đủ điều kiện                                          |
| 1150 | 2176-2013-188-1 | 01 | 15/08/2013 | 31/12/2017 | Trương Ngọc Anh Thái | Nữ  | 1982 | Bến Tre         |                                                                    | 01/01/2014 | Vô hạn     | Công ty không đủ điều kiện                                          |
| 1151 | 2454-2013-189-1 | 01 | 14/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Lam Hồng        | Nam | 1986 | Nghệ An         | <b>Công ty TNHH<br/>Tư vấn Kiểm<br/>toán Việt Nam</b>              | 01/05/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2014                            |
| 1152 | 1020-2013-189-1 | 01 | 14/08/2013 | 31/12/2017 | Phan Thanh Thủy      | Nam | 1976 | Hà Tĩnh         |                                                                    | 01/08/2014 | 11/09/2014 | Công ty tạm ngừng kinh doanh kiểm toán từ 01/08/2014 đến 11/09/2014 |
| 1153 | 1671-2013-189-1 | 01 | 05/10/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Hồng        | Nữ  | 1979 | Hà Tĩnh         |                                                                    | 01/08/2014 | 11/09/2014 |                                                                     |
| 1154 | 2329-2013-189-1 | 01 | 05/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Huyền | Nữ  | 1980 | Hải Phòng       |                                                                    | 01/08/2014 | 11/09/2014 |                                                                     |
| 1155 | 2359-2014-189-1 | 01 | 20/03/2014 | 31/12/2018 | Lê Thị Thảo My       | Nữ  | 1984 | Nghệ An         |                                                                    | 01/08/2014 | 11/09/2014 |                                                                     |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                               |            |        |                                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|-----------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1156 | 2542-2014-189-1 | 02 | 11/9/2014  | 31/12/2017 | Hoàng Thanh Tùng     | Nam | 1984 | Thanh Hóa       | <b>Kiểm toán<br/>Trường Thành</b>             | 12/02/2015 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |
| 1157 | 2983-2014-189-1 | 02 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Trần Ngọc Dũng       | Nam | 1985 | Hà Nam          |                                               | 15/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/09/2015                                                     |
| 1158 | 2959-2014-189-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Nhân      | Nữ  | 1985 | Thanh Hóa       |                                               | 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015                                                     |
| 1159 | 1874-2013-190-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Tuyết Mai | Nữ  | 1982 | An Giang        | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán E-<br/>Jung</b> | 01/05/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2014                                                     |
| 1160 | 2435-2013-190-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Mai Thị Huyền Thanh  | Nữ  | 1984 | Hà Nam          |                                               | 20/06/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/06/2014                                                     |
| 1161 | 1872-2013-190-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Hoàng Thùy Dương     | Nữ  | 1983 | Thanh Hóa       |                                               | 01/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2014                                                     |
| 1162 | 1034-2013-190-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Phạm Nghĩa Dũng      | Nam | 1969 | TP Hồ Chí Minh  |                                               | 01/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/11/2014                                                     |
| 1163 | 2799-2014-190-1 | 01 | 26/09/2014 | 31/12/2018 | Võ Thị Xuân Mai      | Nữ  | 1986 | TP Hồ Chí Minh  |                                               | 01/06/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2015                                                     |
| 1164 | 2621-2013-190-1 | 01 | 26/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Ngọc Lan        | Nữ  | 1986 | TP. Hồ Chí Minh |                                               | 01/10/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015                                                     |
| 1165 | 2619-2014-190-1 | 03 | 19/12/2014 | 31/12/2017 | Bùi Thị Bích Hồng    | Nữ  | 1985 | Long An         |                                               | 01/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2017                                                     |

|      |                 |    |            |            |                       |     |      |                |                                   |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|----------------|-----------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1166 | 2342-2014-190-1 | 02 | 16/10/2014 | 31/12/2017 | Thái Khắc Hải         | Nam | 1982 | Nghệ An        |                                   | 01/07/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2017           |
| 1167 | 2797-2014-193-1 | 01 | 03/09/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Cẩm Linh       | Nữ  | 1986 | Bình Dương     | <b>Công ty TNHH Tri Thức Việt</b> | 12/02/2015 | 07/06/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 07/06/2015 |
| 1168 | 2161-2013-193-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thanh Nam        | Nam | 1982 | Thừa Thiên Huế |                                   | 01/10/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2015           |
| 1169 | 1720-2013-193-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Đình Hiếu      | Nam | 1983 | Đồng Nai       |                                   | 01/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2015           |
| 1170 | 1888-2014-193-1 | 03 | 14/10/2014 | 43100      | Hứa Thoại Quyên       | Nữ  | 1979 | Tây Ninh       |                                   | 01/08/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016           |
| 1171 | 2424-2014-193-1 | 02 | 14/09/2015 | 43465      | Nguyễn Phạm Thái Bình | Nam | 1979 | Hậu Giang      |                                   | 01/08/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2016           |
| 1172 | 2797-2014-193-1 | 01 | 03/09/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Cẩm Linh       | Nữ  | 1986 | Bình Dương     |                                   | 28/03/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/03/2017           |
| 1173 | 2100-2016-193-1 | 02 | 22/03/2016 | 43100      | Nguyễn Thị Hải Ly     | Nữ  | 1985 | Phú Yên        |                                   | 28/03/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/03/2017           |
| 1174 | 2350-2013-195-1 | 01 | 19/06/2013 | 31/12/2017 | Phạm Trung Kiên       | Nam | 1983 | Thái Bình      |                                   | 06/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/01/2014           |
| 1175 | 1625-2013-195-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Trang Bích Thảo       | Nữ  | 1980 | Hà Nội         |                                   | 01/07/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/07/2014           |

|      |                 |    |            |            |                          |     |      |           |                                                                                                                               |            |            |                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1176 | 3058-2014-195-1 | 01 | 27/08/2014 | 31/12/2018 | Hà Long Giang            | Nam | 1988 | Phú Thọ   | <b>Công ty TNHH<br/>Tư vấn và Kiểm<br/>toán VIHA</b>                                                                          | 16/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>16/09/2015                               |
| 1177 | 1780-2014-195-1 | 01 | 28/04/2014 | 31/12/2018 | Bùi Văn Huy              | Nam | 1983 | Thái Bình |                                                                                                                               | 31/12/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/12/2014                               |
| 1178 | 0383-2013-195-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Mạnh Hàn              | Nam | 1944 | Hà Nam    |                                                                                                                               | 31/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/12/2015                               |
| 1179 | 0772-2014-195-1 | 02 | 14/03/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị<br>Thanh      | Nữ  | 1978 | Hải Phòng |                                                                                                                               | 31/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/12/2015                               |
| 1180 | 1127-2013-197-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Văn Thị Thanh<br>Huyền   | Nữ  | 1980 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Dịch vụ có đảm<br/>bảo VNA (tạm<br/>ngừng hoạt động<br/>kiểm toán từ<br/>01/01/2014)</b> | 01/01/2014 | Vô hạn     | Công ty tạm ngừng<br>hoạt động kiểm<br>toán từ 01/01/2014                    |
| 1181 | 1654-2013-197-1 | 01 | 07/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hương<br>Hòe      | Nữ  | 1982 | Bắc Giang |                                                                                                                               | 01/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp<br>đồng lao động từ<br>01/01/2014                               |
| 1182 | 2524-2013-198-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Quế           | Nữ  | 1981 | Nghệ An   |                                                                                                                               | 24/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>24/01/2014                               |
| 1183 | 1433-2013-198-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Đức Minh           | Nam | 1980 | Hà Nam    |                                                                                                                               | 03/09/2014 | 20/10/2014 | Công ty tạm ngừng<br>kinh doanh kiểm<br>toán từ 03/09/2014<br>đến 20/10/2014 |
| 1184 | 1326-2013-198-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Đức Minh              | Nam | 1980 | Thanh Hóa |                                                                                                                               | 03/09/2014 | 20/10/2014 |                                                                              |
| 1185 | 2049-2013-198-1 | 01 | 30/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị<br>Thanh Thúy | Nữ  | 1984 | Hà Nội    |                                                                                                                               | 03/09/2014 | 20/10/2014 |                                                                              |
| 1186 | 1326-2013-198-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Lê Đức Minh              | Nam | 1980 | Thanh Hóa |                                                                                                                               | 15/05/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>15/05/2016                               |

|      |                 |    |            |            |                       |     |      |           |                                                       |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-----------|-------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1187 | 2568-2014-198-1 | 02 | 22/01/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Nhung      | Nam | 1984 | Nghệ An   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán MHD</b>                 | 15/05/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/05/2016           |
| 1188 | 1433-2013-198-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Đức Minh        | Nam | 1980 | Hà Nam    |                                                       | 16/08/2016 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1189 | 2049-2013-198-1 | 01 | 30/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | Nữ  | 1984 | Hà Nội    |                                                       | 16/08/2016 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1190 | 2033-2013-198-1 | 02 | 21/10/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thái Thế         | Nam | 1982 | Thanh Hóa |                                                       | 16/08/2016 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1191 | 2585-2014-198-1 | 02 | 20/10/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Việt Anh       | Nam | 1982 | Hà Nội    |                                                       | 16/08/2016 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1192 | 2969-2016-198-1 | 02 | 06/06/2016 | 31/12/2019 | Cao Thị Thanh Thủy    | Nữ  | 1986 | Nam Định  |                                                       | 16/08/2016 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1193 | 1433-2016-198-1 | 02 | 16/08/2016 | 31/12/2017 | Trịnh Đức Minh        | Nam | 1980 | Hà Nam    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Định giá MHD</b> | 17/08/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016           |
| 1194 | 2969-2016-198-1 | 03 | 16/08/2016 | 31/12/2019 | Cao Thị Thanh Thủy    | Nữ  | 1986 | Nam Định  |                                                       | 18/08/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/09/2016           |
| 1195 | 1783-2013-199-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Ngụy Phan Tân         | Nam | 1983 | Bắc Giang | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán<br/>Thăng Long</b>      | 31/08/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 31/08/2013           |
| 1196 | 1966-2013-199-1 | 01 | 16/08/2013 | 31/12/2017 | Trịnh Văn Tuấn        | Nam | 1982 | Thanh Hóa |                                                       | 01/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2014           |
| 1197 | 2028-2013-199-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thiện Phú      | Nam | 1974 | Hà Nội    |                                                       | 30/05/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/05/2014           |
| 1198 | 2885-2014-199-1 | 01 | 31/07/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Hữu Đức        | Nam | 1986 | Thanh Hóa |                                                       | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 07/06/2015 |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                                   |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|---------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1199 | 2633-2013-200-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Thùy Linh | Nữ  | 1986 | Bình Dương      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán WinWin</b>              | 25/10/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/10/2013 |
| 1200 | 2151-2013-200-1 | 02 | 18/12/2013 | 31/12/2017 | Văn Hồ Nhất Hạnh     | Nam | 1984 | Quảng Nam       |                                                   | 15/09/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/09/2014 |
| 1201 | 2144-2013-200-1 | 01 | 17/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trọng Huy     | Nam | 1979 | Bình Dương      |                                                   | 31/03/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2016 |
| 1202 | 3085-2015-200-1 | 01 | 01/01/2015 | 43830      | Phạm Thị Tuyết Mai   | Nữ  | 1987 | TP. Hồ Chí Minh |                                                   | 31/03/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2016 |
| 1203 | 1247-2013-201-1 | 01 | 06/08/2013 | 31/12/2017 | Vũ Minh Hải          | Nam | 1977 | Thanh Hóa       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Rồng Việt</b> | 31/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/07/2014 |
| 1204 | 2158-2013-201-1 | 01 | 23/12/2013 | 31/12/2017 | Phan Thị Liên        | Nữ  | 1983 | Tây Ninh        |                                                   | 31/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2014 |
| 1205 | 2153-2013-201-1 | 01 | 23/12/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Ngọc Hạnh     | Nữ  | 1983 | Quảng Ngãi      |                                                   | 31/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2014 |
| 1206 | 1524-2013-201-1 | 01 | 28/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Trọng Liêm    | Nam | 1981 | Long An         |                                                   | 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |
| 1207 | 1208-2013-201-1 | 01 | 06/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Xuân Vinh         | Nam | 1980 | Hà Nội          |                                                   | 02/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/07/2016 |
| 1208 | 2197-2013-201-1 | 02 | 28/11/2013 | 31/12/2017 | Lê Đình Thục Đoan    | Nữ  | 1984 | Thanh Hóa       |                                                   | 02/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/07/2016 |
| 1209 | 1170-2013-201-1 | 01 | 06/08/2013 | 31/12/2017 | Bùi Hồng Hạnh        | Nữ  | 1980 | Hà Nội          |                                                   | 02/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/07/2016 |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                                                   |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|-------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1210 | 3269-2015-201-1 | 01 | 28/09/2015 | 31/12/2019 | Hoàng Quốc Việt      | Nam | 1985 | Phú Yên         |                                                                   | 02/07/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/07/2016 |
| 1211 | 2872-2014-201-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Võ Đức Tường         | Nam | 1985 | Bình Định       |                                                                   | 01/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2016 |
| 1212 | 3250-2015-201-1 | 01 | 18/08/2015 | 31/12/2019 | Cao Trần Ngọc Quý    | Nam | 1986 | Quảng Ngãi      |                                                                   | 31/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2016 |
| 1213 | 1677-2013-202-1 | 01 | 10/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | Nữ  | 1982 | Hà Nội          | <b>Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế</b>                   | 30/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/01/2015 |
| 1214 | 0639-2014-202-1 | 01 | 15/08/2014 | 31/12/2018 | Trần Văn Chiến       | Nam | 1966 | Hưng Yên        |                                                                   | 30/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2015 |
| 1215 | 1274-2013-205-1 | 01 | 13/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Trần Minh Trí     | Nam | 1977 | Bình Dương      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu (GAFC)</b> | 31/07/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/07/2014 |
| 1216 | 2156-2013-205-1 | 01 | 01/07/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Phú Khánh         | Nam | 1983 | TP. Hồ Chí Minh |                                                                   | 06/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/10/2014 |
| 1217 | 3231-2015-205-1 | 01 | 30/07/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Kim Hương     | Nữ  | 1983 | Bạc Liêu        |                                                                   | 30/09/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2015 |
| 1218 | 1558-2015-207-1 | 02 | 18/03/2015 | 31/12/2017 | Lê Quốc Tuấn         | Nam | 1978 | Khánh Hòa       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán - Thuế - Tư vấn Sài Gòn</b>             | 01/08/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2015 |
| 1219 | 2109-2013-209-1 | 01 | 18/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Bích Ngọc     | Nữ  | 1983 | Hà Tĩnh         | <b>Công ty TNHH</b>                                               | 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |

|      |                 |    |            |            |                    |     |      |            |                                                    |            |            |                                                                                   |
|------|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|------------|----------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 1220 | 0765-2013-146-1 | 01 | 05/12/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Văn Phong   | Nam | 1978 | Hà Nội     | <b>Kiểm toán HSK Việt Nam</b>                      | 13/01/2016 | 31/12/2016 | Đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016                                   |
| 1221 | 1038-2013-210-1 | 01 | 10/10/2013 | 31/12/2017 | Lê Nam Hải         | Nam | 1971 | Tiền Giang | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Hoàng Sao</b>  | 05/06/2015 | 06/12/2015 | Công ty tạm ngừng 6 tháng (5/6/2015-6/12/2015)                                    |
| 1222 | 1807-2013-210-1 | 01 | 10/10/2013 | 31/12/2017 | Đỗ Thị Hồng Văn    | Nữ  | 1978 | Bình Thuận |                                                    | 05/06/2015 | 06/12/2015 |                                                                                   |
| 1223 | 2089-2013-210-1 | 01 | 10/10/2013 | 31/12/2017 | Vũ Ngọc Hạnh Dung  | Nữ  | 1985 | Thanh Hóa  |                                                    | 30/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/07/2015                                          |
| 1224 | 2090-2014-210-1 | 01 | 25/01/2014 | 31/12/2018 | Tạ Văn Hiệu        | Nam | 1985 | Nam Định   |                                                    | 30/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/07/2015                                          |
| 1225 | 2115-2014-210-1 | 01 | 25/01/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Ngọc Sơn    | Nam | 1984 | Lâm Đồng   |                                                    | 15/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2015                                          |
| 1226 | 1303-2013-211-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Kim Thoa  | Nữ  | 1977 | Lâm Đồng   | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn CPA HCM</b>    | 31/12/2013 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                                                   |
| 1227 | 2075-2013-211-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Đoàn Thế Vinh      | Nam | 1982 | Nam Định   |                                                    | 31/12/2013 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                                                   |
| 1228 | 2146-2013-211-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hồng Hà | Nữ  | 1983 | Hà Nội     |                                                    | 31/12/2013 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                                                   |
| 1229 | 1850-2013-211-1 | 01 | 19/12/2013 | 31/12/2017 | Lương Anh Kiệt     | Nam | 1983 | Khánh Hòa  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn CPA Á Châu</b> | 01/05/2014 | Vô hạn     | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015. Đã chấm dứt hợp đồng lao động |

|      |                 |    |            |            |                    |     |      |                |                                        |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|----------------|----------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1230 | 2687-2015-211-1 | 02 | 20/01/2015 | 31/12/2017 | Lý Thị Thảo Tâm    | Nữ  | 1980 | Tây Ninh       |                                        | 30/06/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2016           |
| 1231 | 2453-2013-215-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Đặng Thị Thúy Hằng | Nữ  | 1987 | Nghệ An        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán AVICO</b>    | 30/10/2013 | Vô hạn     | Chấm dứt Hợp đồng lao động từ 30/10/2013           |
| 1232 | 0772-2013-215-1 | 01 | 06/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thanh   | Nữ  | 1978 | Hải Dương      |                                        | 13/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 13/01/2014           |
| 1233 | 1318-2013-215-1 | 01 | 25/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tiến Hải    | Nam | 1973 | Nam Định       |                                        | 31/10/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2014           |
| 1234 | 1668-2013-215-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Dương Tiến Dũng    | Nam | 1981 | Thanh Hóa      |                                        | 01/01/2016 | Vô hạn     | Ngừng hành nghề kiểm toán từ 01/01/2016            |
| 1235 | 1753-2013-216-1 | 02 | 22/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Băng   | Nam | 1982 | Vũng Tàu       |                                        | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1236 | 2611-2015-216-1 | 03 | 16/11/2015 | 31/12/2017 | Võ Thị Xuân Hương  | Nữ  | 1984 | Bình Định      | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam</b> | 04/05/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 04/05/2016           |
| 1237 | 2821 2014-216-1 | 01 | 01/01/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Thanh   | Nữ  | 1985 | Nam Định       |                                        | 31/05/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/05/2017           |
| 1238 | 2306-2014-218-1 | 01 | 01/08/2014 | 31/12/2018 | Trần Thị Quỳnh Yên | Nữ  | 1971 | Quảng Bình     | <b>Công ty TNHH Kiểm toán ASEAN</b>    | 08/08/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 08/08/2016           |
| 1239 | 1822-2013-220-1 | 02 | 20/11/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ngọc Thạch  | Nam | 1984 | TP Hồ Chí Minh | <b>Công ty TNHH Tư vấn Kiểm</b>        | 15/08/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2014           |

|      |                 |    |            |            |                       |     |      |                 |                                              |            |            |                                                                     |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|-----------------|----------------------------------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1240 | 2650-2014-220-1 | 01 | 03/01/2014 | 31/12/2018 | Đỗ Thị Hà             | Nữ  | 1985 | Bắc Giang       | <b>toán Hoàng Gia Việt Nam</b>               | 01/02/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/02/2016                            |
| 1241 | 2424-2013-221-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Phạm Thái Bình | Nam | 1979 | Hậu Giang       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín</b>        | 06/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/07/2015                            |
| 1242 | 2687-2013-223-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Lý Thị Thảo Tâm       | Nữ  | 1980 | Tây Ninh        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán TND</b> | 02/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/06/2014                            |
| 1243 | 2622-2013-223-1 | 01 | 20/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Thị Thu Minh       | Nữ  | 1985 | Quảng Nam       |                                              | 02/06/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/06/2014                            |
| 1244 | 1244-2013-223-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Trần Việt Hà          | Nữ  | 1976 | Hà Nội          |                                              | 02/10/2014 | 20/10/2014 | Công ty tạm ngừng kinh doanh kiểm toán từ 02/10/2014 đến 20/10/2014 |
| 1245 | 1174-2013-223-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Tô Đình Hoài          | Nam | 1980 | Hải Phòng       |                                              | 02/10/2014 | 20/10/2014 |                                                                     |
| 1246 | 0403-2013-223-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Ngọc Thu       | Nữ  | 1975 | Thái Bình       |                                              | 02/10/2014 | 20/10/2014 |                                                                     |
| 1247 | 2622-2014-223-1 | 02 | 17/09/2014 | 31/12/2017 | Lê Thị Thu Minh       | Nữ  | 1985 | Quảng Nam       |                                              | 02/10/2014 | 20/10/2014 |                                                                     |
| 1248 | 3097-2014-223-1 | 01 | 16/10/2014 | 31/12/2018 | Trần Quốc Bảo         | Nam | 1983 | Thái Bình       |                                              | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015                  |
| 1249 | 1268-2015-223-1 | 02 | 30/03/2015 | 31/12/2017 | Hồ Đình Phúc          | Nam | 1976 | TP. Hồ Chí Minh |                                              | 15/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/08/2015                            |
| 1250 | 3097-2014-223-1 | 01 | 16/10/2014 | 31/12/2018 | Trần Quốc Bảo         | Nam | 1983 | Thái Bình       |                                              | 05/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/01/2016                            |
| 1251 | 0403-2013-223-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Ngọc Thu       | Nữ  | 1975 | Thái Bình       |                                              | 31/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/07/2016                            |

|      |                 |    |            |            |                          |     |      |                |                                                |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|-----|------|----------------|------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1252 | 3591-2016-223-1 | 01 | 01/08/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thanh Bích Trâm   | Nữ  | 1987 | Đà Nẵng        |                                                | 01/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/05/2017 |
| 1253 | 1923-2013-224-1 | 01 | 03/09/2013 | 31/12/2017 | Lương Thị Kim            | Nữ  | 1984 | Nam Định       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán &amp; Tư vấn BHG</b> | 21/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/12/2013 |
| 1254 | 2330-2013-224-1 | 01 | 03/09/2013 | 31/12/2017 | Lê Thu Hà                | Nữ  | 1984 | Phú Thọ        |                                                | 27/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 27/12/2013 |
| 1255 | 1089-2013-224-1 | 01 | 03/09/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thanh Yên             | Nữ  | 1979 | Nam Định       |                                                | 21/12/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/12/2013 |
| 1256 | 2332-2013-224-1 | 01 | 03/09/2013 | 31/12/2017 | Lương Thị Nhị Hà         | Nữ  | 1980 | Nam Định       |                                                | 01/01/2014 | Vô hạn | Công ty không đủ điều kiện               |
| 1257 | 1885-2013-225-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Huỳnh Phương Thảo | Nữ  | 1981 | Bến Tre        |                                                | 21/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 21/10/2014 |
| 1258 | 2132-2013-225-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Ái                | Nam | 1983 | Quảng Trị      | <b>Công ty TNHH ECOVIS STT Việt Nam</b>        | 01/10/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/10/2014 |
| 1259 | 0518-2013-225-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thành Trung       | Nam | 1976 | Hà Nội         |                                                | 25/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1260 | 1658-2013-225-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Ngô Thị Sơn              | Nữ  | 1976 | Thừa Thiên Huế |                                                | 25/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2017 |
| 1261 | 2041-2013-225-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Việt Nga          | Nữ  | 1980 | Hà Nội         |                                                | 25/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1262 | 1962-2013-225-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Phương       | Nữ  | 1983 | Thái Bình      |                                                | 25/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |

|      |                 |    |            |            |                        |     |      |            |                                                                    |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|------------------------|-----|------|------------|--------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1263 | 1614-2013-225-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Hoàng Phương    | Nữ  | 1982 | Thái Bình  |                                                                    | 25/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1264 | 1544-2013-225-1 | 01 | 11/07/2013 | 31/12/2017 | Vũ Thị Thanh Tâm       | Nữ  | 1980 | Hà Nội     |                                                                    | 25/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1265 | 2188-2013-225-1 | 01 | 21/08/2013 | 31/12/2017 | Phan Thị Băng Tuyết    | Nữ  | 1981 | Quảng Bình |                                                                    | 25/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1266 | 2073-2013-225-1 | 01 | 10/01/2014 | 31/12/2018 | Lê Quang Phi           | Nam | 1974 | Đà Nẵng    |                                                                    | 25/11/2014 | Vô hạn | Công ty đổi tên                          |
| 1267 | 1962-2014-225-1 | 02 | 25/11/2014 | 31/12/2017 | Nguyễn Minh Phương     | Nữ  | 1983 | Thái Bình  | <b>Công ty TNHH NEXIA STT</b>                                      | 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 1268 | 1544-2014-225-1 | 02 | 25/11/2014 | 31/12/2017 | Vũ Thị Thanh Tâm       | Nữ  | 1980 | Hà Nội     |                                                                    | 14/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/10/2016 |
| 1269 | 2596-2014-225-1 | 03 | 18/05/2015 | 31/12/2017 | Bùi Huy Ánh Nguyệt     | Nữ  | 1984 | Hà Nội     |                                                                    | 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 1270 | 2500-2014-225-1 | 03 | 18/05/2015 | 31/12/2017 | Kiều Mạnh Hùng         | Nam | 1983 | Hà Tĩnh    |                                                                    | 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 1271 | 2299-2016-225-1 | 03 | 25/07/2016 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Nữ  | 1985 | Hải Phòng  |                                                                    | 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 1272 | 2003-2013-226-1 | 01 | 28/06/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Lan Hoa     | Nữ  | 1979 | Hà Tĩnh    | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Châu Á (FADACOM)</b> | 19/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 19/08/2016 |
| 1273 | 1781-2013-226-1 | 01 | 13/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thúy Lan    | Nữ  | 1983 | Hưng Yên   |                                                                    | 10/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/06/2017 |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                                      |            |            |                                                                                           |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|------------------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1274 | 2858-2014-227-1 | 01 | 10/07/2014 | 31/12/2018 | Hà Nguyễn Khánh Vân  | Nữ  | 1980 | TP Hồ Chí Minh  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Sáng lập Á Châu</b> | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 07/06/2015                                        |
| 1275 | 0966-2013-227-1 | 01 | 10/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thúy Hồng | Nữ  | 1979 | TP. Hồ Chí Minh |                                                      | 31/03/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2015                                                  |
| 1276 | 2663-2014-227-1 | 01 | 10/07/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Bá Doanh      | Nam | 1985 | Thái Bình       |                                                      | 30/06/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2015                                                  |
| 1277 | 0527-2014-227-1 | 02 | 18/08/2014 | 31/12/2017 | Phan Quang Đức       | Nam | 1970 | Bình Dương      |                                                      | 30/06/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2015                                                  |
| 1278 | 2868-2015-227-1 | 01 | 18/06/2015 | 31/12/2019 | Ngô Thanh Việt       | Nam | 1985 | Quảng Ngãi      |                                                      | 30/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/08/2015                                                  |
| 1279 | 2858-2014-227-1 | 01 | 10/07/2014 | 31/12/2018 | Hà Nguyễn Khánh Vân  | Nữ  | 1980 | TP Hồ Chí Minh  |                                                      | 13/01/2016 | Vô hạn     | Đình chỉ hành nghề từ 13/01/2016 đến 31/12/2016. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2016 |
| 1280 | 1894-2015-227-1 | 02 | 14/12/2015 | 31/12/2017 | Hoàng Quang Huy      | Nam | 1981 | Bắc Giang       |                                                      | 01/03/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/03/2016                                                  |
| 1281 | 1831-2013-228-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Văn         | Nữ  | 1983 | Nam Định        | <b>Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam</b>  | 28/04/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 28/04/2014                                                  |
| 1282 | 2181-2013-228-1 | 01 | 08/07/2013 | 31/12/2017 | Phạm Lâm Triều       | Nam | 1984 | Bình Định       |                                                      | 26/06/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 26/06/2015                                                  |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |                 |                                             |            |        |                                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------------|---------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1283 | 3616-2017-228-1 | 01 | 09/02/2017 | 31/12/2021 | Lê Thị Kim Lành      | Nữ  | 1983 | Cần Thơ         |                                             | 30/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/05/2017                                                     |
| 1284 | 2140-2013-229-1 | 01 | 05/08/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Bích Hiệp | Nữ  | 1983 | Hà Nội          | <b>Công ty TNHH Kiểm toán CPA</b>           | 30/11/2013 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/11/2013                                                     |
| 1285 | 1845-2013-229-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Bùi Tấn Hải          | Nam | 1980 | Quảng Ngãi      |                                             | 23/01/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 23/01/2015                                                     |
| 1286 | 2139-2013-229-1 | 01 | 02/08/2013 | 31/12/2017 | Lê Mỹ Duân           | Nam | 1982 | Quảng Ngãi      |                                             | 18/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 18/06/2016                                                     |
| 1287 | 0527-2013-230-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Phan Quang Đức       | Nam | 1970 | Bình Dương      |                                             | 01/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2014                                                     |
| 1288 | 1349-2013-230-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Võ Đoàn Thiên Thanh  | Nữ  | 1981 | Đồng Tháp       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn TNP</b> | 01/08/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2014                                                     |
| 1289 | 0859-2013-230-1 | 01 | 18/09/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Thu Hiền  | Nữ  | 1971 | Bình Định       |                                             | 09/07/2014 | Vô hạn | Bị đình chỉ hành nghề từ 09/07/2014 đến 09/01/2015. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/07/2014 |
| 1290 | 0072-2013-230-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Trương Hoàng Hùng    | Nam | 1960 | TP. Hồ Chí Minh |                                             | 29/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/11/2014                                                     |
| 1291 | 2433-2013-230-1 | 01 | 19/07/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Tấn Quang     | Nam | 1967 | Hà Nội          |                                             | 29/11/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/11/2014                                                     |
| 1292 | 0883-2013-231-1 | 01 | 24/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Vĩnh Lợi      | Nam | 1956 | Đà Nẵng         |                                             | 01/12/2014 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2014                                                     |

|      |                 |    |            |            |                       |     |      |                |                                                     |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|----------------|-----------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1293 | 1650-2013-231-1 | 01 | 03/10/2013 | 31/12/2017 | Trần Xuân Thạnh       | Nam | 1978 | Thừa Thiên Huế | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán AVN<br/>Việt Nam</b>  | 16/04/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 16/04/2015           |
| 1294 | 1887-2013-231-1 | 01 | 03/10/2013 | 31/12/2017 | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | Nữ  | 1982 | Quảng Bình     |                                                     | 01/12/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/12/2015           |
| 1295 | 2101-2013-231-1 | 01 | 03/10/2013 | 31/12/2017 | Thái Đăng Hương Lâm   | Nữ  | 1985 | Hà Tĩnh        |                                                     | 14/01/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 14/01/2016           |
| 1296 | 2896-2014-231-1 | 01 | 04/09/2014 | 43465      | Lê Thị Thanh Kim      | Nữ  | 1987 | Đà Nẵng        |                                                     | 05/09/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/09/2016           |
| 1297 | 3402-2016-231-1 | 02 | 20/05/2016 | 31/12/2019 | Huỳnh Minh Hưng       | Nam | 1986 | Quảng Nam      |                                                     | 10/07/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 10/07/2017           |
| 1298 | 2127-2013-232-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Trần Thế Viên         | Nam | 1984 | Bình Định      | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn SGD</b> | 15/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/01/2014           |
| 1299 | 2652-2013-232-1 | 02 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Lê Thị Thanh Xuân     | Nữ  | 1984 | Phú Yên        |                                                     | 15/01/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/01/2014           |
| 1300 | 2611-2013-232-1 | 02 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Võ Thị Xuân Hương     | Nữ  | 1984 | Bình Định      |                                                     | 30/09/2014 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2014           |
| 1301 | 2104-2013-232-1 | 01 | 01/01/2014 | 31/12/2018 | Võ Anh Minh           | Nam | 1984 | Long An        |                                                     | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015 |
| 1302 | 2728-2015-232-1 | 02 | 30/03/2015 | 31/12/2018 | Phạm Thị Ánh Thi      | Nữ  | 1985 | Bình Thuận     |                                                     | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/07/2015           |

|      |                 |    |            |            |                                 |     |      |                 |                                                                  |            |            |                                                                                              |
|------|-----------------|----|------------|------------|---------------------------------|-----|------|-----------------|------------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1303 | 2617-2014-232-1 | 02 | 10/01/2014 | 31/12/2017 | Đoàn Thị Ngọc Ánh               | Nữ  | 1986 | Hải Dương       |                                                                  | 11/02/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/03/2016                                                     |
| 1304 | 2048-2013-233-1 | 02 | 31/12/2013 | 31/12/2017 | Trần Thị Nguyệt                 | Nữ  | 1984 | Nam Định        | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc Gia (NAFICO)</b> | 12/02/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 06/12/2016                                                     |
| 1305 | 2191-2014-234-1 | 02 | 09/06/2014 | 31/12/2017 | Lê Cảnh Tâm                     | Nam | 1983 | Nghệ An         | <b>Công ty TNHH Kiểm toán SG-VN</b>                              | 12/02/2015 | Vô hạn     | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 31/12/2015. Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/08/2015 |
| 1306 | 1890-2014-235-1 | 01 | 21/08/2014 | 31/12/2018 | David John Edward Oliver Carter | Nam | 1965 | Úc              | <b>Công ty TNHH Odyssey Resources Việt Nam</b>                   | 01/06/2015 | Vô hạn     | Công ty chấm dứt kinh doanh kiểm toán                                                        |
| 1307 | 1527-2014-235-1 | 01 | 21/08/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Hồng Linh                | Nam | 1980 | Quảng Ngãi      |                                                                  | 01/06/2015 | Vô hạn     |                                                                                              |
| 1308 | 2084-2014-235-1 | 01 | 21/08/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Thu Hương            | Nữ  | 1984 | Bắc Ninh        |                                                                  | 01/06/2015 | Vô hạn     |                                                                                              |
| 1309 | 2770-2014-235-1 | 01 | 21/08/2014 | 31/12/2018 | Ngô Thị Bích Vân                | Nữ  | 1987 | TP. Hồ Chí Minh |                                                                  | 01/06/2015 | Vô hạn     |                                                                                              |
| 1310 | 2177-2014-235-1 | 01 | 21/08/2014 | 31/12/2018 | Lưu Thủy Thâm                   | Nam | 1980 | TP. Hồ Chí Minh |                                                                  | 01/06/2015 | Vô hạn     |                                                                                              |
| 1311 | 2812-2014-236-1 | 01 | 11/09/2014 | 31/12/2018 | Nguyễn Thị Kim Quế              | Nữ  | 1985 | Ninh Bình       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam Á</b>                         | 12/02/2015 | 31/12/2015 | Bị đình chỉ hành nghề từ 12/02/2015 đến 07/06/2015                                           |
| 1312 | 1247-2014-236-1 | 02 | 11/09/2014 | 31/12/2017 | Vũ Minh Hải                     | Nam | 1977 | Thanh Hóa       |                                                                  | 31/08/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2015                                                     |

|      |                 |    |            |            |                    |     |      |           |                                                  |            |            |                                                                     |
|------|-----------------|----|------------|------------|--------------------|-----|------|-----------|--------------------------------------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1313 | 2557-2014-236-1 | 02 | 11/09/2014 | 31/12/2017 | Trần Thái Hà       | Nam | 1983 | Thái Bình |                                                  | 20/07/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/07/2016                            |
| 1314 | 2993-2014-237-1 | 01 | 23/09/2014 | 31/12/2018 | Trịnh Thu Huyền    | Nữ  | 1984 | Hà Nam    | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin</b>           | 01/09/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2015                            |
| 1315 | 3301-2015-237-1 | 01 | 21/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Văn Linh    | Nam | 1988 | Thanh Hóa |                                                  | 31/05/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/05/2016                            |
| 1316 | 2173-2015-238-1 | 02 | 11/11/2015 | 31/12/2018 | Dương Nguyệt Thanh | Nữ  | 1983 | Thái Bình | <b>Công ty TNHH Parker Randall Việt Nam</b>      | 31/03/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/03/2017                            |
| 1317 | 1866-2015-238-1 | 02 | 11/11/2015 | 31/12/2018 | Mai Phương Ngân    | Nữ  | 1982 | Hà Nội    |                                                  | 31/05/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/05/2017                            |
| 1318 | 3291-2015-239-1 | 01 | 11/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Hiền    | Nữ  | 1988 | Nghệ An   | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA)</b>       | 05/10/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 05/10/2016                            |
| 1319 | 1309-2014-240-1 | 02 | 19/11/2014 | 31/12/2017 | Trần Dương Nghĩa   | Nam | 1981 | Nghệ An   | <b>Công ty TNHH Kiểm toán AFA</b>                | 20/07/2015 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 20/07/2015                            |
| 1320 | 2471-2015-241-1 | 02 | 28/08/2015 | 31/12/2018 | Bùi Đình Đạt       | Nam | 1986 | Ninh Bình | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế và Dịch vụ</b> | 01/09/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/09/2016                            |
| 1321 | 1969-2015-241-1 | 02 | 28/08/2015 | 31/12/2017 | Vũ Thị Hồng Quỳnh  | Nữ  | 1982 | Nam Định  |                                                  | 15/11/2016 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/11/2016                            |
| 1322 | 1140-2015-241-1 | 02 | 28/08/2015 | 31/12/2017 | Trương Văn Nghĩa   | Nam | 1979 | Hà Nội    |                                                  | 01/03/2017 | 28/02/2018 | Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán từ 01/03/2017 đến 28/02/2018 |

|      |                 |    |            |            |                      |     |      |           |                                                            |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|----------------------|-----|------|-----------|------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1323 | 1618-2015-241-1 | 02 | 28/08/2015 | 31/12/2017 | Trần Thị Hương Quỳnh | Nữ  | 1983 | Hải Dương | <b>le và Dịch vụ Tài chính Thẩm định giá A&amp;VN CPAS</b> | 31/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/01/2017 |
| 1324 | 3274-2015-241-1 | 01 | 28/08/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Huy Bình      | Nam | 1988 | Bắc Giang |                                                            | 31/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/01/2017 |
| 1325 | 3309-2015-241-1 | 01 | 28/08/2015 | 31/12/2019 | Bùi Thị Nga          | Nữ  | 1988 | Bắc Ninh  |                                                            | 31/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/01/2017 |
| 1326 | 3315-2016-241-1 | 01 | 13/06/2016 | 44196      | Nguyễn Thị Tú Quyên  | Nữ  | 1986 | Nam Định  |                                                            | 31/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/01/2017 |
| 1327 | 3332-2015-242-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thanh Bình    | Nam | 1986 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH PKF Việt Nam</b>                           | 31/12/2015 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/12/2015 |
| 1328 | 1788-2015-242-1 | 02 | 25/09/2015 | 31/12/2017 | Trần Đình Dũng       | Nam | 1981 | Hà Nam    |                                                            | 15/06/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/06/2016 |
| 1329 | 3295-2015-242-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Huyền     | Nữ  | 1988 | Thái Bình |                                                            | 31/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2016 |
| 1330 | 1673-2015-242-1 | 02 | 25/09/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Trung Thành   | Nam | 1981 | Nghệ An   |                                                            | 31/08/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/08/2016 |
| 1331 | 2859-2016-242-1 | 02 | 24/02/2016 | 31/12/2019 | Nguyễn Sơn Nam       | Nam | 1984 | Thái Bình |                                                            | 30/09/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/09/2016 |
| 1332 | 2467-2016-242-1 | 02 | 24/02/2016 | 31/12/2018 | Cần Văn Tuấn         | Nam | 1982 | Hà Nội    |                                                            | 15/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/01/2017 |
| 1333 | 1000-2015-242-1 | 02 | 30/09/2015 | 31/12/2017 | Nguyễn Đại Hùng      | Nam | 1977 | Nghệ An   |                                                            | 03/01/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 03/01/2017 |

|      |                 |    |            |            |                  |     |      |                 |                                              |            |        |                                          |
|------|-----------------|----|------------|------------|------------------|-----|------|-----------------|----------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------|
| 1334 | 3231-2017-242-1 | 03 | 28/02/2017 | 31/12/2019 | Nguyễn Kim Hương | Nữ  | 1983 | Bạc Liêu        |                                              | 11/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 11/06/2017 |
| 1335 | 3346-2015-242-1 | 01 | 25/09/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Huế   | Nữ  | 1987 | Thái Bình       |                                              | 30/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 30/06/2017 |
| 1336 | 0073-2015-243-1 | 02 | 21/10/2015 | 31/12/2017 | Hồ Hữu Thụy      | Nam | 1965 | Khánh Hòa       | <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KMF</b>  | 12/01/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 12/01/2016 |
| 1337 | 2192-2015-243-1 | 04 | 21/10/2015 | 31/12/2017 | Đinh Văn Tùng    | Nam | 1983 | Đà Nẵng         |                                              | 25/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/11/2016 |
| 1338 | 3505-2015-243-1 | 01 | 21/10/2015 | 31/12/2019 | Trần Minh Chánh  | Nam | 1987 | TP. Hồ Chí Minh |                                              | 25/11/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 25/11/2016 |
| 1339 | 3256-2015-243-1 | 01 | 21/10/2015 | 31/12/2019 | Phạm Thu Thảo    | Nữ  | 1985 | Hải Dương       |                                              | 01/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2017 |
| 1340 | 2035-2016-244-1 | 04 | 07/12/2016 | 31/12/2017 | Nguyễn Cẩm Chi   | Nữ  | 1980 | Hà Nội          |                                              | 29/04/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 29/04/2017 |
| 1341 | 3146-2015-246-1 | 01 | 11/12/2015 | 31/12/2019 | Nguyễn Tấn Sang  | Nam | 1987 | Tp Hồ Chí Minh  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán AGS</b>            | 15/04/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/04/2016 |
| 1342 | 3118-2015-246-1 | 02 | 11/12/2015 | 31/12/2019 | Lê Đình Dương    | Nam | 1988 | Thừa Thiên Huế  |                                              | 31/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2016 |
| 1343 | 2770-2015-247-1 | 02 | 18/12/2015 | 31/12/2018 | Ngô Thị Bích Vân | Nữ  | 1987 | TP.Hồ Chí Minh  | <b>Công ty TNHH Kiểm toán ACPA</b>           | 31/10/2016 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 31/10/2016 |
| 1344 | 3283-2016-248-1 | 01 | 05/02/2016 | 31/12/2020 | Trần Nguyên Đán  | Nam | 1988 | Nghệ An         | <b>Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn AAGROUP</b> | 01/06/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2017 |

|      |                 |    |            |            |                       |     |      |            |                                                                         |            |            |                                                    |
|------|-----------------|----|------------|------------|-----------------------|-----|------|------------|-------------------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 1345 | 3753-2016-249-1 | 01 | 14/07/2016 | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Tuyết      | Nữ  | 1987 | Nam Định   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>thẩm định giá<br/>HDT Việt Nam</b> | 30/03/2017 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1346 | 3643-2016-249-1 | 01 | 14/07/2016 | 31/12/2020 | Trần Trung Đức        | Nam | 1988 | Vĩnh Phúc  |                                                                         | 30/03/2017 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1347 | 3339-2016-249-1 | 01 | 14/07/2016 | 31/12/2020 | Đinh Thị Hạnh         | Nữ  | 1985 | Bắc Giang  |                                                                         | 30/03/2017 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1348 | 3665-2016-249-1 | 01 | 14/07/2016 | 31/12/2020 | Phạm Ngọc Tuấn        | Nam | 1980 | Thái Bình  |                                                                         | 30/03/2017 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1349 | 3718-2016-249-1 | 01 | 14/07/2016 | 31/12/2020 | Trần Thị Kim Oanh     | Nữ  | 1987 | Nam Định   |                                                                         | 30/03/2017 | Vô hạn     | Công ty đổi tên                                    |
| 1350 | 2611-2016-253-1 | 04 | 23/08/2016 | 31/12/2017 | Võ Thị Xuân Hương     | Nữ  | 1984 | Bình Định  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán KMF</b>                                   | 11/01/2017 | 31/12/2017 | Bị đình chỉ hành nghề từ 11/01/2017 đến 31/12/2017 |
| 1351 | 3269-2016-254-1 | 02 | 08/09/2016 | 31/12/2019 | Hoàng Quốc Việt       | Nam | 1985 | Phú Yên    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Thẩm định giá<br/>Asia Dragon</b>  | 01/06/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/06/2017           |
| 1352 | 3205-2016-255-1 | 02 | 12/9/2016  | 31/12/2020 | Nguyễn Thị Ngọc Tuyền | Nữ  | 1986 | Tiền Giang | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán &amp; Tư<br/>vấn Jung IL</b>              | 01/01/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2017           |
| 1353 | 3567-2016-255-1 | 01 | 12/9/2016  | 31/12/2020 | Ngô Minh Lập          | Nam | 1984 | Vĩnh Long  |                                                                         | 01/01/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/01/2017           |
| 1354 | 2196-2016-256-1 | 02 | 21/09/2016 | 31/12/2017 | Trần Thanh Vân        | Nữ  | 1983 | Hưng Yên   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Việt<br/>Tín</b>                          | 02/01/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/01/2017           |
| 1355 | 2806-2016-256-1 | 02 | 21/09/2016 | 31/12/2019 | Mai Xuân Phương       | Nữ  | 1986 | Long An    |                                                                         | 02/01/2017 | Vô hạn     | Chấm dứt hợp đồng lao động từ 02/01/2017           |

|      |                 |    |            |            |                          |    |      |           |                                                                                   |            |        |                                                |
|------|-----------------|----|------------|------------|--------------------------|----|------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
| 1356 | 3291-2016-258-1 | 02 | 28/10/2016 | 31/12/2019 | Nguyễn Thị Hiền          | Nữ | 1988 | Nghệ An   | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán và<br/>Tư vấn Đầu tư<br/>Thăng Long<br/>(TASIC)</b> | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/07/2017 |
| 1357 | 3314-2016-258-1 | 02 | 28/10/2016 | 31/12/2019 | Hoàng Thị Bích<br>Phượng | Nữ | 1988 | Hưng Yên  |                                                                                   | 01/07/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/07/2017 |
| 1358 | 2911-2017-261-1 | 02 | 05/01/2017 | 31/12/2018 | Nguyễn Ngọc<br>Vân       | Nữ | 1987 | Hà Nội    | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán KDG<br/>Việt Nam</b>                                | 03/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>03/05/2017 |
| 1359 | 3261-2017-262-1 | 03 | 06/01/2017 | 31/12/2019 | Huỳnh Thị<br>Minh Trang  | Nữ | 1964 | An Giang  | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Số 1</b>                                            | 01/02/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>01/02/2017 |
| 1360 | 3081-2017-262-1 | 02 | 06/01/2017 | 31/12/2019 | Nguyễn Phương<br>Dung    | Nữ | 1987 | Thái Bình |                                                                                   | 08/03/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>08/03/2017 |
| 1361 | 1960-2017-264-1 | 02 | 18/01/2017 | 31/12/2017 | Phạm Thị Ngọc<br>Hà      | Nữ | 1983 | Hải Phòng | <b>Công ty TNHH<br/>Kiểm toán Đông<br/>Dương</b>                                  | 31/05/2017 | Vô hạn | Chấm dứt hợp<br>đồng lao động từ<br>31/05/2017 |